

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN PHỔ YÊN

THỜI KỲ 1954 - 2000

THE UNIVERSITY OF
MICHIGAN LIBRARY

ANN ARBOR, MICHIGAN

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHỔ YÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN PHỔ YÊN

THỜI KỲ 1954 - 2000

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2004

TRƯỜNG SỬ DẠNG BỘ
HUYỆN PHỔ YÊN

THỜI KỲ 1954 - 2000

TRƯỜNG SỬ DẠNG BỘ
HUYỆN PHỔ YÊN

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

1. NGÔ XUÂN TRIỆU Tỉnh uỷ viên - Bí thư Huyện uỷ
2. HÀ THẾ MẶN Thường vụ Huyện uỷ - Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ
3. NGUYỄN QUANG NGUYỄN Thường vụ Huyện uỷ - Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ
4. HOÀNG XUÂN TIẾN Huyện uỷ viên - Chánh văn phòng Huyện uỷ
5. TRẦN NGỌC HÀ Trưởng phòng Văn hoá - thông tin - Thể thao Huyện
6. NGHIÊM XUÂN THẠO Cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện uỷ

BAN BIÊN SOẠN

1. PGS, TS. ĐỖ ĐÌNH HẰNG

2. PGS, TS. LÂM BÁ NAM

3. Ths ĐẬU TUẤN NAM

4. Ths VŨ TRƯỜNG GIANG

Tư liệu: NGHIÊM XUÂN THẠO

TRẦN QUỐC THU

Ảnh: HOÀNG VIỆT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phổ Yên là một vùng đất có bề dày lịch sử - văn hoá lâu đời và quá trình đấu tranh kiên cường anh dũng. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, cùng với nhân dân cả nước, Phổ Yên đã góp phần viết nên những trang sử vàng chói lọi của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tinh thần cách mạng của nhân dân Phổ Yên lại càng được phát huy.

Để ghi nhận những truyền thống quý báu, những thành tựu đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phổ Yên phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Phổ Yên, thời kỳ 1954-2000*. Cuốn sách đã phân nào ghi lại được những chặng đường cách mạng vẻ vang của nhân dân Phổ Yên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1954 đến nay. Những trang sử đó đã và đang tạo ra sức mạnh cho Phổ Yên vững bước thực hiện công cuộc đổi mới và xây dựng quê hương.

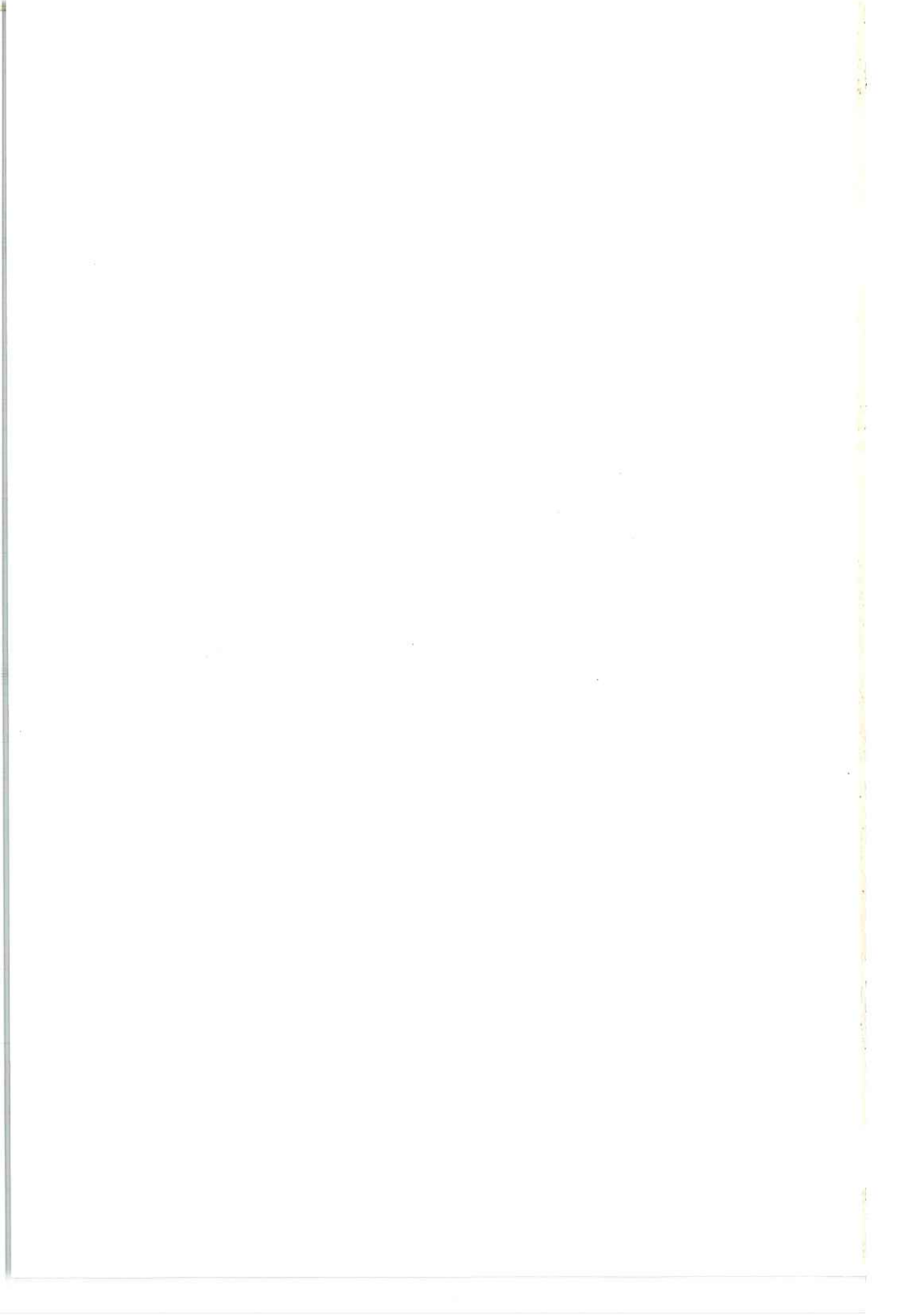
Nhân dịp kỷ niệm 74 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2004) và 114 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-2004), Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phổ Yên và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc, trước hết là đồng bào, đồng chí và đông đảo bạn đọc trong huyện nhà.

Tháng 5 năm 2004

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



Bản đồ hành chính huyện Phở Yên



LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dân các dân tộc Phổ Yên trong suốt chặng đường lịch sử của mình luôn có tinh thần cần cù trong lao động sản xuất xây dựng cuộc sống mới, đoàn kết anh dũng trong đấu tranh chống áp bức bóc lột và chống kẻ thù xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tinh thần đó càng được phát huy cao độ. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phổ Yên tự hào về truyền thống quê hương anh hùng trong kháng chiến cũng như sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất - và trên chặng đường mới xây dựng đất nước hiện nay - công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhận rõ tầm quan trọng đó, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phổ Yên đã quyết định cho biên soạn: "Lịch sử Đảng bộ huyện Phổ Yên thời kỳ 1954 - 2000" nhằm dựng lại một cách có hệ thống, chân thực, sinh động quá trình xây dựng và từng bước vững mạnh của Đảng bộ. Cùng với cuốn Lịch sử Đảng bộ Phổ Yên thời kỳ 1930 - 1954 (đã xuất bản năm 1995) cuốn sách này trở thành bộ sử của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên.

Đây là một trong những nguồn tài liệu quý góp phần

giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong Huyện nâng lên niềm tự hào, phát huy sức mạnh truyền thống trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước trên con đường đổi mới.

Cuốn sách đã kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó, những sự kiện lịch sử đã được thẩm định trong những lần xuất bản trước, nay được bổ sung và hoàn thiện hơn. Song, lịch sử phát triển của Đảng bộ từ 1954 đến nay, sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc Phổ Yên thời kỳ này là hết sức phong phú, đa dạng. Do những khó khăn về công tác lưu trữ tư liệu, những hạn chế trong quá trình biên soạn, nên cuốn sách vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong sự đóng góp ý kiến của đồng chí, của đồng bào, của các bạn đọc để lần tái bản sau được đầy đủ hơn.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân chứng lịch sử, đặc biệt sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã góp nhiều ý kiến, để cuốn sách ra đời đáp ứng mong đợi của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phổ Yên.

T/M. BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Bí thư

Ngô Xuân Triệu

Chương I

THỰC HIỆN KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954 - 1965)

I. CUỘC PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG THỰC HIỆN GIẢM TÔ VÀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Xoá bỏ toàn bộ giai cấp địa chủ, phong kiến, thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng" là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa đã được ghi trong các văn kiện của *Cương lĩnh cách mạng đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam vào dịp thành lập Đảng và trong *Luận cương chính trị của Đảng cộng sản Đông Dương* (tháng 10-1930), nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1939, thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp cách mạng Việt Nam. Năm 1940, phát

xít Nhật vào Đông Dương, câu kết với Pháp, đàn áp cách mạng nước ta, vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta ném vào cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945). Trước tình hình đó, Đảng ta trong các Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1939), 7 (1940), 8 (1941) đã xác định: đoàn kết toàn dân, tập trung mũi nhọn đấu tranh của dân tộc đánh đổ phát xít Nhật và thực dân Pháp, thực hiện nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu "*Làm cách mạng thuộc địa, thực hiện khẩu hiệu dân cày có ruộng*", chủ trương "*Tịch thu ruộng đất của đế quốc Pháp và những địa chủ Việt gian phản động, thực hiện giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện khẩu hiệu: "Người cày có ruộng"*".

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta cũng có những khó khăn chồng chất do thiên tai, thù trong, giặc ngoài gây ra. Trong hoàn cảnh đó, Đảng và Chính phủ đã đề ra những chủ trương, chính sách mang lại ngay tự do và hạnh phúc thực tế cho nhân dân lao động. Cùng với phong trào toàn dân khai hoang, phục hoá, tăng gia sản xuất và tiết kiệm để "diệt giặc đói", tháng 11 năm 1945, Bộ Nội vụ nước ta đã ra Thông tư quy định địa chủ phải giảm tô cho dân cày 25% mức tô trước ngày 19-8-1945.

Ngay trong cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài, gian khổ, ngày 1-7-1949, Chính phủ đã ra Sắc lệnh tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp, của bọn Việt gian phản động, ruộng vắng chủ, ruộng công và bán công cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu đất. Ngày 14-7-1949, Chính phủ ban hành Sắc lệnh giảm tô, sắc lệnh quy định giảm 25% mức địa tô so với trước cách mạng tháng Tám 1945, xoá bỏ các địa tô phụ, bãi bỏ chế độ quá điền. Ngày 20-5-1950, Chính phủ ban hành Sắc lệnh giảm tức, xoá bỏ tất cả các khoản nợ mà nông dân vay của địa chủ từ trước năm 1945 đồng thời buộc địa chủ phải giảm lãi suất đối với các khoản vay nợ mới.

Sau chiến thắng thu đông 1950, tháng 2 năm 1951, Đảng tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II. Chính cương của Đảng xác định: "*Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động*", từ đó chủ trương "*Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây*

cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"¹. Sau Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, ngày 12-4-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh về chính sách ruộng đất. Tháng 12-1953, Quốc hội khoá I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất.

Để thực hiện chính sách ruộng đất và Luật cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương phát động quần chúng thực hiện giảm tô, triệt để thoái tô và cải cách ruộng đất ở các xã thuộc vùng tự do của miền Bắc và miền Trung. Năm 1952, Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương đã tiến hành thí điểm phát động quần chúng thực hiện giảm tô, giảm tức tại 2 xã Dân Chủ và Đồng Bẩm thuộc huyện Đồng Hỷ (Thái Nguyên) sau đó mở rộng ra toàn tỉnh, kết thúc vào cuối năm 1953. Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương cũng chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, sau đó triển khai đợt 1, đợt 2 cải cách ruộng đất ở toàn thể các xã vùng xuôi của Thái Nguyên, kết thúc vào cuối năm 1954.

Tiến hành trong hoàn cảnh kháng chiến, đất nước còn tạm thời bị chia cắt, trình độ phát triển không đều của nông thôn vùng tự do, sự phá hoại

1 Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ Hai của Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1965, tr. 117.

của Pháp và tay sai..., mặc dù đã được Đảng ta chỉ đạo từ việc chuẩn bị chỉnh huấn cán bộ, đến từng đợt phát động quần chúng thực hiện, cuộc giảm tô và cải cách ruộng đất, bên cạnh mặt ưu điểm còn bộc lộ một số sai lầm, khuyết điểm...

Riêng ở huyện Phổ Yên, trước cách mạng tháng Tám 1945 có 19.418 mẫu ruộng đất canh tác, trong đó ruộng của địa chủ và của đồn điền người Pháp có số lượng khá lớn. Riêng ruộng của 4 đồn điền người Pháp đã là 8.063 mẫu. Bốn địa chủ Pháp (Chủ Chã, Thác Nhái, Sơn Cốt, Phúc Thuận) chiếm 11.230 mẫu. Ruộng thì chúng phát canh thu tô, đất đồi gò chúng thuê nhân công trồng cà phê. Rải rác ở một số xã trong huyện, có khoảng hơn 10 địa chủ người Việt là công chức bộ máy chính quyền tay sai của Pháp đã mua ruộng của nông dân địa phương rồi phát canh, thu tô ngay cho họ. Một vài địa chủ có vườn rộng trồng cây ăn quả. Ở một số nơi, địa chủ có số lượng ruộng đất khá lớn¹. Ở các địa phương, ruộng đất tư điền, công điền, công thổ

1 Ở xã Hồng Tiến, địa chủ Đoàn Thị Ấn (tức Huyện Giảng) có 160 mẫu, Phan Thuận có 52 mẫu, Gia Thụy có 50 mẫu. Ở Thắng Lợi, địa chủ Đỗ Đình Thảo có 206 mẫu, Đốc Huy có 121 mẫu. Ở Trung Thành, địa chủ Nguyễn Ngọc Linh có 18 mẫu, Trần Xuân Tân có 31 mẫu, Phạm Thị Tý có 85 mẫu, Quân Hoàn có 35 mẫu. Ở Thuận Thành, cố đạo gia tô Hoàng Nghĩa Thân có 25 mẫu.

tập trung phần lớn vào các gia đình hào lý, giàu có. Ở Thành Công, Đắc Sơn có người có tới ngót 100 mẫu ruộng. Họ phát canh thu tô, thuê người cày, cấy, gặt và cho vay nặng lãi. Tuyệt đại bộ phận nông dân tá điền không có hoặc ít ruộng đất, sống trong cảnh nghèo khổ, bệnh tật, tại quê hương hoặc tha phương cầu thực. Nguyên vọng có ruộng cày đối với họ rất bức xúc. Điều đó giải thích vì sao khi Đảng ra đời và chủ trương của Đảng giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho nông dân đã sớm được nhân dân ủng hộ, theo Đảng làm cách mạng.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, huyện đã tạm giao nguyên canh ruộng của 4 đồn điền Pháp, ruộng của địa chủ vắng mặt, ruộng của địa chủ hiến ruộng cho nông dân và tá điền. Năm 1949, huyện đã thực hiện nghiêm túc việc tạm cấp ruộng đất cho nông dân theo sắc lệnh của Chính phủ (trừ số ruộng đất của Đỗ Đình Thảo là địa chủ kháng chiến vẫn phát canh thu tô đến năm 1953). Năm 1951, Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp với biểu xuất lũy tiến. Nhiều hộ giàu có ở nông thôn đã phân tán ruộng đất để làm giảm nhẹ mức thuế phải nộp. Cũng từ sau cách mạng tháng Tám 1945 trở đi, nhiều hộ nông dân đã tiến hành khai hoang, phục hoá được thêm nhiều ruộng đất, chủ yếu là đất trồng màu. Do đó, đến năm 1953, nông

dân Phổ Yên về cơ bản đã có ruộng cày, nguyện vọng lâu đời của nông dân đã được thực hiện.

Theo chủ trương chung, cuối năm 1953 Phổ Yên tiến hành cuộc vận động giảm tô đợt 2 và cuối năm 1954 tiến hành cải cách ruộng đất đợt 2.

Cuộc vận động giảm tô đợt 2 của huyện đã đạt được những thắng lợi cơ bản: sơ bộ phân định thành phần giai cấp ở nông thôn trên cơ sở phát động tư tưởng nông dân; thực hiện thoái tô, thoái tức đối với địa chủ không thực hiện nghiêm chỉnh sắc lệnh giảm tô, giảm tức của Chính phủ, kiện toàn các tổ chức cơ sở ở nông thôn. Nông dân rất phấn khởi hăng hái đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tuy vậy, ở một số xã, cuộc vận động giảm tô đợt 2 đã mắc phải những sai lầm, nhất là sai lầm về quy thành phần làm cho một số đảng viên cơ sở bị quy là địa chủ, phú nông, địa chủ cường hào, bị đi tù oan...

Cuộc vận động cải cách ruộng đất đợt 2 diễn ra trong hoàn cảnh hoà bình đã được lập lại, song cũng vô cùng gay go, quyết liệt.

Đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn là đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, biến họ thành

người lao động. Tuy nhiên, dựa trên tiêu chuẩn và chỉ tiêu 5% hộ địa chủ phải có ở nông thôn chưa sát đúng, khi xét không khách quan, tin vào những lời tố cáo sai sự thật... nên đã phân định sai thành phần giai cấp bóc lột, đưa hầu hết địa chủ kháng chiến lên địa chủ cường hào, cường hào gian ác; đưa tuyệt đại bộ phận trung nông lớp trên lên địa chủ thường, phú nông hoặc thành phần bóc lột. Đa số những người bị quy sai thành phần, tuy trước là hào lý song từ sau 1945, họ đã tham gia kháng chiến. Một bộ phận trong số đó còn là cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Nghiêm trọng hơn, một số là gia đình có công với cách mạng, gia đình nông dân có họ hàng thân thích với người bị quy là địa chủ đều bị coi là "gia đình liên quan", bị phân biệt đối xử.

Đảng đã nghiêm cấm dùng hình thức nhục hình và nhục hình bêu trướng trong "đấu tố". Nhiều đội đã đấu tố tràn lan, ngoài đấu tố địa chủ còn đấu tố cả những đảng viên, những người bị quy là tay sai địa chủ. Do phân định sai thành phần giai cấp đã bỏ tù oan nhiều người. Cán bộ, đảng viên thoát ly khi gia đình bị "quy là địa chủ" đều bị xử lý như địa chủ, bị khai trừ ra khỏi Đảng và mọi tổ chức họ tham gia, bị đưa về địa phương. Số cốt cán trong giảm tô, đến cải cách ruộng đất hầu hết bị quy là tay sai

địa chủ, bị xử lý dưới nhiều hình thức kỷ luật Đảng. Số cốt cán cải cách ruộng đất được kết nạp vào Đảng, không qua thời gian dự bị, được công nhận đảng viên chính thức để kịp chỉ định phụ trách các cương vị chủ chốt của tổ chức ở xã...

Dựa vào các kết quả phân định thành phần giai cấp trong cải cách ruộng đất tháng 1 năm 1955, đội công tác chỉnh đốn cấp huyện đã mở Hội nghị tổng kết ở Đông Hạ xã Đông Cao. Đội công tác đã công bố danh sách Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện mới được cấp trên chỉ định. Tất cả các thành viên này đều xuất thân thành phần bán, nông. Trong 7 huyện uỷ viên có 3 cốt cán mới đề bạt trong cải cách ruộng đất. Các huyện uỷ viên cũ, người xuất thân thành phần gia đình địa chủ bị trả về địa phương, là cán bộ tổ chức cũ cũng đưa ra khỏi huyện uỷ. Các đoàn thể khác cũng có tình trạng tương tự...

Nguyên nhân dẫn đến sai lầm trong chỉ đạo thực hiện là tổ chức đặc trách đã lộng quyền, tư tưởng tả khuynh nặng. Ở các xã, đội cải cách ruộng đất định đoạt mọi công việc trong thời gian tiến hành cuộc vận động, chi bộ đảng ở cơ sở bị vô hiệu hoá. Một số đảng viên bị lên thành phần đã bị xử lý. Một số khác bị quy là "liên quan" địa chủ. Số còn lại lo sợ không dám đấu tranh bảo vệ sự thật. Số

mới được đề bạt vừa làm theo ý của đội công tác, không nắm vững tình hình địa phương, phương pháp làm việc chủ quan, giáo điều, lộng quyền... Những sai lầm trong cải cách ruộng đất đã gây thiệt hại khá nặng cho Đảng, làm cho tình hình nông thôn bị xáo trộn nặng nề, tổ chức cơ sở kém hiệu lực, tình cảm gia đình làng xóm sút mẻ, lòng tin của nhân dân bị giảm sút.

Cuối năm 1956, Trung ương Đảng phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 (khoá II) cuối năm 1956, Trung ương khẳng định kiên quyết sửa chữa sai lầm. Một số uỷ viên Trung ương được giao đặc trách cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã tự phê bình và tự nhận kỷ luật của Đảng. Trung ương chỉ đạo việc sửa chữa sai lầm cho các tỉnh.

Sẵn có truyền thống đoàn kết, thống nhất chống ngoại xâm, trước những khó khăn gay gắt trong những ngày đầu hoà bình mới lập lại, đặt vận mệnh của Tổ quốc lên trên hết, thông cảm với khó khăn tổn thất của Đảng, số cán bộ, đảng viên và nhân dân bị oan trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã nén chịu tổn thất, tự kiểm chế, xoá bỏ đổ kỵ, tích cực đóng góp vào việc sửa sai của địa phương. Do vậy, việc sửa sai được tiến hành

nhanh gọn, cơ bản là tốt. Những gia đình bị quy sai thành phần được sửa lại. Người đi tù oan được trả lại tự do, khôi phục quyền công dân, nhà cửa được trả lại, tài sản được đền bù thoả đáng. Số đảng viên bị xử lý oan được phục hồi đảng tịch, chức vụ, quyền lợi. Tổ chức cơ sở được kiện toàn. Một số cán bộ cũ được đưa vào huyện uỷ sau sửa sai.

Tại Hội nghị tổng kết sửa sai đầu năm 1957, ở Phổ Yên, Đảng bộ Phổ Yên rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, nhất là bài học về chống chủ quan, giáo điều, máy móc trong việc vận dụng, cụ thể hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào địa phương. Đặc biệt, sau sửa sai, nông thôn Phổ Yên bước vào thời kỳ ổn định; lòng tin của nhân dân đối với Đảng được khôi phục; tình cảm xóm làng, gia đình được hàn gắn dần; an ninh trật tự được bảo đảm. Đó là điều kiện vô cùng thuận lợi để Phổ Yên vững bước thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá trong những năm tiếp theo¹.

1 Tháng 6-1956, Phổ Yên về tỉnh Vĩnh Phúc khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc; tháng 7-1957, Phổ Yên được trở lại Thái Nguyên như trước.

II. CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ

1. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp của huyện.

Từ cuối năm 1957, sau khi hoàn thành việc sửa chữa sai lầm của cải cách ruộng đất, miền Bắc nước ta căn bản đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Tiếp tục thực hiện mục tiêu đã được Đảng đề ra từ khi ra đời và trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (khoá II) tháng 8-1955 đã thông qua một quyết định lịch sử: *"Bất kỳ tình hình như thế nào, miền Bắc cũng phải được củng cố và phải tiến lên chủ nghĩa xã hội"*¹.

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II đã họp, ra Nghị quyết về nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1958-1960). Nghị quyết nhấn mạnh: *"Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp. Chúng ta phải lấy hợp tác hoá nông nghiệp là khâu*

1. Báo cáo chính trị tại Hội nghị Trung ương 8 tháng 8-1955; Tạp chí Học tập, tháng 1-1960, tr. 31.

chính để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa"¹. Đồng thời, Nghị quyết chỉ rõ: "Hợp tác hoá là con đường đúng đắn duy nhất để đưa nông thôn miền Bắc lên chủ nghĩa xã hội"².

Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du. Hầu hết các xã vùng xuôi đã qua cải cách ruộng đất đợt 1 và đợt 2, số xã vùng cao tiến hành cải cách dân chủ kết hợp với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Tháng 2 năm 1959, Hội nghị đại biểu tỉnh đảng bộ Thái Nguyên đã ra Nghị quyết về vận động hợp tác hoá nông nghiệp trên địa bàn tỉnh với chỉ tiêu đến hết năm 1959 đưa 50,7% số hộ nông dân lao động vào Hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, mỗi huyện tổ chức từ 1 đến 2 Hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, đồng thời tăng cường củng cố và phát triển Hợp tác xã mua bán và Hợp tác xã tín dụng trong nông thôn³.

Ở Phổ Yên, sau cải cách ruộng đất, nông dân lao động đứng trước sự lựa chọn giữa con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Nông thôn đã bước đầu phân hoá. Một số hộ có sức lao động, tiền vốn

1, 2. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (11-1958)* Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1959, tr.15-24.

3. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, t.2, tr.35.

đã thuê mướn nhân công, bóc lột sức lao động. Một số bản nông mới được chia quả thực trong cải cách ruộng đất đã bán nhà, bán ruộng. Phong trào đòi công được xây dựng trong những năm 1952, 1953 đến cải cách ruộng đất bị tan vỡ hết, sau cải cách ruộng đất và sửa sai nhiều nơi chưa khôi phục lại. Một số xã đã lập được Hợp tác xã mua bán và Hợp tác xã tín dụng xã.

Thực hiện chủ trương hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng, mục tiêu và chỉ tiêu phấn đấu trong kế hoạch 3 năm (1958-1960) của tỉnh, Hội nghị đại biểu Huyện đảng bộ Phổ Yên lần thứ 4 cuối năm 1958 đã ra Nghị quyết về mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ra toàn huyện và căn bản hoàn thành việc đưa nông dân vào làm ăn tập thể năm 1960.

Từ tháng 4-1958, huyện đã xây dựng thí điểm Hợp tác xã nông nghiệp Thanh Hoa, một xóm gồm hầu hết hộ nông dân tá điền của đồn điền Chã cũ (nay thuộc xã Trung Thành). Sau đó, huyện xây dựng tiếp Hợp tác xã Quán Vã, xã Đồng Tiến gồm hầu hết hộ nông dân tá điền của đồn điền Sơn Cốt cũ. Dựa trên sự tự nguyện của nông dân kết hợp với sự chọn lọc những hộ có phẩm chất chính trị tốt, ở hai hợp tác xã này đã đưa khoảng 50% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã bậc thấp, quy

mô xóm. Sau Hội nghị đại biểu huyện đảng bộ Phố Yên lần thứ 4 cuối năm 1958 và sau khi tổng kết thí điểm ở Thanh Hoa và Quán Vã, cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từng bước được mở rộng ra toàn huyện.

Đến cuối năm 1960, toàn huyện đã căn bản hoàn thành việc đưa nông dân lao động vào trong 157 hợp tác xã quy mô xóm với trên 70% tổng số hộ nông dân toàn huyện. Một số xóm ở 2 xã miền núi hoàn thành vào đầu năm 1961. Trong số hợp tác xã nông nghiệp mới xây dựng có 16 hợp tác xã có đồng bào Sán Diu và 2 hợp tác xã gồm đồng bào Dao ở 3 xã Thành Công, Phúc Thuận và Minh Đức. Tình hình hợp tác xã ở các xã như sau:

1. Tân Hương (7 hợp tác xã): Tân Long, Cầu Tiến, Tân Trung, Hương Đình, Trinh Nữ, Trường Thịnh, Duyên Bắc.

2. Đông Cao (9 hợp tác xã): Me, Độc, Đông, Soi, Nam Đô, Trà Thị, Đồi Soi Sắn, Dơ Thành Cô, An Phong.

3. Tân Phú (9 hợp tác xã): Thanh Vân, Tân Thịnh, Tiến Bộ, Đông Thắm, Trung Đình Lợi, Xóm Đình, Hương Đình, Quyết Tâm.

4. Thuận Thành (9 hợp tác xã): Dân, Đầm, Chùa,

Đông Triều, Phú Thịnh, Đoàn Kết, Xây, Thượng, Triều Lai.

5. Trung Thành (9 hợp tác xã): Thanh Hoa, Thanh Xuyên, Kim Tĩnh, Xuân Thu, Cẩm Trà, An Lâm, Cầu Sơn, Hưng Phú Thịnh, Tân Hợp Thịnh.

6. Nam Tiến (10 hợp tác xã): Hộ Sơn, Giữa, Trường Thịnh, Hạ, Đồi, Lò, Chùa, Núi, Trại.

7. Đắc Sơn (10 hợp tác xã): Đắc Hiền Trong (xóm Dầm), Đắc Hiền Ngoài (xóm Đài), Bến Trần, Chiềng, Dương, Đắp, Mũn, Thông Hạ, Ba Xã.

8. Đồng Tiến (11 hợp tác xã): Quán Vã, xóm Dãy, Yên Ninh, Ninh Trù, Kim Thái, Đại Phong, Đại Cát, Vinh Xương, Thanh Quang, Thanh Thù, Thái Bình.

9. Hồng Tiến (11 hợp tác xã): Mãn Chiêm, Giếng, Xóm Ngoài; Vân Hồng, Cống Thượng, ấm Diện, Thành Lập, Đông Sinh, Hiệp Đồng, Xóm Chùa.

10. Thắng Lợi (12 hợp tác xã): Vinh Lợi, Vinh Du, Kè Vượng, Tiên Phong, (Xóm Bảy, Gon Giã, Gáo), Khuynh Thạch, Xuân Thành, Miếu, Phố Cò, Dân Sinh, Dân Quyết, Vinh Quang.

11. Tiên Phong (8 hợp tác xã): Hảo Sơn, Cổ Pháp, Yên Trung, Nguyễn Hậu, Thù Lâm; 3 hợp tác xã Bình Tiến.

12. Đại Xuân (6 hợp tác xã): Xuân Trù, Trung Tâm, Giã Thù: (2 hợp tác xã), Giã Trung, Đại Tân.

13. Hợp Thành (nay là Vạn Phái) (7 hợp tác xã): Vạn Phái, Kim Sơn, Nông Vụ, Cơ Phi, Bến Chảy, Hạ Vụ, Tân Hoà.

14. Thành Công (14 hợp tác xã): Phú Đạt, Tân Yên, Danh, Cầu Dài, Rừng Tơm, Chùa, Xuân Dương, Đan Hà, Long Thành, An Thịnh, An Hoà, An Bình, An Miên, Thượng Vụ.

15. Minh Đức (8 hợp tác xã): Đầm Muong, Thống Thượng, Châm, Lầy, Đạm, Thuận Đức, Xóm Hồ, Cầu Giao.

16. Phúc Thuận (14 hợp tác xã): Đức Phú, Phúc Long, Phúc Tài, Tân Ấp, Nông Trường, Đồng Đảng, Trung Năng Thượng, Trung Năng Hạ, Xóm Trung, Đầm Muối, Đầm Ban.

Kết thúc kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế với việc căn bản hoàn thành vận động nông dân vào làm ăn tập thể, nông thôn Phố Yên đã có bước nhảy lớn: Giai cấp nông dân tập thể được xác lập, tạo điều kiện cho việc hoàn thành kế hoạch 3 năm (1958-1960) và cho việc thực hiện các kế hoạch Nhà nước những năm tiếp theo.

Tuy vậy, phong trào hợp tác hoá của huyện lúc này chưa thật vững chắc, đã bộc lộ những tồn tại

lớn: Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đã hình thành, song cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã hầu như chưa có gì, ý thức làm chủ tập thể của xã viên chưa được xác định, nhất là trình độ quản lý hợp tác xã của đội ngũ cán bộ còn non kém.

2. Xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

Từ 1961 đến 1965, bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất 1961-1965, cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của huyện có những thuận lợi lớn: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong bước đi ban đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Tiếp đó, Trung ương đã ra Nghị quyết 5 (1961) về nông nghiệp. Việc Trung ương và tỉnh triển khai công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá trên địa bàn huyện đã có sự tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp, hợp tác hoá của huyện. Tuy vậy, với những tồn tại lớn trong bản thân các hợp tác xã, thiên tai xảy ra gay gắt, thường xuyên, cộng với sự nôn nóng muốn nhanh chóng đưa hợp tác xã quy mô xóm bậc thấp lên quy mô thôn bậc cao, mặc dù huyện đã hoàn thành cuộc vận động về cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 1, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật

chất và kỹ thuật, áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật mới vào hợp tác xã...nhưng mùa màng bị thất bát, giá trị ngày công của hợp tác xã không cao, một bộ phận lớn sức lao động chính bị lôi cuốn vào làm công cho các công trường xây dựng trong huyện có thu nhập cao hơn. Đời sống của một bộ phận xã viên bị giảm sút. Nhiều hợp tác xã đã đưa lên quy mô thôn ở Tân Hương, Trung Thành, Thăng Lợi... mới hợp nhất được một vài vụ đã phải rút về quy mô xóm. Từ năm 1963 trở đi, rải rác ở các xã trong huyện, số hộ xã viên xin ra hợp tác xã ngày một tăng, một số hợp tác xã ở các xã ven sông Cầu có nguy cơ tan vỡ: xã Tân Phú có 9 hợp tác xã, năm 1964 bị vỡ 8, còn lại hợp tác xã Quyết Tâm (xóm Trại). Tỷ lệ hộ nông dân trong hợp tác xã toàn huyện từ 95% tụt xuống còn 70%.

Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ cử đồng chí Nguyễn Đình Chất, Phó ban công tác nông thôn của Tỉnh uỷ về làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Nguyễn Thị Phong với quyết tâm chung là tìm mọi cách khôi phục lại hợp tác xã. Tháng 7 năm 1965, huyện đã tiến hành Đại hội đại biểu Huyện đảng bộ lần thứ 8 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ Doanh Hằng. Đại hội cũng đã được đồng chí Hoàng Quốc Việt về thăm và động viên.

Đại hội đã ra Nghị quyết biểu thị quyết tâm cao khôi phục và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp của huyện, đưa hầu hết hợp tác xã quy mô xóm lên quy mô thôn hoặc liên thôn, từ hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp lên bậc cao, kết nạp hầu hết số hộ nông dân còn lại vào hợp tác xã, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên nông thôn có gia đình còn đứng ngoài hợp tác xã.

Sau Đại hội Huyện Đảng bộ, toàn huyện đồng loạt triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện đề ra, nguy cơ tan vỡ hợp tác xã đã được chặn đứng, số hợp tác xã tan vỡ được khôi phục, 97% số hộ nông dân lao động trong huyện được đưa vào 67 hợp tác xã quy mô thôn hoặc liên thôn. Trên cơ sở hợp tác xã được củng cố, huyện đã hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất 1961-1965.

Trước cách mạng tháng Tám, Phổ Yên là huyện nông nghiệp độc canh, nghèo nàn, lạc hậu. Toàn huyện có khoảng gần 7.000 ha đất canh tác, trong đó 1/3 là chân ruộng sâu thường bị lụt. Cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp chỉ có 27 km đê sông Cầu, sông Công chỉ chịu nổi lũ cấp 2. Ứng lụt, hạn, bão luôn luôn làm cho đồng ruộng Phổ Yên trở thành "bất yên". Thiên tai cùng với sự bóc lột của bọn chủ điền Pháp, của địa chủ, phú nông địa

phương làm cho đời sống nông dân, tá điền rất cơ cực. Nhân dân Phổ Yên chịu mang tên cay đắng là "Dân mũ mo, con củ" (sống bằng luồn rừng và khoai lang, khoai sọ).

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nông dân Phổ Yên được đổi đời, từ dân nô lệ trở thành chủ nhân đất nước. Trong 9 năm (1946-1954) kháng chiến chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, Phổ Yên tuy ở vùng tự do song thuộc vùng giáp ranh với vùng bị địch tạm chiếm, thiên tai địch hoạ là những khó khăn to lớn và gay gắt đối với sản xuất nông nghiệp của huyện. Mặt khác, dân số tăng nhanh từ trên dưới 2 vạn người năm 1945 lên trên dưới 4 vạn người năm 1953, bao gồm đồng bào tản cư sống xen kẽ với nhân dân địa phương, chưa kể hàng nghìn nhân khẩu thường trú. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành liên tiếp nhiều chính sách tiến bộ, đặc biệt là chính sách ruộng đất, cùng với các cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm, phát triển kinh tế và văn hoá kháng chiến, kinh tế của Phổ Yên đã được phát triển một bước, đảm bảo đời sống nhân dân trong chiến tranh, đóng góp đặc lực cho cuộc kháng chiến lâu dài, giành thắng lợi vĩ đại trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, tạo không khí

phấn khởi, song khó khăn gay gắt mới đã xảy ra. Trận lụt năm 1954 làm mùa màng Phổ Yên thiệt hại nặng. Nạn "đói" từ vùng mới giải phóng lan sang Phổ Yên và các huyện phía nam tỉnh. Pháp tìm mọi cách phá hoại miền Bắc sau khi rút quân. Chúng cưỡng bức đồng bào thiên chúa giáo phải di cư vào Nam¹.

Thiên tai, địch hoạ với sai lầm trong cải cách ruộng đất đợt 2 cuối năm 1954 càng làm cho tình hình trong huyện thêm khó khăn, phức tạp. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Đảng bộ Phổ Yên đã tổ chức cho nhân dân toàn huyện thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế (1955-1957) từ việc nhanh chóng ổn định dân cư, đẩy mạnh sản xuất, khắc phục nạn đói đang xảy ra, giữ gìn an ninh trật tự đến việc từng bước khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại, phục hồi và phát triển một bước kinh tế và văn hoá trên địa bàn huyện.

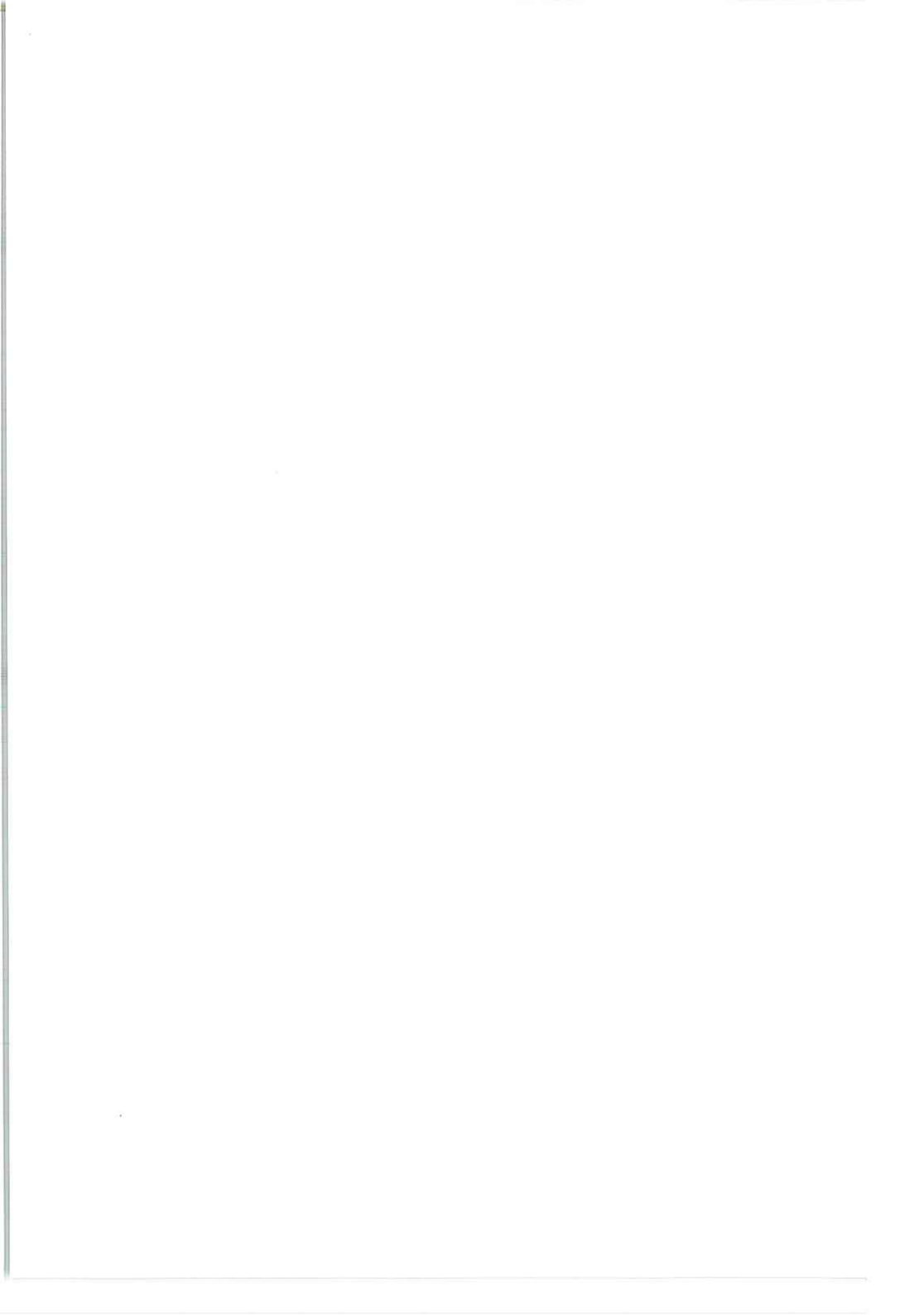
Về ổn định dân cư, toàn huyện có sự sắp xếp lại cho phù hợp với tình hình mới. Một số "Thị trấn kháng chiến" như Phố Giá (nay thuộc xã Đông

1. Đồng bào công giáo ở xóm Đồng bãi đầu cầu Đa Phúc thuộc xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, nay thuộc hợp tác xã Phú Thịnh, xã Thuận Thành đã di cư gần hết.



Bác Hồ về thăm một gia đình nông dân huyện Phổ Yên
năm 1955

(Ảnh tư liệu TTXVN)



Cao), phố Long Thành (nay thuộc xã Thành Công) được giải thể do đồng bào tản cư nay hồi cư. Phố Chã (Đông Cao), Phố Cò (nay thuộc xã Cải Đan, thị xã Sông Công), phố Đình Đôi (Trung Thành) khôi phục, phố Đầu cầu Đa Phúc (Thuận Thành) và Thanh Xuyên hình thành và phát triển. Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện và các cơ quan xung quanh huyện từ nơi sơ tán trở về phố Ba Hàng (xã Đồng Tiến), hình thành huyện lỵ mới. Các trường cấp I, II trở lại hoạt động bình thường tại địa điểm mới thuận tiện. Một số chợ mới hình thành và phát triển.

Về khắc phục trước mắt hậu quả của chiến tranh, huyện đã chỉ đạo sửa sang lại đường sá, cầu cống đã bị phá hoại trước đây, san lấp các ụ đất trên hai đê; san lấp hầm hào trong nhà, ven đường, ngoài đồng, làm cầu phao qua sông Công cho phái đoàn ta dự Hội nghị quân sự Trung Giã, ổn định đồng bào công giáo ở Trà Thị (Đông Cao) và một số ít hộ ở xóm đạo (Thuận Thành), phá kế hoạch cưỡng bức di cư của địch.

Khôi phục và phát triển kinh tế, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian này. Do việc trồng rau, màu ngắn ngày vụ đông xuân 1954-1955 cùng với việc chia "Quả thực"

trong cải cách ruộng đất đợt 2, huyện đã khắc phục nhanh nạn đói đầu năm 1955, đẩy nhanh việc làm thuỷ lợi nhỏ, khai hoang phục hoá ở 2 xã Trung Thành và Hợp Thành, bảo đảm sản xuất vụ mùa 1955, 1956 thắng lợi mặc dù bị sâu bệnh nặng.

Năm 1956, Phổ Yên được chuyển giao về tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1957, sau sửa sai của cải cách ruộng đất, thể theo nguyện vọng của nhân dân, Phổ Yên được trở lại Thái Nguyên.

Khó khăn chồng chất, công việc bề bộn, Huyện uỷ đã quyết tâm lãnh đạo nhân dân toàn huyện hoàn thành kế hoạch, khôi phục và phát triển kinh tế 3 năm 1955-1957 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khoá II) tháng 1-1955.

Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất cùng với cả nước và toàn tỉnh, Phổ Yên bước vào giai đoạn cách mạng mới, mở đầu bằng kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958-1960) khôi phục và phát triển kinh tế và văn hoá theo tinh thần Nghị quyết 14 của Trung ương Đảng.

a. Nông, lâm nghiệp.

- Nông nghiệp:

Tuy đã được phát triển một bước trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), nông nghiệp Phổ Yên bước vào thời kỳ cải tạo và phát triển từ

1958 trở đi vẫn là một nền nông nghiệp độc canh, nghèo nàn, lạc hậu.

Thuận lợi lớn nhất của huyện là nằm trên trục quốc lộ 3 và đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên nối thủ đô Hà Nội với thành phố Thái Nguyên, thủ phủ khu tự trị Việt Bắc. Cùng với việc xây dựng khu gang thép đầu tiên của Tổ quốc, Trung ương và tỉnh triển khai xây dựng hàng loạt cơ sở vật chất và kỹ thuật cơ sở văn hoá trên địa bàn huyện.

Khó khăn lớn nhất của huyện là: cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nông nghiệp còn nghèo, thiên tai gay gắt thường xuyên, dân số tăng nhanh. Đặc biệt, đất nước vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh, miền Bắc vừa xây dựng vừa chi viện miền Nam chống Mỹ cứu nước, vừa đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ đánh phá miền Bắc, Phổ Yên là một trong những trọng điểm đánh phá có tính huỷ diệt của địch.

Trong 3 năm 1958 - 1960, quán triệt tinh thần Nghị quyết 14, 16 của Trung ương, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã ra Nghị quyết *"Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp lấy sản xuất nông làm chính nhằm giải quyết vấn đề lương thực"*¹.

1. *Lịch sử Đảng bộ Bắc Thái*, t. 2, tr. 39.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III tháng 9-1960 đã vạch ra đường lối và nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc. Tiếp đó Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ V (7-1961), lần thứ VIII (1963) đã đề ra đường lối phát triển nông nghiệp trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện Nghị quyết của cấp trên một cách nghiêm túc, từ 1958 đến 1975 Phổ Yên đã tiến hành 9 kỳ Đại hội đại biểu Huyện Đảng bộ về xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện nhằm đưa huyện Phổ Yên từ thuần nông tiến dần lên huyện nông lâm công nghiệp của tỉnh.

Quá trình nói trên là quá trình xác định phương hướng sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện từ độc canh, phân tán, năng suất thấp tiến lên tập trung, thâm canh, chuyên canh kết hợp với kinh doanh toàn diện, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, có nhiều nông sản hàng hoá, trên cơ sở đó không ngừng cải thiện đời sống nhân dân trong huyện, tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa cho hợp tác xã, làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đồng thời cũng là quá trình xác định cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cây trồng và vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng

ruộng, là quá trình phát triển sản xuất kết hợp với quá trình hợp tác hoá, thuỷ lợi hoá, giao thông hoá, xây dựng nông thôn mới, xây dựng Huyện Đảng bộ từ "4 tốt" đến trong sạch, vững mạnh. Những quá trình nói trên đã được cụ thể hoá như sau:

Trước cách mạng tháng Tám, Phổ Yên chỉ sản xuất vụ mùa là chính, bao gồm lúa mùa sớm và muộn. Vụ đông xuân do thiếu nước nên chỉ có một số xã có gieo cấy một số ít diện tích lúa chiêm trũng, còn chủ yếu trồng sắn, khoai lang, cây thực phẩm (đỗ các loại) và một số ít diện tích cây công nghiệp ngắn ngày (mía, đỗ tương, vừng, thầu dầu, đậu tằm. Một số xã ven sông có trồng rau (rau muống, rau cần, cải các loại). Một số xã phía Bắc huyện trồng cà chua, cà xanh, dưa chuột. Do vụ mùa bấp bênh, để giải quyết giáp hạt tháng 8 hàng năm, nhiều xã đã gieo cấy vụ hè thu (lúa Bagiăng vùng ngoài, lúa Mố vùng núi).

Sau cách mạng tháng Tám, phong trào khai hoang, phục hoá mở rộng. Nhiều giống cây trồng mới được bổ sung vào danh sách cây trồng của huyện (khoai lang lim, sắn ngắn ngày, rau các loại) đồng thời cũng hình thành vụ lúa xuân mới trên chân ruộng cạn (lúa Nam Ninh) ở các xã phía bắc và trung tâm huyện, nhờ hệ thống thuỷ lợi phát triển, diện tích lúa chiêm đã tăng dần.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp tháng 7-1954, sau khi thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế 1955-1957 và kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế 1958-1960, từ 1961 trở đi, Phổ Yên đã coi trọng "Khai hoang phục hoá, tăng vụ, tăng năng suất các loại cây trồng" trên cơ sở sắp xếp lại cơ cấu mùa vụ, cơ cấu các loại cây trồng theo phương hướng phân vùng sản xuất của tỉnh.

Từ sản xuất vụ mùa là chính, sản xuất vụ đông xuân là phụ trong những năm 1955 đến 1965, đến 2 vụ đều là chính từ 1965 trở đi, đặc biệt những hợp tác xã vùng úng lụt (Phú Cốc xã Tân Phú, những hợp tác xã ven sông Công) vụ chiêm xuân trở thành vụ sản xuất chắc ăn nhất trong năm.

Huyện đã thực sự coi trọng việc tăng diện tích và thâm canh cả cây lúa và cây hoa màu lương thực. Đã đưa sản lượng hoa màu lên chiếm 30% tổng sản lượng lương thực hàng năm theo tinh thần Nghị quyết VIII của Trung ương (1963). Cơ cấu cây hoa màu lương thực đã được xác định chung nhất là sắn, khoai lang, ngô; miền núi thêm dong riềng; các xã ven sông Cầu thêm khoai tây; toàn huyện bỏ dần cây khoai sọ là cây dài ngày (trồng từ tháng 9 âm lịch năm trước, thu hoạch vào tháng 5 âm lịch năm sau).

Trên cơ sở hình thành vùng sản xuất tập trung, huyện đã phát triển các loại rau truyền thống (muống, cần, rau cải, cà chua, cà xanh, dưa chuột) và các loại rau cao cấp mới như su hào, bắp cải, xúp lơ, đậu cove, hành, tỏi, rau xanh đã trở thành nông sản hàng hoá. Diện tích cây đỗ các loại bị giảm dần do tăng diện tích lạc từ 1965 trở đi. Để bảo đảm diện tích và sản lượng theo kế hoạch Nhà nước giao, nhiều hợp tác xã đã tích cực gieo trồng xen canh, gối vụ cây thực phẩm với diện tích cây trồng khác.

Trong số cây trồng truyền thống, mía và đỗ tương vẫn được coi trọng. Đậu tằm, thầu dầu mất hẳn sau Cách mạng tháng Tám, 2 loại cây trồng được khuyến khích phát triển từ 1960 trở đi là cây chè và cây lạc. Năm 1963, Ty nông nghiệp tỉnh giúp huyện chỉ đạo thí điểm trồng lạc ở hợp tác xã Quảng Ninh (Đồng Tiến) nhằm cải tạo đất bạc màu và có nông sản xuất khẩu. Từ đó, cây lạc trở thành nông sản hàng hoá chủ lực của Phổ Yên sau cây lúa và chè. Tất cả các xã đều trồng lạc. Cây thuốc lá phát triển khá mạnh ở các xã Tân Phú, Đông Cao, Trung Thành trong những năm 50, 60.

Phổ Yên có nhiều loại cây ăn quả truyền thống. Những cây đã trở thành hàng hoá như: quýt, vải, trám, sấu, chuối, mít... Tuy nhiên, từ sau năm

1945, các soi quýt ở Vân Trai, Đông Hạ, Trà Thị... bị mất hẳn. Trong quá trình hợp tác hoá nông nghiệp, khi tiến hành công hữu hoá vườn cây đặc sản thiếu thận trọng, nhiều vườn trám, vải của các xã Tiên Phong, Đại Xuân, nhiều vườn sấu ở hợp tác xã Phú Cốc, xã Tân Phú bị chặt phá.

Tóm lại, cơ cấu vụ mùa và cơ cấu cây trồng của huyện đã tương đối hợp lý. Để bảo đảm hiệu quả kinh tế cao, đòi hỏi phải đưa tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng trên cơ sở không ngừng hoàn thiện thuỷ lợi hoá, hoá học hoá nông nghiệp.

- *Chăn nuôi:*

Chăn nuôi của Phổ Yên được phát triển một bước từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Những vật nuôi truyền thống là trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng, cá. Đó là kết quả chọn lọc của nông dân từ lâu đời. Từ 1961 trở đi, thành tích nổi bật nhất trên lĩnh vực chăn nuôi là sự cải tiến giống vật nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

Từ sau 1960, Huyện đã coi trọng chăn nuôi nói chung, chăn nuôi trâu bò là ngành chính, lấy chăn nuôi tập thể là chủ yếu, coi trọng cả trâu bò sinh sản và cày kéo. Mục tiêu phấn đấu của huyện là tự túc trâu bò cày kéo, bình quân mỗi ha gieo trồng có 1 trâu, bò.

Song, trong chỉ đạo thực hiện đã có nhiều khuyết điểm như: Quá trình vận động nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp đã công hữu hoá đàn trâu bò của xã viên với giá quy định quá thấp, (các hợp tác xã miền núi hầu như chưa công hữu hoá trâu bò). Số trâu bò đã công hữu, giao cho hộ xã viên thiếu lao động, đông con nhằm điều hoà thu nhập cho những hộ này. Họ đã không đủ nguồn thức ăn và điều kiện chăm sóc, hợp tác xã chỉ chú trọng đến trâu bò cày kéo nên trâu bò sinh sản giảm dần, công điểm khoán nuôi trâu bò còn nhiều điều bất hợp lý (công chăn nuôi, chia rơm cho trâu, giá phân chuồng), nguồn thức ăn cho trâu bò giảm dần do ruộng đất giành cho chăn nuôi bị lấn chiếm dần. Trâu bò nhập vào huyện chưa được chọn lọc, vệ sinh phòng bệnh chưa tốt, trâu bò vừa đói, vừa rét lại phải cày bừa nhiều, vừa cày cho tập thể vừa cày cho gia đình. Hàng năm, số trâu bò toàn Huyện chết từ 600 đến 1000 con. Năm 1965, số trâu bò chết tới 2000 con. Để đối phó lại tình trạng trên, hợp tác xã Phù Hương đã rút trâu bò giao cho hộ xã viên về những chuồng nhốt tập thể tại đội sản xuất kết hợp với khoán cho gia đình chăm sóc. Lối chăn nuôi này gây trở ngại cho người cày nên về sau đã bị phá bỏ. Năm 1965, Huyện uỷ đã ra Chỉ thị 17, Uỷ ban hành chính huyện ra Thông tri 21

hướng dẫn việc chăn nuôi trâu bò tập thể, từ chăm sóc trâu bò cày kéo, định giá chăn nuôi trâu bò sinh sản, thu hồi bê nghé, phân chia phụ phẩm nông nghiệp, định nghĩa vụ phải nộp với giá khuyến khích nguồn phân chuồng của gia đình xã viên nuôi trâu bò tập thể. Công tác vệ sinh phòng bệnh được tăng cường. Kết quả đã hạn chế bớt số trâu bò chết hàng năm.

Từ lâu, chăn nuôi lợn đã là một nguồn thu chính của nông dân trong huyện. Trước năm 1954, bình quân mỗi hộ nuôi 1 con lợn, trọng lượng xuất chuồng dưới 40 kg/con. Một số thôn nuôi lợn nái bằng giống địa phương (lợn quê), sau đã nhập giống lợn ý và lang hồng từ đồng bằng lên. Trà Thị (Đông Cao) là thôn chăn nuôi lợn sinh sản nhiều hơn cả.

Năm 1965, sau khi đưa hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô thôn, huyện đã chú ý đến việc phát triển đàn lợn lấy việc chăn nuôi gia đình là chủ yếu, đồng thời khuyến khích hợp tác xã nông nghiệp chăn nuôi lợn tập thể cả lợn thịt và lợn sinh sản. Mục tiêu phấn đấu: bình quân mỗi hộ nuôi từ 1 đến 2 con lợn, mỗi ha gieo trồng có 2 con, trọng lượng lợn xuất chuồng từ 50 kg/con trở lên. Nhiều hợp tác xã đã tự túc được lợn giống nuôi nhằm bảo đảm giao nộp đủ nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà

nước, tiêu dùng một phần trong hợp tác xã và tăng phân bón cho đồng ruộng.

Thả cá đã là tập quán lâu đời của nông dân Phổ Yên trong các ao gia đình. Nguồn cá thiên nhiên do 2 con sông và vùng ruộng đất chiêm trũng của huyện cung cấp. Cá Cháy là cá đặc sản của sông Cầu. Từ năm 1960, các ao hồ công hữu hoá. Phong trào làm thuỷ lợi nội đồng suốt thời kỳ 1961-1970 đã tạo nên hàng trăm ha mặt nước rộng. Riêng hợp tác xã Tân Hương có 5 hồ đập lớn rộng gần 30 ha. Ngoài ra còn hơn 100 ha ruộng có thể thả cá ruộng.

- Thuỷ lợi:

Đất đai Phổ Yên hẹp nhất so với các huyện trong tỉnh (khoảng 300.000 ha), bình độ không đều lại bị chia cắt bởi 3 con sông (sông Cầu, sông Công, sông Phúc Thuận) và hơn 10 con ngòi lớn nhỏ. Bốn xã phía nam huyện bị sông Cầu và sông Công bao bọc. Do vậy, úng lụt, hạn cùng với nạn xói mòn, rửa trôi, cát bồi làm cho mùa màng thường xuyên bất yên, đồng ruộng bạc màu nghiêm trọng.

Là một huyện nông nghiệp, nông dân Phổ Yên sớm ý thức được thuỷ lợi hoá nông nghiệp là biện pháp sống còn của huyện. Nhưng sự nghiệp thuỷ lợi hoá này chỉ được phát triển mạnh mẽ, hiệu quả

cao từ 1958 kết hợp với quá trình hợp tác hoá nông nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Phổ Yên có khoảng 27 km đê trong số 40 km đê của tỉnh (Đê sông Cầu và đê sông Công). Ở Phổ Yên, lũ lụt thường gây thiệt hại lớn cho mùa màng vào 2 thời kỳ: lụt Tiểu Mãn (tháng 5 dương lịch) thường làm hỏng lúa chiêm, lụt Trung Phục (tháng 8 dương lịch) thường làm hỏng lúa mùa chính vụ hàng năm.

Thời kỳ phong kiến, nông dân đã đắp đê theo kiểu khoanh vùng để bảo vệ mùa màng từng cánh đồng hẹp. Ngày nay, rải rác các xã ven sông vẫn còn di tích đê đắp từ hồi đó. Thời Pháp thuộc, đầu thế kỷ XX, các đê sông Cầu và sông Công thuộc các xã Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Trung Thành và Tiên Phong đã được tôn cao. Năm 1943, đê sông Cầu đã được gia cố lớn song vẫn chỉ đối phó được với đỉnh lũ báo động số 2. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ngoài thiên tai, mối, địch còn thường xuyên bắn phá gây khó khăn cho việc tu bổ đê điều hàng năm. Mùa mưa đến, phòng chống bão lụt là công tác quan trọng và trọng tâm đột xuất của toàn huyện.

Hệ thống sông Cầu, năm 1959 xảy ra trận lũ lịch sử. Đỉnh lũ ở Chã (Đông Cao) lên tới 11,75 m trên mức báo động số 3 đã làm tràn quãng đê Trà Thị (Đông Cao), có chỗ sâu 0,5 m. Bộ đội, dân quân,

thanh niên đã phải khoác tay làm hàng rào chặn bớt dòng chảy cho nhân dân đắp con trạch chống được nạn lụt năm đó. Song trận lụt đã làm sạt lở nhiều quãng đê ở Đông Cao (khúc đê Chã bị sạt lở do dân đào hầm tránh máy bay chống Pháp để canh tác trước đây), Vân Trai (Tân Phú) và Phù Lôi (Thuận Thành). Cát bồi lấp trên 50 mẫu ruộng phì nhiêu của thôn Soi Cốc (Tân Phú).

Sau trận lũ năm 1959, đê điều Phố Yên thực sự được quan tâm gia cố thường xuyên. Hàng năm trước mùa bão lụt, toàn huyện vừa phải tiến hành mở rộng thân đê, vừa tôn cao mặt đê đủ sức chống đỡ nơi đỉnh lũ trên báo động số 3. Các chỗ sạt lở được kè đá, các điểm canh đê được xây cất lại kiên cố. Việc phòng hộ đê điều được tổ chức chu đáo. (Nhờ vậy, đê điều ở Phố Yên đã chống đỡ thắng lợi trận lũ lịch sử thứ 2 vào năm 1971, xấp xỉ đỉnh lũ 1959).

Sau vụ cánh cống số 3 ở đê sông Cầu năm 1960 do trẻ chăn trâu ném đá xuống cống gây gãy cánh cống tự động, ở 2 sông cánh cống được thay thế sang cách nâng tay quay với hệ thống thủ công được tuyển lựa cẩn thận.

Công tác thủy nông của huyện đã trải qua 2 bước phát triển: từ 1954 đến 1965 làm thủy lợi nhỏ trong từng xã; từ 1965 trở lại đây, xây dựng công trình

trung thủy nông kết hợp với từng bước thực hiện tiêu tưới hợp lý. (Từ 1978 có công trình thủy nông hồ Núi Cốc).

Dựa vào 2 con sông và hệ thống hồ, đập mới có, Ty thủy lợi đã giúp các hợp tác xã xây dựng 65 trạm bơm dầu, bơm điện. Được tỉnh giúp đỡ, huyện đã nâng cấp xây dựng đập bến Đông (Phúc Thuận), trạm bơm máy bến Chã (Đông Cao) (đến năm 1972 chuyển sang bơm điện) và trạm bơm điện An Lâm (Trung Thành) đến đây phong trào thủy lợi nhỏ của Phổ Yên đã góp phần làm thay đổi cảnh quan của từng xã và toàn huyện. Mùa màng được bảo đảm chắc chắn hơn. Thủy nông đã góp phần củng cố hợp tác xã.

Trước năm 1954, sản xuất nông nghiệp của huyện dựa vào nước mưa là chính. Mùa khô hạn đã đành, mùa mưa vừa thoát khỏi lũ lụt lại phải chịu hạn hán gay gắt do cảnh "Nước sông cuốn đồng gáy ra". Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, huyện đã vận động phong trào đắp bờ, đắp đập hạn chế bớt tác hại của úng, lụt, hạn. Chính nhờ phong trào này mà sản xuất nông nghiệp của huyện đã phát triển một bước, mở rộng diện tích cấy lúa chiêm có nước chống hạn cho lúa mùa và hoa màu.

Từ năm 1955, Bộ Thủy lợi đã mở Hội nghị phát động phong trào làm thủy lợi nhỏ ở miền núi với

phương châm "3 chính" (thuỷ lợi nhỏ, bằng nguyên liệu địa phương, dân tự bỏ công sức) ở Phổ Yên. Hội nghị đã được Phó thủ tướng Tô Quang Đẩu và Bộ trưởng Trần Đăng Khoa về dự và bỏ nhất cuộc đầu tiên khi huyện đào hồ Ba Hàng, (trước trụ sở Ủy ban nhân dân huyện hiện nay).

Trong những năm 1955 - 1960, nhận thức được lợi ích thiết thực của phong trào, cùng với thắng lợi của giảm tô và cải cách ruộng đất, nông dân lao động sôi nổi thi đua đắp đập, be bờ, làm nương phai ở tất cả các xã. Cũng thời gian này, Huyện đã tập trung giúp các xã miền núi đắp đập Đầm Muốn (Phúc Thuận) Đầm Mương (Minh Đức). Bộ Thuỷ lợi giúp xã Trung Thành và Thuận Thành khoan giếng lấy nước ngầm sông song không thành công.

Từ năm 1960 đến năm 1965, các hợp tác xã mở rộng phong trào đắp đập làm hồ chứa nước lớn nhỏ, lớn nhất là hồ Cơ Phi (Vạn Phái), hồ Cầu Chùa (Tân Hương), đắp bờ ruộng, bờ thửa kết hợp với mở mang giao thông nông thôn, Nhà nước đã hỗ trợ một phần kinh phí, xi măng, sắt thép và tấm cống đúc sẵn. (Ty Thuỷ lợi đã giúp các hợp tác xã xây dựng 65 trạm bơm dầu, bơm điện, tạo nên bước chuyển biến mới trong nông thôn, nông nghiệp).

- Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng.

Đất trồng Phổ Yên có độ phì kém do bình độ phức tạp và chế độ canh tác lạc hậu từ lâu đời để lại. Lớp đất để cây nông trên dưới 10 cm. Đại bộ phận là đất cát do bạc màu, kém chất lượng. Ven 2 con sông có một số ít ruộng đất thịt, đất sét, xung quanh đồi, gò nhiều, có đất lầy thụt nhiều nhất ở 3 xã miền núi. Đồi gò nhiều xen kẽ với đồng ruộng, xưa kia là rừng cây nay trở thành đồi trọc, một số bộ phận đã bị "đá ong hoá", ven sông có ít soi bãi hẹp hàng năm bị ngập lụt, xói lở dần theo sự biến đổi của dòng sông. Quán triệt tinh thần Nghị quyết V của Trung ương Đảng (7-1961), Huyện đã ý thức được muốn thâm canh tăng năng suất phải coi trọng cải tạo và sử dụng đất trồng bằng mọi biện pháp tổng hợp từ cải tạo thành phần cơ giới, nông hoá thổ nhưỡng đến xây dựng và thực hiện chế độ canh tác khoa học, gắn với quá trình thuỷ lợi hoá, cải tiến nông cụ tiến lên cơ giới hoá nông nghiệp.

Trước hết phải phá lớp đất để cây cố hữu, tăng độ dày đất trồng từ 15 cm trở lên ở chân ruộng đất sét, đất cát. Bộ Công nghiệp đã trang bị cho Phổ Yên một trạm máy kéo. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965, trạm đã cày máy hầu hết những cánh đồng ven sông Cầu và dọc quốc lộ 3.

Cũng thời gian này, huyện đã vận động phong trào "bỏ cây chìa vôi lên ngôi cây 51" để cây sâu hơn.

Về nông hoá thổ nhưỡng, Ty Nông nghiệp đã giúp huyện lập bản đồ thổ nhưỡng toàn huyện. Dựa trên kết quả phân tích thành phần nông hoá cho thấy đất trồng ở Phổ Yên độ chua cao (từ 5-3 độ PH), nghèo lân, thiếu đạm, huyện đã xây dựng lò vôi Quán Vã giúp các hợp tác xã có vôi khử chua. Phong trào làm phân, chế biến phân hữu cơ được phát động liên tục hàng năm. Sôi nổi nhất là phong trào thả bèo hoa dâu, trồng các cây họ đậu, lạc, phong trào "Sạch làng, tốt ruộng, sạch phố tốt đồng", phong trào khai thác phù sa sông và bùn các ao hồ. Đồng thời, huyện đã khuyến khích các hợp tác xã mạnh dạn nhập và sử dụng các loại phân vô cơ của Nhà nước, hướng dẫn các hợp tác xã làm bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lý để giữ đất, giữ màu.

- Lâm nghiệp:

Phổ Yên là một huyện miền núi (phần đất trung du cắt từ Bắc Ninh và Phúc An từ thời Pháp thuộc). Dưới thời Pháp thuộc, bọn chủ điền Pháp chiếm ruộng đất cho phát canh thu tô, phá rừng ở đất đồi, gò để chúng trồng cà phê và thông nhựa, rừng tự nhiên chỉ còn lại ở 3 xã Phúc Thuận, Thành

Công và Minh Đức. Rải rác các xã trong huyện, một số hộ nông dân có rừng diện tích dưới 1 ha.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945, chỉ trong vài ba ngày, do nhiều nguyên nhân nông dân đã phá trụi toàn bộ diện tích cà phê ở cả 4 đồn điền Pháp trong huyện. Trong cuộc cải cách ruộng đất năm 1954 - 1955, các rừng tư của địa chủ đã bị tịch thu và sau đó đã bị triệt phá. Từ 1955 trở đi, rừng và đất rừng, đất đồi gò thuộc quyền sở hữu của Nhà nước do ngành lâm nghiệp trực tiếp quản lý, bảo vệ, tu bổ và khai thác. Mỗi huyện có hạt lâm nghiệp và có một vài lâm trường. Về sau có thêm hạt kiểm lâm trực thuộc Ty lâm nghiệp tỉnh.

Rừng tự nhiên ở 3 xã miền núi bị khai thác đến cạn kiệt từ sau 1954. Năm 1955, 1956 hầu hết cây Lim đã bị đốn để khôi phục lại đường sắt Hà Nội-Lào Cai. Tiếp đó là nông trường Bắc Sơn đã khai phá quá ruộng rừng của Phúc Thuận, Minh Đức. Nhiều khu rừng đã chặt cây bị bỏ không do nông trường luôn thay đổi nhiệm vụ kinh doanh. Từ 1960 trở đi, tỉnh chủ trương cấp cho mỗi cán bộ nhân viên Nhà nước, cán bộ chủ chốt xã $3m^3$ gỗ tạp để làm nhà ở thì tốc độ phá rừng càng nhanh. Việc cấp giấy phép chưa được quy định chặt chẽ, Ủy ban

hành chính huyện, phòng lâm nghiệp huyện, hạt lâm nghiệp đều có quyền cấp. Người được cấp giấy phép không tự khai thác mà giao cho tổ khai thác hoặc tổ sơn tràng của hạt lâm nghiệp khai thác hộ. Số người này câu kết với một số cán bộ thoái hoá biến chất ở hạt kiểm lâm huyện và ở xã sở tại khai thác quay vòng giấy phép nhiều lần. Nhiều hợp tác xã xin khai thác củi để nung gạch cho tập thể, các cơ quan xí nghiệp, đơn vị quân đội, nhân dân địa phương cũng khai thác gỗ, đồng bào từ miền xuôi lên làm kinh tế phát rừng, làm nương rẫy.... Các rừng thông rải rác các xã tuy hàng năm có trồng thông non cũng không kịp với tốc độ chặt phá trộm làm cho rừng thông tàn lụi, thu hẹp dần.

b. Tiểu thủ công nghiệp

Trước năm 1945, Phổ Yên là một huyện thuần nông. Rải rác các thôn, xã trong huyện có một số ít nghề truyền thống gia đình, đan lát tre nứa tập trung nhất ở Thù Lâm (Tiên Phong), kéo kén tầm thủ công ở Vân Trai, Phúc Cốc (Tân Phú) nấu mật mía ở các thôn ven sông Công, lò nôi đất ở Phúc Duyên (Tân Hương), Đại Xuân (nay là Tiên Phong).

Một số lò gạch thủ công tư nhân quy mô nhỏ ven 2 con sông. Ngoài ra còn có một số bể rèn, thợ may,

thợ mộc, đóng cối, cắt tóc tư nhân ở rải rác trong huyện.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng bào miền xuôi tản cư lên mang theo một số cơ sở sản xuất tiểu thủ công như đúc lưỡi cày, rèn đập nổi đồng, xeo và nhuộm giấy, sơ chế da trâu bò, thêu ren... tập trung ở các xã Tân Hương, Đông Cao, Nam Tiến, Thành Công, Đại Xuân. Nhưng cơ sở này rút đi cùng với đồng bào hồi cư sau 1954, còn lại tổ rèn đập nổi đồng ở Xuân Trù (Đại Xuân). Do đó tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp trên địa bàn huyện mới được xây dựng từng bước từ 1955 trở lại đây.

Huyện đã xây dựng hợp tác xã ngói Bắc Hà ở Trà Thị (Đông Cao) lò vôi ở Quán Vã (Đông Tiến). Huyện đã giành đất cho Ty xây dựng Thái Nguyên mở xưởng ngói Tân Tiến, Ty xây dựng Bắc Thái mở xí nghiệp ngói Con Rùa (Đông Cao), gạch Cao Vương (Tân Hương), Bộ Xây dựng mở xí nghiệp gạch công suất 5 triệu viên/năm ở Nam Đô (Đông Cao), bến Đầm (Đắc Sơn), xí nghiệp khai thác cát sỏi ở Tứ Thịnh (Trung Thành), Công ty gang thép Thái Nguyên khai thác cát sỏi cầu Đa Phúc (Thuận Thành), Công ty xây lắp Bắc Thái mở lò vôi ở hợp tác xã Tiên Phong (Thắng Lợi).

Hầu hết các hợp tác xã trong huyện đều mở lò gạch thủ công ngay từ ngày đầu xây dựng hợp tác xã.

Năm 1960 huyện đã xây dựng hợp tác xã cơ khí Nam Thái ở Ba Hàng từ hợp tác xã mộc Ba Hàng trước đó. Mặt hàng chính của hợp tác xã là nông cụ cầm tay, dụng cụ sắt gia đình, đồ gỗ.

Rải rác các xã trong huyện có một số bề rền tư nhân từ năm 1955, hầu hết số hộ này được kết nạp vào hợp tác xã, hợp tác xã quản lý hộ phục vụ cho hợp tác xã bằng cách "mua công điểm" họ vẫn được làm thêm việc ngoài số công hợp tác xã giao.

Là một huyện có nhiều thuận lợi (vật liệu xây dựng, có rừng, trường trung cấp xây dựng, trường công nhân xây dựng, công ty kiến trúc, công ty xây lắp, xưởng bê tông đúc sẵn...) song nghề nề, mộc của huyện không phát triển được vì: Việc xây dựng trong khu vực Nhà nước của huyện do kinh phí hạn hẹp và do Ty xây dựng tỉnh đảm nhiệm.

Trong nông thôn, việc xây dựng của hợp tác xã và gia đình xã viên hầu như đều thuê thợ từ miền xuôi lên. Hợp tác xã Tân Hương có đội thợ nề của hợp tác xã, chỉ xây dựng được những công trình

cấp 4 trở xuống, thợ nề ở đây được hợp tác xã quản lý theo cách "mua công điểm"¹.

Về nghề mộc có khá hơn: Thợ làm nhà có kỹ thuật cao ở nông thôn vẫn phải thuê thợ ngoài huyện. Thợ đóng đồ gỗ có 4 tổ ở hợp tác xã cơ khí Nam Thái. 1 tổ ở đầu cầu Đa Phúc (tổ này tan vỡ từ 1965 khi phải sơ tán) ở Phố Chã (Đông Cao), ở Thanh Xuyên (Trung Thành). Những tổ sản xuất này do huyện quản lý theo chế độ gia công bán nguyên liệu, mua thành phẩm và họ được mua lương thực, thực phẩm theo định lượng².

Phổ Yên có hợp tác xã thêu ren và hợp tác xã mảnh cọ do Công ty ngoại thương tỉnh quản lý.

Về thêu ren: Sau năm 1954 một số thợ còn ở lại được hướng dẫn lập hợp tác xã thêu ren ở xã Thành Công, sau họ chuyển ra Phố Cò (Thắng Lợi).

Từ 1965 trở đi, ngoài việc sản xuất của hợp tác xã theo kế hoạch, nhiều địa phương muốn mở mang thêm ngành nghề (Tân Hương, các hợp tác xã ở xã Tân Phú, Đông Cao...) để mở rộng chân hàng.

1. Hình thức quản lý trước đây. (Vi thiếu công, để có định xuất lương thực phải mua, được điều theo định xuất).

2. Từ năm 1965 trở đi, Nhà nước không cung cấp được gỗ cho họ, tổ hợp tác này tan vỡ dần. (Thực chất những tổ sản xuất này là của tư nhân thuê người làm, trừ mộc Nam Thái).

Việc sản xuất của hợp tác xã thất thường tùy thuộc đầu ra phụ thuộc vào thị trường là chính, nhiều khi hợp tác xã phải sản xuất cầm chừng hoặc tạm nghỉ. Khó khăn của hợp tác xã thêu ren kéo theo sự tan vỡ các cơ sở thêu ren ở hợp tác xã nông nghiệp trong huyện mới xây dựng.

Về mặt cơ cấu tương tự như hợp tác xã thêu ren, song hợp tác xã chỉ phát triển xung quanh thị trấn Ba Hàng.

- Các ngành dịch vụ khác:

Phổ Yên có 4 nơi tập trung đông dân phi nông nghiệp: Ba Hàng (thành lập thị trấn ngày 9/9/1972) phố Thanh Xuyên, phố Chã và phố Cò.

Ở Ba Hàng có những hợp tác xã: Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, may đo, cắt tóc... Năm 1963, huyện lập hợp tác xã nhiếp ảnh, có cửa hàng ở phố Chã và Phúc Thuận. Ngoài ra cửa hàng thực phẩm huyện đã mở thêm 2 cơ sở sản xuất đậu phụ, nước chấm. Trong nông thôn có 1 số máy xát gạo của hợp tác xã và tư nhân, một số hộ chế biến bánh đa, mì sợi.

Việc quản lý những hợp tác xã nói trên rất phân tán, lỏng lẻo. Họ được cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng bách hóa thiết yếu theo định lượng và phải phục vụ nhân dân theo giá chỉ đạo hoặc gia

công đặt hàng (như hợp tác xã may đo). Cuộc đấu tranh với cách làm ăn thiếu chính đáng của họ rất gay gắt (kê khai hụt doanh số, lấy 2 giá phục vụ, bớt xén nguyên vật liệu...) nổi rõ là vụ chấp khung xe đạp trái phép năm 1962. Trong vụ này, một số thợ có tay nghề của hợp tác xã sửa chữa xe đạp móc ngoặc với một số cán bộ thoái hóa của cửa hàng Bách hóa huyện, công an huyện, với khung xe tự chế, rút phụ tùng của Nhà nước, lắp thành xe hoàn chỉnh, in "mác" giả bán ra thị trường tự do. Việc làm ăn phi pháp bị phát hiện, kẻ phạm pháp bị trừng trị, số cán bộ huyện tiếp tay bị kỷ luật¹.

Năm 1960, Ty công nghiệp tỉnh có hợp doanh với một tiểu chủ ở lò nôi Phúc Duyên (Tân Hương) mở xí nghiệp gốm ở Đông Hạ (Đông Cao) chỉ được vài ba năm xí nghiệp ngừng hoạt động vì kinh doanh thua lỗ.

Tóm lại: Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp

1. Năm 1966, Mỹ đánh phá vào huyện, các phố tập trung dân phải triệt để sơ tán (Ba Hàng), nhiều hợp tác xã tan vỡ theo bắt đầu từ hợp tác xã cơ khí Nam Thái. (Sau năm 1973 huyện cũng không khôi phục lại, trừ 3 hợp tác xã cơ khí Nam Thái, thêm ren và mảnh cọ còn hoạt động, số còn lại chuyển sang kinh doanh cá thể. Về sau, hợp tác xã cơ khí Nam Thái cũng bị tan vỡ, hợp tác xã nhiếp ảnh được "Quốc doanh hóa").

huyện vừa non trẻ, vừa nhỏ bé, chưa xứng với tầm vóc của một huyện nằm kề thủ đô Hà Nội và khu công nghiệp Gang thép. Tuy vậy, nó đã góp phần đáng kể phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện.

c. Thương nghiệp

Thương nghiệp quốc doanh phát triển rất mạnh sau năm 1954 với việc thành lập nhiều ngành chuyên doanh ở tỉnh có chân rất xuống huyện.

Khó khăn chung nhất của thương nghiệp quốc doanh tỉnh và huyện là: Một tỉnh kinh tế chậm phát triển, nguồn hàng địa phương có hạn, lại phải bảo đảm những nhu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống nhân dân, bộ phận nhân khẩu phi nông nghiệp quá lớn thường chiếm 30% dân số toàn huyện.

Thuận lợi chung nhất là: Từ sau năm 1960 đã hoàn thành căn bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tư doanh, sự viện trợ quốc tế trong những năm 60 đã góp phần tích cực bảo đảm đời sống nhân dân trong huyện.

- Công tác cải tạo thương nghiệp nhỏ và quản lý thị trường:

Màng lưới chợ địa phương trải rộng khắp huyện,

trong đó có nhiều chợ lớn như chợ Ba Hàng, chợ Thanh Xuyên (Trung Thành) chợ Chã (Đông Cao). Chợ Ba Hàng và Thanh Xuyên mới hình thành từ sau 1954, chợ Chã trước 1954 là một chợ vùng, một trong 2 thị trường trâu bò của Thái Nguyên. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chợ Chã là cửa khẩu lớn phía nam tỉnh. Những chợ này từ chỗ 5 ngày họp 1 phiên đến 5 ngày họp hai phiên chợ chính. Đường giao thông trong huyện thuận tiện giao lưu hàng hóa dễ dàng, song công tác quản lý thị trường cũng rất phức tạp, khó khăn.

Nhiều xã có dân "Bán nông, bán thương". Số vợ con công nhân, viên chức thiếu việc làm phải "chạy chợ" giải quyết khó khăn của đời sống hàng ngày, làm cho việc quản lý thị trường càng thêm khó khăn, phức tạp.

Ngay từ sau 1955, Phổ Yên đã có 2 lần chuyển phần lớn những người buôn bán nhỏ chuyên nghiệp đi vào sản xuất nông nghiệp. Trong kế hoạch 3 năm 1958 - 1960 và tiếp những năm sau đó, huyện đã đưa trên 70% số hộ buôn bán nhỏ tập trung ở các phố lớn vào các hình thức "Mua chung bán chung" với nhiều loại quy mô khác nhau. Một bộ phận buôn nhỏ được sử dụng vào các tổ chức thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

Việc quản lý thị trường cũng có nhiều thành tích

đáng kể góp phần ổn định giá cả, tiền tệ, đời sống và tăng thu cho ngân sách địa phương, song cũng còn nhiều lệch lạc, thiếu sót... Trong cơ chế quản lý kinh tế cũ, thị trường xã hội trong huyện được chia thành thị trường có tổ chức (thị trường xã hội chủ nghĩa) và thị trường tự do (thị trường phi xã hội chủ nghĩa) với cơ chế 3 giá, nguồn hàng hóa của địa phương eo hẹp, chủ yếu là nông lâm sản với khối lượng nhỏ (tre, lạc, rau, chè), nhiều mặt hàng Nhà nước độc quyền quản lý (lương thực, trâu bò, thực phẩm tươi sống chính)... còn có tư tưởng kỳ thị thị trường tự do. Huyện đã chủ trương tắt cả các chợ trong huyện đều họp 7 ngày một phiên vào ngày chủ nhật hàng tuần. Chủ trương phi kinh tế, trái quy luật mang tính áp đặt này đã gây căng thẳng không đáng có. Với thị trường tự do rộng lớn, giao thông thuận tiện, giá thu mua của Nhà nước bất hợp lý, đội ngũ cán bộ quản lý thị trường quá nhỏ bé, đã không ngăn chặn được việc buôn bán trái phép, lại phát sinh nhiều tiêu cực trong việc thu lệ phí chợ, bắt và thủ tiêu hàng lậu thuế, cấm chợ ngăn sông gây nhiều cản trở cho sản xuất và lưu thông hàng hóa.

d. Những hoạt động kinh tế khác

Phổ Yên vốn có thuận lợi về giao thông vận tải

đường bộ, đường thủy, đến năm 1960 thêm đường sắt.

Quốc lộ 3 được nâng cấp nhiều lần, cầu Đa Phúc và các cầu cống khác được "kiên cố hóa" nên đường được mở rộng gấp đôi. Các đường liên huyện từ Phổ Yên qua Phúc Thuận đi Đại Từ, Phổ Yên qua Hồng Tiến đi Phú Bình, từ Thanh Xuyên (Trung Thành) qua phố Chã đi Hà Châu, từ huyện qua Tiên Phong đi Hà Châu, huyện đã nhiều lần phối hợp với các công nông trường, xí nghiệp của Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn huyện hợp sức nâng cấp nền và mặt đường.

Hiện chỉ còn đường sông là chưa được phục hồi lại, đã bị xuống cấp từ sau năm 1945.

Về vận tải ô tô, từ sau 1954, có bến xe ô tô Hà Nội - Phổ Yên (từ 1955 - 1965 bến xe đặt ở đầu cầu Đa Phúc, từ sau 1973 chuyển lên Ba Hàng) và bến Phổ Yên - thành phố Thái Nguyên (tuyến xe này ngừng hoạt động từ 1980).

Huyện rất coi trọng phát triển giao thông nông thôn và vận tải thô sơ. Hầu hết các xã đều có trục đường nối với quốc lộ 3 và đường liên huyện.

Huyện cũng đã tổ chức hợp tác xã vận tải xe trâu bánh lốp ở Ba Hàng, nhiều hợp tác xã nông nghiệp cũng có đội vận tải xe trâu, bò như Tân Hương, Thanh Kim (Trung Thành) Tiên Phong và

Vĩnh Lợi (Thắng lợi)... Ngoài số xe cải tiến của hợp tác xã, nhiều xã viên có xe cải tiến riêng, phong trào giải phóng đôi vai trong hợp tác xã phát triển rộng rãi trong những năm 70 vừa có ý nghĩa kinh tế vừa có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Đồng bào dân tộc ở 3 xã miền núi còn có tập quán sử dụng "xe quệt" từ lâu đời. Ngoài ra còn phải kể đến hàng nghìn xe đạp các loại đã cải thiện rõ rệt sự đi lại của nhân dân, cán bộ, học sinh.

Ven 2 con sông chính có hàng chục bến đò ngang tư nhân và một bến phà Đầm (Đắc Sơn) do Ty Giao thông tỉnh quản lý. Trên sông Công và ngòi Gạo có một số cầu treo (Bến Vạn, Thác Nhái, Đầm, Cầu Đen, Thái Bình...) và cầu xi măng Tiên Phong (Tiên Phong) trên sông Chã có 2 cảng sông lớn: Sông Chã (Đông Cao) chưa được khai thác sử dụng lại, cảng đầu cầu Đa Phúc (Thuận Thành), (từ sau năm 1975 đã sử dụng vào việc khai thác cát sỏi).

Đường giao thông của Phổ Yên thuận tiện như vậy, song việc đầu tư nâng cấp rất hạn chế, mặt đường rất xấu, dễ gây tai nạn, việc đi lại vào mùa mưa còn nhiều khó khăn, nhất là ở 4 xã miền núi.

Hợp tác xã tín dụng xã đều được thành lập từ những năm 1958 - 1960. Thời gian đầu, xã viên hăng hái góp cổ phần vào hợp tác xã. Các hợp tác xã tín dụng đã góp phần đắc lực thúc đẩy sản xuất

nông nghiệp phát triển, giúp đỡ nông dân giải quyết những khó khăn bất thường trong đời sống.

Từ những năm 1964, 1965 trở đi, hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô thôn, hợp tác xã đã có quan hệ chặt chẽ với Ngân hàng huyện, nhưng phạm vi hoạt động của tín dụng xã bị thu hẹp. Mặt khác, sau đổi tiền lần thứ hai năm 1959 đồng tiền ngân hàng mất giá dần, do đó vốn cổ phần của hợp tác xã tín dụng không còn lại bao nhiêu, cộng với nạn tham ô, lợi dụng của một bộ phận cán bộ quản lý hợp tác xã đã làm mất lòng tin của nhân dân, ai nấy gửi tiền dư thừa của mình vào quỹ tiết kiệm của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, hợp tác xã tín dụng xã dần dần trở thành đại lý quỹ tiết kiệm của Ngân hàng huyện. Nhiều hợp tác xã tín dụng đã làm mất hết vốn cổ phần của xã viên, hoạt động thoi thóp cho đến ngày đổi mới cơ chế quản lý của Ngân hàng Nhà nước, sau này, đã bị phá sản hàng loạt do nhiều ấu trĩ, khuyết điểm trong việc kinh doanh tiền tệ gây nhiều hậu quả trong nông thôn.

Quá trình hoạt động của ngành Tài chính và Ngân hàng Nhà nước huyện trong cơ chế bao cấp, tập trung quan liêu kéo dài, quyền hạn và trách nhiệm của huyện hầu như chỉ được giao về kiểm tra, đôn đốc thu nộp các loại thuế cho ngân sách

tỉnh, huyện, yếu trong quản lý hoạt động tiền tệ, vừa phải gánh chịu mọi hậu quả, giải quyết những khó khăn tồn tại để lại rất phức tạp, nhất là sự đổ bể các tín dụng xã.

e. Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa

Tỉnh Thái Nguyên, nơi có truyền thống yêu nước và cách mạng, truyền thống lao động cần cù, nơi "Hội tụ và giao lưu văn hóa" từ lâu đời, nhưng cũng là tỉnh miền núi còn nhiều tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Trong vòng 10 năm (1955 - 1965), tỉnh đã đạt được những thành tựu, nhưng nhìn chung vẫn là tỉnh phát triển chậm về xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phổ Yên là huyện miền núi và trung du có truyền thống văn hoá lâu đời. Thời phong kiến, huyện đã có danh nhân văn hóa, tiêu biểu là tiến sĩ Đỗ Cận thời Hậu Lê quê ở xã Thống Thượng (Minh Đức ngày nay). Thời Pháp thuộc, mặc dù bị Pháp kiểm chế, thực hiện chính sách ngu dân song nền văn hóa dân tộc vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển vượt ra ngoài ý đồ thâm độc của địch.

Từ Cách mạng tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Phổ Yên được đổi mới toàn diện, trong đó có sự nghiệp văn hóa giáo dục.

- *Giáo dục và đào tạo*

+ *Thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa*

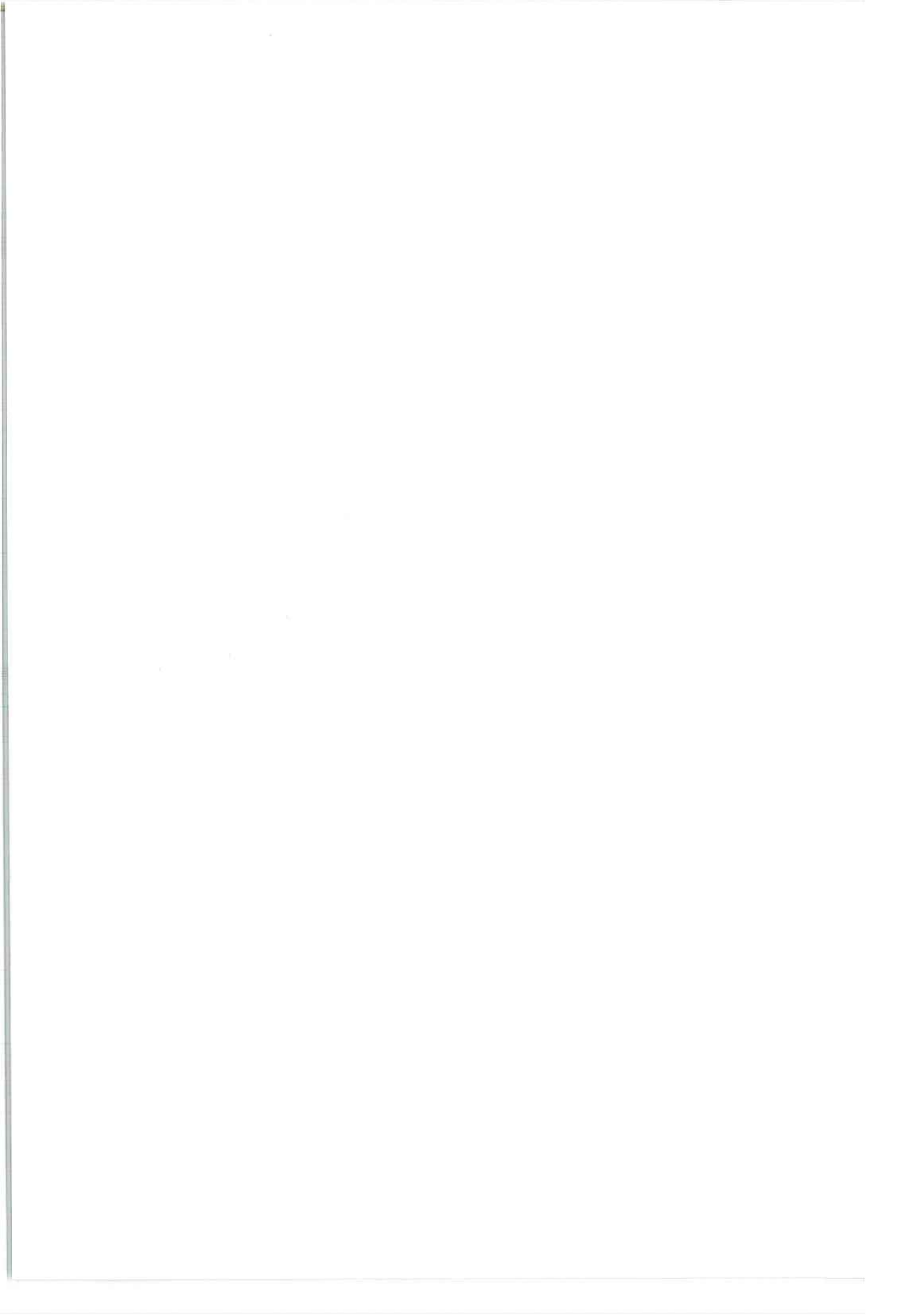
Năm 1947, Phố Yên đã hoàn thành thanh toán nạn mù chữ lần thứ nhất, từ 1949 trở đi, phong trào bổ túc văn hóa không phát triển được do chiến tranh mở rộng, thực dân Pháp đánh phá ác liệt vào vùng tự do, sự nghiệp giáo dục phổ thông ở các xã miền núi phát triển chậm, số người mù chữ tăng lên, số người thoát mù chữ trước lại mù chữ trở lại.

Sau năm 1954, việc thanh toán nạn mù chữ lại được đặt ra rất cấp bách cho lứa tuổi nam dưới 45, nữ dưới 35. Phong trào thanh toán nạn mù chữ tuy được khắc phục lại song chưa đều, chưa mạnh, do sự phân cấp quản lý chưa rõ ràng và nhất là thiếu người làm công tác giảng dạy, nhất là giảng dạy bổ túc văn hóa.

Năm 1959, Ban giáo dục huyện được thành lập dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính huyện. Ủy ban hành chính tỉnh đã phân cấp quản lý sự nghiệp giáo dục người lớn (thanh toán nạn mù chữ + bổ túc văn hóa) và giáo dục phổ thông từ cấp 2 trở xuống cho huyện. Bộ Giáo dục đã xác định thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa là nhiệm vụ hàng đầu của ngành giáo dục, nhà trường



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang
nhân dân huyện Phổ Yên



phổ thông phải thực hiện "Một hội đồng hai nhiệm vụ" vừa dạy phổ thông vừa dạy bổ túc văn hóa.

Căn cứ vào sự phân cấp của tỉnh, Ủy ban hành chính huyện đã thành lập Ban giáo dục ở tất cả các xã, nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là hoàn thành thanh toán mù chữ cho các đối tượng được chỉ định. ở tất cả các xã và hợp tác xã đều thành lập ban vận động thanh toán nạn mù chữ bao gồm các cụ phụ lão nhiệt tình với phong trào.

Nhờ có sự nỗ lực chung, nhất là nông thôn đã được hợp tác hóa, sau 5 năm gian khổ vừa lao động vất vả vừa tranh thủ học tập và giảng dạy ngoài giờ, năm 1965 Phổ Yên đã được tỉnh kiểm tra công nhận, tặng cờ thưởng thi đua và bằng khen là huyện đã hoàn thành thanh toán nạn mù chữ sớm thứ hai trong tỉnh, sau thị xã Thái Nguyên.

Để củng cố thành quả của thanh toán nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đáp ứng với yêu cầu mới của đất nước, huyện đã mở nhiều loại hình trường lớp bổ túc văn hóa từ cấp 3 trở xuống. Ở huyện, có các lớp học cấp 3 buổi tối, trường văn hóa tập trung cấp 1 và 2, trường thanh niên vừa học vừa làm cấp 2 ở Thuận Đức (Minh Đức). Toàn huyện có 5 trường văn hóa cấp 1 ở 5 miền cho cán bộ chủ chốt xã và

hợp tác xã. Các hợp tác xã có lớp bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 4 học ngoài giờ cho xã viên.

Số học viên đã thoát nạn mù chữ năm 1960 là 3251 người. Số học viên bổ túc văn hóa ở các hợp tác xã từ 1960 - 1965 là 7371 người. Hầu hết là nữ xã viên trong đó có 3422 lớp 1; 2365 lớp 2; 1165 lớp 3; 419 lớp 4 đã tốt nghiệp¹.

+Hệ võ lòng - mẫu giáo:

Ủy ban bà mẹ trẻ em huyện cùng với huyện hội phụ nữ, công đoàn cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức các nhóm trẻ ở trong các hợp tác xã nông nghiệp và cơ quan xung quanh huyện.

Công tác giáo dục võ lòng - mẫu giáo trước năm 1960 do các xã, hợp tác xã tự lập, nhà trường phổ thông cấp 1 giúp đỡ về chuyên môn.

Sau ngày thành lập các Ban giáo dục huyện và xã, hệ võ lòng - mẫu giáo đã có sự chỉ đạo thống nhất từ huyện xuống xã. Giáo viên võ lòng do hợp tác xã chọn cử và đài thọ. Mỗi xã có 1 tổ trưởng đại diện cho anh chị em liên hệ với ban giáo dục huyện

1. Từ sau 1965 chiến tranh ngày càng mở rộng, nhất là từ 1966 Mỹ đánh phá ác liệt vào huyện, các lớp học bổ túc văn hóa phải tạm nghỉ, nhà trường phổ thông phải sơ tán. Phong trào bổ túc văn hóa trong huyện lắng xuống.

và xã. Mỗi năm Ban giáo dục huyện mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên 1 lần vào dịp hè.

Huyện đã sớm phổ cập giáo dục hệ vỡ lòng từ những năm đầu thập kỷ 60. Hàng năm, toàn huyện có từ 110 đến 136 lớp, từ 2.500 đến 3.735 trẻ em học. Tuy vậy, chất lượng giáo viên rất thấp. Nhiều trẻ em phải học tới 2 năm mới đủ chất lượng vào lớp một. Chất lượng yếu và giáo viên thường biến động, có lớp mỗi năm phải thay tới 2, 3 giáo viên, ở các xã miền núi, huyện phải cử giáo viên phổ thông kèm với lớp một phổ thông.

Hệ mẫu giáo mới được đặt ra xây dựng thí điểm 1 lớp ở thị trấn Ba Hàng, do dân phố đài thọ và 1 lớp ở cơ quan huyện do Nhà nước đài thọ.

+ Giáo dục phổ thông:

Sau năm 1954 giáo viên và học sinh tản cư rút về xuôi, nhà trường phổ thông cấp một, hai (hệ 9 năm 3 cấp) trong huyện từ nơi sơ tán chuyển về ổn định trường lớp, nhanh chóng phục hồi việc giảng dạy và học tập. Trường cấp 2 Lê Hồng Phong từ Hoàng Đàm (Nam Tiến) chuyển về Ba Hàng (Đông Tiến), trường cấp 2 Tân Tiến từ Vân Trai (Tân Phú) chuyển về thôn Con Rùa (Đông Cao). Mỗi giáo viên phổ thông phải dạy tăng giờ, thêm lớp để bù hụt vào số giáo viên hội cư thiếu (trong

kháng chiến chống Pháp, giáo viên người địa phương tự nguyện nhường chỗ cho giáo viên tản cư, nay anh em này hồi cư gây nên sự thiếu hụt đó). Năm học 1955 phải kéo dài thêm một học kỳ để chuyển sang năm học mới 1955 - 1956 (năm 1951 thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất).

Từ năm học 1960 - 1961, huyện thực hiện chủ trương cải cách giáo dục lần thứ hai của Đảng và Chính phủ. Hệ thống trường phổ thông 9 năm 3 cấp cũ chuyển sang hệ thống trường phổ thông 10 năm 3 cấp. Cũng từ năm học này trở đi, sự nghiệp giáo dục phổ thông của huyện phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng.

- Cấp 1: Năm học 1958 - 1959 có 16 trường/16 xã, 64 lớp với 2.338 học sinh, 48 giáo viên, đến năm học 1965 - 1966 trước ngày Mỹ đánh phá vào huyện đã tăng lên 191 lớp với 7.036 học sinh, 205 giáo viên, đến đây huyện đã hoàn thành phổ cập trên 90% số trẻ em trong độ tuổi phổ cập cấp 1.

- Cấp 2: Năm học 1960 -1961 toàn huyện có 2 trường, 16 lớp với 914 học sinh, 31 giáo viên. Năm học 1965 - 1966 tăng lên 6 trường, 58 lớp với 2.418 học sinh, 88 giáo viên. Sự phát triển giáo dục phổ thông cấp 2 thời gian này đã đáp ứng yêu cầu học tập của hầu hết số học sinh tốt nghiệp cấp 1.

- Cấp 3: Năm học 1961 -1962 mới có 2 lớp 8, 1 lớp 9 ở trường cấp 2 Lê Hồng Phong, Ba Hàng với 143 học sinh 6 giáo viên. Đến năm học 1966 - 1967 đã tách trường cấp 2 - 3 Lê Hồng Phong thành trường cấp 3 Lê Hồng Phong ở Ba Hàng và trường cấp 2 Đồng Tiến (nay gọi là trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong) cũng là trường sớm nhất các huyện trong tỉnh.

Năm học 1965 -1966, năm kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), kể cả 3 cấp học Phổ Yên đã có 9.876 học sinh, chiếm 20% tổng dân số của huyện. Nếu kể cả học sinh bỏ túc văn hóa, vỡ lòng và phổ thông, Phổ Yên đã có 1/3 số dân được đi học (Dân số năm 1965 trên 4 vạn). Huyện đã hoàn thành phổ cập cấp I. Đặt thành tựu đó trong điều kiện không đủ giáo viên được đào tạo tại chỗ, có thời gian thiếu giáo viên nghiêm trọng, thực hiện phương châm "Yếu còn hơn thiếu", nhà trường đã phải tuyển dụng giáo viên chưa đủ tiêu chuẩn, chưa qua đào tạo vào giảng dạy các lớp cấp 1, 2 mới thấy hết được sự nỗ lực to lớn của huyện trong mục tiêu đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong giáo dục đào tạo còn có nhiều mặt hạn chế: Học sinh vừa phải lao động vất vả cho gia đình và cho xã hội, vừa phải bảo đảm học

sinh học tập với nội dung và chất lượng ngày càng cao, nhất là học sinh cấp 3, do đó, năng lực học tập giảm, nhiều em bỏ dở giữa cấp học. Hàng năm thi chuyển cấp, chuyển lớp thường phải chiếu cố, đưa lên lớp cấp trên. Việc đầu tư của Nhà nước, của tỉnh cho giáo dục hầu như chỉ đủ chi lương cho giáo viên phổ thông hàng năm. (Từ năm 1959 đến 1962 tỉnh có chủ trương thu học phí của học sinh phổ thông để chi lương cho giáo viên dân lập cấp 1, 2 đến năm học 1963 - 1964, tỉnh lại bỏ chế độ thu học phí).

- Công tác truyền thông

Công tác truyền thông của huyện được phát triển mạnh ngay từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Thông qua nhiều hình thức cổ động trực quan và tuyên truyền miệng bằng những phương tiện thô sơ tự tạo (chòi tre, loa tay), chủ trương chính sách của Đảng của Nhà nước, tin tức hoạt động của địa phương đến quần chúng nhân dân.

Hình thức cổ động trực quan rất phong phú. Dọc quốc lộ 3 và các trục giao thông lớn có nhiều cổng chào, nhiều cụm cổ động. Trong các xóm làng đều có bình phong và chòi phát thanh loa tay. Việc tuyên truyền miệng kết hợp với triển lãm nhỏ, đèn chiếu đi sâu xuống hợp tác xã. Những ngày hội lớn

của dân tộc, những cuộc sinh hoạt chính trị lớn (bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Đại hội Đảng...) đều được tổ chức trọng thể.

Phong trào "Ga len" trong những năm 1955 - 1957 phát triển nhanh, từ 1960 trở đi, hệ thống truyền thanh của huyện rải khắp các xã ven quốc lộ 3 từ đầu cầu Đa Phúc đến Phố Cò (Thắng Lợi) với hàng chục loa công cộng và hàng nghìn loa gia đình các nông trường, xí nghiệp, trường học đóng trên địa bàn huyện đều có trạm truyền thanh nội bộ. Một số gia đình đã có đài thu thanh bán dẫn.

- Công tác văn hóa - nghệ thuật

Công tác văn hóa, nghệ thuật gồm nhiều bộ môn chuyên ngành nhằm giáo dục, nâng cao trình độ thẩm mỹ, và nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân. Thực hiện chỉ thị 172/CT-TW, hệ thống thư viện đã được thành lập. Hiệu sách nhân dân huyện đặt tại thị trấn Ba Hàng có đại lý ở Thanh Xuyên (Trung Thành) và Phố Cò. Trong những năm 1958 - 1965, hiệu sách đã vận động được phong trào nhân dân mua, đọc và làm theo sách báo ở hầu hết các hợp tác xã trong huyện. Nhiều hợp tác xã có tủ sách, "dây sách gia đình". Phong trào này đã góp phần tích cực trong việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy cũng có một vài hạn chế như việc đọc sách chưa trở thành ý

thức tự giác của cán bộ, đảng viên nên đã gây lãng phí không nhỏ cho các hợp tác xã. Tủ sách hợp tác xã và gia đình đã mất mát dần. Ngoài thư viện nhà trường, phong trào xây dựng thư viện địa phương từ huyện xuống xã không phát triển được do thiếu sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy và Ủy ban hành chính huyện xã, thiếu kinh phí và cán bộ nghiệp vụ. Ngay thị trấn Ba Hàng nơi tập trung thị dân, phong trào mua, đọc và làm theo sách báo chưa phát triển. Các cơ quan xung quanh huyện vừa không có thư viện, tủ sách, vừa chưa có ý thức tự giác mua đọc sách báo.

Về sản xuất chuyên nghiệp, năm 1952, hai đội cải lương bán chuyên ở Phổ Yên và Việt Hùng (Đông Cao) sát nhập thành đoàn cải lương Quyết Tiến. Năm 1955 đoàn cải lương Quyết Tiến từ Phổ Yên lên thị xã Thái Nguyên xây dựng rạp phục vụ cố định ở đây. Về sau, đoàn được Ty văn hóa Thái Nguyên "quốc doanh hóa".

Trong những năm 1958 - 1961, Phổ Yên đã lập đội chèo chuyên nghiệp đặt dưới sự chỉ đạo của phòng văn hóa huyện. Đội vừa hoạt động biểu diễn, vừa tăng gia sản xuất để tự nuôi mình, vừa giúp đỡ các xã lập đội chèo bán chuyên ở các hợp tác xã, sau vì khó khăn không giải quyết được đời sống của đội, đội chèo Phổ Yên đã tan vỡ, đồng thời cũng

là nguyên nhân chính dẫn đến sự tan vỡ của các đội bán chuyên ở nông thôn.

Từ đó, huyện chỉ đón các đoàn chuyên nghiệp của tỉnh và các tỉnh bạn đến biểu diễn phục vụ nhân dân trong huyện. Về sau, các đoàn này cũng ít đến Phổ Yên vì không có sân khấu tốt, không đảm bảo được doanh thu. Trước tình hình đó, huyện đã phải ký hợp đồng bảo đảm doanh thu cho họ. Huyện đã vận động nhân dân hưởng ứng lấy tiền xây dựng được một sân khấu ngoài trời ở Ba Hàng.

Về phong trào nghệ thuật quần chúng, trong những năm từ 1958 đến 1965, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển khá sôi nổi ở cả 2 khu vực, cơ quan, trường học và nông thôn. Ở khu vực Nhà nước có các đội bán chuyên ca vũ nhạc mới. Ở nông thôn hầu hết là các đội chèo bán chuyên. Thời gian này ở trong huyện đêm đêm vang lời ca, tiếng hát tự biên, tự diễn sau những ngày lao động nặng nhọc, sau những vụ mùa thắng lợi hoặc sau những đại hội xã viên hợp tác xã. Huyện đã được Khu tự trị Việt Bắc tặng cờ thi đua huyện có phong trào văn nghệ quần chúng khá nhất tỉnh năm 1965.

- Cuộc vận động nếp sống mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

Ngay sau ngày Cách mạng tháng 8 (1945) thành công, Hồ Chủ tịch đã phát động cuộc vận động nếp

sống mới. Nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt cuộc vận động và đã đạt nhiều kết quả tích cực. Hầu hết hủ tục được xóa bỏ. Mê tín dị đoan được bài trừ. Chi tiêu trong lễ hội, ma chay, cưới xin rất tiết kiệm, an ninh trật tự xóm làng được bảo đảm. Tình đoàn kết trong nhân dân được tăng cường.

Bước vào kế hoạch cải tạo và phát triển 3 năm 1958 - 1960, cuộc vận động nếp sống mới được đặt ra, trọng tâm là bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan. Huyện đã nhiều lần mở lớp giáo dục các đối tượng hành nghề mê tín. Nhiều người đã tự báo thủ đoạn gian dối của mình và làm cam kết bỏ nghề. Mặt khác, nông thôn đã được vận động hợp tác hóa, giai cấp nông dân tập thể ra đời, nông thôn đã có bước nhảy vọt mới, tạo thuận lợi cho việc cải tạo hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), mọi suy nghĩ và hành động của mỗi người đều hướng vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Trên lĩnh vực văn hóa, việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới với 4 tiêu chuẩn cụ thể và khẩu hiệu "Mỗi người vì mọi người" được phát động liên tục, phong trào "Người tốt việc tốt" được phát triển liên tục.

- Công tác bảo vệ sức khỏe cho nhân dân

Về y tế, huyện rất coi trọng và đã đạt nhiều

thành tích lớn cả hai mặt phòng bệnh và chữa bệnh.

Phong trào vệ sinh yêu nước được phát động từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp nay có điều kiện phát triển sâu rộng. Hầu hết gia đình vùng dân tộc làm chuồng trâu xa nhà. Các giếng công cộng ngoài đồng được san lấp thay bằng giếng xây, bể nước trong từng gia đình. Hố xí 2 ngăn được hầu hết gia đình thực hiện. Đại bộ phận gia đình có nhà tắm riêng¹.

Cùng với thành tích đạt được về kinh tế và đời sống, các gia đình ngày càng được "ngói hóa", thêm các tiện nghi sinh hoạt việc "ăn chín, uống sôi", nằm ngủ màn, vệ sinh xóm làng... đã trở thành thói quen hàng ngày của toàn dân trong huyện.

Được sự giúp đỡ của tỉnh, huyện đã phòng và chữa được nhiều bệnh xã hội như sốt rét, đậu mùa, lao, phong, tả lỵ ỉa chảy... ý thức "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" đã trở thành tự giác.

Huyện đã coi trọng kết hợp đông - tây y trong điều trị bệnh cho nhân dân. Năm 1957, bệnh xá

1 Năm 1969, huyện đã được Tỉnh kiểm tra công nhận là huyện hoàn thành sớm nhất Tỉnh dứt điểm xây dựng xong 3 công trình vệ sinh gia đình nói trên.

huyện được xây dựng, đến năm 1965 đã nâng cấp thành bệnh viện huyện. Đến năm 1960, 16 xã trong huyện đều xây dựng xong trạm xá xã do nhân dân tự làm, Nhà nước giúp đỡ.

Năm 1961, huyện đã thành lập Hội Đông y huyện (chủ yếu ở khu vực Ba Hàng), có cửa hàng đông dược. Hầu hết các trạm xá xã có vườn thuốc nam. Nhiều trường học và gia đình cũng có vườn thuốc gia đình.

Mặc dù cơ sở vật chất của ngành rất nhiều thiếu thốn, thầy thuốc tay nghề còn non, song ngành y tế huyện đã hoàn thành được nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong huyện kể cả thời bình cũng như thời chiến. Ngoài ra hàng năm còn phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ tuyển quân, tuyển sinh và lao động của huyện.

Công tác y tế đã góp phần đắc lực trong việc tăng tuổi thọ trung bình lên trên dưới 60 tuổi, giảm bớt tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và giảm dần tỷ lệ sinh đẻ từ trên 3% năm xuống trên dưới 2,5% năm.

Tồn tại lớn nhất của sự nghiệp y tế trong huyện là cơ sở vật chất nghèo nàn, đội ngũ thầy thuốc giỏi còn thiếu, tinh thần trách nhiệm chưa đồng đều. Trong dân nhiều người trông chờ vào các cơ

sở y tế lớn của Trung ương đóng trên địa bàn huyện. Các trạm xá còn yếu về mọi mặt.

- *Công tác thể dục thể thao:*

Trong những năm 1960 - 1965, phong trào tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ được thực hiện khá sôi nổi ở cơ quan xung quanh huyện, trong các xí nghiệp và trường học. Một số cơ sở có phong trào rèn luyện các môn điền kinh. Ủy ban hành chính có 1 cán bộ chuyên trách công tác thể dục thể thao. Một vài trường có sân bóng chuyền, bóng đá. Tuy nhiên, phong trào thể dục thể thao ở các địa phương trong huyện có sự chưa đồng đều, kết quả chưa cao.

3. Xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960) đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu công tác tư tưởng của Đảng là: "Nâng cao tính chất giai cấp, tính tiên phong của Đảng, chống mọi biểu hiện sai trái của tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng thực dân cũ và mới, tàn dư tư tưởng phong kiến". Khu uỷ khu tự trị Việt Bắc cũng có Nghị quyết về công tác tư tưởng trong toàn Khu.

Ở Phổ Yên, tuyệt đại bộ phận đảng viên đều xuất thân từ nông dân lao động, giác ngộ lòng yêu nước

và ý thức dân tộc rất cao, song giác ngộ về chủ nghĩa xã hội và lý luận chủ nghĩa xã hội còn có mức độ nhất định. Đặc điểm chung này đã làm cho công tác đảng viên của Đảng bộ Huyện rất khó khăn, nhất là việc khắc phục vấn đề giữa số lượng đảng viên đông với chất lượng chưa tương xứng, chưa cao. Trong cải cách ruộng đất, do tư tưởng thành phần "bần cố nông chủ nghĩa" nên đảng viên mới vào Đảng nhiều người không đủ tiêu chuẩn. Bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, số đảng viên toàn huyện có khoảng 400, chưa đủ đáp ứng với yêu cầu, Đảng đã chủ trương kết nạp "lớp đảng viên 6 - 1" trong 2 năm 1959 - 1960. Ở đợt kết nạp này, các xã đã đưa vào Đảng hàng chục đảng viên mới đa phần là tuổi trung niên. Nói chung lớp đảng viên 6 - 1 phẩm chất chính trị tốt song trình độ mọi mặt còn yếu, văn hóa chưa hết cấp một, chưa qua đào tạo về chính trị, lý luận, nghiệp vụ. Một bộ phận đã phát huy được tác dụng người đảng viên, trở thành cán bộ cốt cán cơ sở trong những năm 60, 70. Một bộ phận chỉ phát huy tác dụng ban đầu mới vào Đảng, càng về sau trở thành lực lượng "trung bình chủ nghĩa" trong chi bộ. Sau lớp đảng viên 6 - 1, từ 1961 trở đi số thanh niên trẻ, khỏe, hăng hái gương mẫu ra chiến trường, số còn

lại đa số là nữ, sớm lập gia đình và con nhỏ, các cấp uỷ lại chưa chủ động, tích cực giáo dục, bồi dưỡng giúp đỡ các đối tượng phát triển Đảng, còn nhiều tư tưởng lệch lạc trong kết nạp đảng viên mới nên những đảng viên mới chất lượng chưa tương xứng với yêu cầu.

Ở khu vực cơ quan, công tác phát triển Đảng có khá hơn, đặc biệt là sự phát triển Đảng ở 2 ngành giáo dục và y tế là 2 ngành trước đây có rất ít đảng viên. Năm 1954, chỉ có 3 - 4 đảng viên giáo viên cấp một, sinh hoạt ở chi bộ xã. Năm 1958, một giáo viên cấp 3 được kết nạp vào Đảng sinh hoạt ghép với chi bộ chính quyền. Đến 1965, toàn huyện đã có 17 chi bộ giáo dục với gần 100 đảng viên giáo viên các cấp. Việc phát triển Đảng mạnh trong ngành giáo dục, y tế là kết quả của cuộc đấu tranh trong nội bộ thường vụ huyện uỷ, trong đó có đấu tranh khắc phục tư tưởng thành kiến với trí thức, mặc dù là trí thức xã hội chủ nghĩa.

- Công tác tổ chức cơ sở Đảng

Cùng với sự phát triển của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước, công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ngày càng được chú trọng. Năm 1954 Huyện Đảng bộ có 16 chi bộ xã, 3 chi bộ cơ quan với gần 400 đảng viên. Ngay từ

năm 1962, Huyện uỷ đã triển khai cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ, đảng viên 4 tốt, tăng cường về số lượng và chất lượng đảng viên từ Huyện uỷ đến cơ sở; gắn liền với cuộc vận động "3 xây, 3 chống".

Song song với việc củng cố, phát triển tổ chức Đảng, hệ thống chính quyền nhà nước địa phương cũng được xây dựng đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã đã phát huy tốt quyền và nghĩa vụ công dân, đảm bảo dân chủ. Uỷ ban hành chính các cấp từng bước được kiện toàn, các đoàn thể quần chúng được xây dựng.

Tính từ năm 1954 đến năm 1965, các tổ chức, chính quyền và đoàn thể, từng bước được củng cố, sức mạnh của hệ thống chính trị được phát huy, góp phần làm nên thắng lợi trong phong trào cách mạng địa phương.

Chương II

VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965 - 1975)

I- TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG THỜI CHIẾN

Giữa lúc nhân dân ở miền Bắc ta nói chung và Phổ Yên nói riêng đang hăng hái thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ I, thì đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Trong điều kiện đó, cùng với các địa phương khác, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đã nhanh chóng chuyển hướng hoạt động kinh tế - xã hội, quân sự từ thời bình sang thời chiến, vừa sản xuất vừa chiến đấu, xây dựng hậu phương vững mạnh trong điều kiện hết sức khó khăn.

1. Phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương

- *Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp*

Cuối năm 1966, máy bay Mỹ tiến hành đánh phá liên tiếp vào tất cả 16 xã trong huyện. Chiến tranh ít nhiều đã tác động, phá vỡ nề nếp quản lý hợp tác xã đã được xây dựng. Việc đóng góp cho chiến trường tăng lên. Chiến tranh phá hoại và thiên tai đã làm cho sản xuất nông nghiệp của huyện có phần chững lại. Việc phân phối lương thực trong nội bộ hợp tác xã theo định suất "Tối thiểu 13, tối đa 18" kg thóc một tháng đã làm giảm nhiệt tình lao động của xã viên. Nạn giáp hạt lương thực ngày một tăng.

Để khắc phục những khó khăn nói trên, Huyện uỷ đã mở Hội nghị cán bộ toàn huyện tháng 5 năm 1966 để triển khai Nghị quyết 11 của Trung ương, xây dựng quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Huyện đã tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật vòng 2 dưới làn bom đạn địch. Huyện đã triển khai xây dựng 2 công trình trung thủy nông đầu tiên của huyện: Trạm bơm Yên Khánh (Thắng Lợi) và nâng cấp đê cống xã Tiên Phong. Các hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục làm thủy nông nội đồng, cải tạo đồng ruộng, xây dựng cánh đồng 5 tấn. Huyện đã chỉ đạo xây dựng hợp tác xã Thù Lâm (Tiên Phong) thành lá cờ đầu phong trào 5 tấn thóc/ha của Phổ Yên từ 1966 và

xây dựng xã Tân Hương thành hợp tác xã quy mô toàn xã.

Phong trào thi đua yêu nước chống Mỹ thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Mỗi người làm việc bằng hai", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" đã cổ vũ động viên nhân dân các dân tộc Phổ Yên "tay cày, tay súng" để giành thắng lợi 2 vụ mùa "Quyết thắng giặc Mỹ" năm 1967, 1968. Năm 1967, huyện được tỉnh biểu dương về thành tích sản xuất nông nghiệp. Hai năm 1966, 1967 tình hình hợp tác xã trong huyện tương đối ổn định, tuy đã xuất hiện những tiêu cực mới như lấn chiếm ruộng đất làm riêng không đúng chính sách, bỏ hoang diện tích canh tác, như một số hợp tác xã thuộc 3 xã miền núi, hợp tác xã Vân Hồng (Hồng Tiến)...

Năm 1968, Mỹ ngừng đánh phá miền Bắc, tranh thủ thời gian thuận lợi, huyện đã dốc toàn bộ lực, hoàn thành hai công trình trung thủy nông vào đầu năm 1969. Ở tất cả các hợp tác xã đẩy nhanh tốc độ cải tạo và xây dựng cánh đồng 5 tấn, tiếp tục đưa tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng, nhất là phong trào cấy lúa giống mới.

Tháng 4 năm 1969, huyện tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 10. Từ đại hội này, Huyện uỷ đã đề ra chủ trương đưa nông nghiệp Phổ Yên

từ độc canh phân tán sang tập trung chuyên canh và thâm canh toàn diện, phát triển đa ngành nghề, theo tinh thần Nghị quyết 8 về nông nghiệp của Trung ương (khóa III) trên cơ sở không ngừng củng cố hợp tác xã nông nghiệp, gắn với cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ, đảng viên 4 tốt theo tinh thần Nghị quyết 136 của Bộ Chính trị.

Tháng 6 năm 1969, huyện đã tổ chức cuộc mít tinh nông dân tập thể trong huyện để đón Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, mừng thành tích 10 năm xây dựng hợp tác xã (1958 - 1968), mừng thắng lợi vụ đông xuân 1968 - 1969 và phát động cao trào thi đua thực hiện Điều lệ hợp tác xã mới, thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện đảng bộ lần thứ 10. Các hợp tác xã đều làm kiệu hoa, chỉnh tề đội ngũ đến dự. Đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Phó bí thư Khu uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính khu tự trị Việt Bắc về chủ trì cuộc mít tinh và động viên nông dân tập thể toàn huyện. Cuộc mít tinh kết thúc bằng cuộc tuần hành biểu dương lực lượng của xã viên nông nghiệp Phổ Yên.

Thành tích xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của Phổ Yên đến cuối 1968 như sau:

Toàn huyện có 8.821 hộ, 49.310 khẩu vào 65 hợp tác xã, tỷ lệ đạt 94,9% tổng số hộ nông dân toàn

huyện, bao gồm Tân Hương 100%, Hồng Tiến 99,6%, Tiên Phong 98,8%, Thuận Thành 98,7%, Nam Tiến 98,4%, Đại Xuân 97,9%, Tân Phú 97,7%, Đắc Sơn 97,5%, Đồng Tiến 97,4%, Trung Thành 97%, Đông Cao 96,9%, Vạn Phái 96,5%, Cải Đan 95,6%, Thành Công 86,5%, Minh Đức 86,6%, Phúc Thuận 70,9%).

Hợp tác xã đã có tiến bộ về kinh doanh toàn diện. Ngoài kinh doanh cây lúa đã có 38 hợp tác xã có chăn nuôi lợn tập thể; 7 hợp tác xã có đàn bò tập thể, 10 hợp tác xã nuôi thả cá; 2 hợp tác xã chăn nuôi gà, vịt; 5 hợp tác xã kinh doanh trồng cây vật liệu. Hầu hết hợp tác xã có lò gạch thủ công, nhiều hợp tác xã có lò vôi, lò rèn, thêu ren, thợ mộc, thợ may, vận tải xe trâu bánh lốp...

Về cơ sở hạ tầng, ngoài trạm bơm điện do huyện quản lý, các hợp tác xã đắp được 1.850 hồ ao lớn nhỏ, có 35 máy bơm dầu, 8 máy sát gạo, 115 xe trâu bánh lốp, 1.200 xe cải tiến, 20 lò xử lý giống lúa, 600 nhà ủ phân, 75 nhà kho ngói, 250 sân phơi gạch. Giao thông nông thôn phát triển mạnh, trường phổ thông cấp I, II được "ngói hóa", 61,8% số hợp tác xã có nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo. Hợp tác xã nào cũng có hội trường, trụ sở khang trang.

Qua 2 vòng cải tiến quản lý, nhiều hợp tác xã đã xây dựng được phương hướng sản xuất dài hạn

và kế hoạch sản xuất hàng năm, 47 hợp tác xã thực hiện được "3 khoán", 11 hợp tác xã đã thực hiện được khoán sản phẩm cây lúa. Phân loại hợp tác xã năm 1968: Toàn huyện có 8 hợp tác xã tiên tiến: hợp tác xã toàn xã Tân Hương, hợp tác xã lá cờ đầu "5 tấn" Thù Lâm (Tiên Phong), hợp tác xã Quảng Ninh (Đồng Tiến), Đông Quang Hồng (Hồng Tiến), Tiên Phong (Thắng Lợi). 38 hợp tác xã khá, tiêu biểu là những hợp tác xã Nam Đô (Đông Cao), Giã Trung (Đại Xuân), Tảo Địch (Tân Phú), Tứ Thịnh (Trung Thành), Phù Lôi (Thuận Thành), Giữa Thịnh (Nam Tiến), Đắc Thắng (Đắc Sơn), Vạn Kim (Vạn Phái), Xuân Hà Long (Thành Công). Ở những hợp tác xã tiên tiến và khá, sản xuất phát triển, đời sống xã viên được cải thiện, nghĩa vụ đối với Nhà nước đều hoàn thành, chi bộ được công nhận 4 tốt. Số hợp tác xã tiên tiến và khá chiếm 70% tổng số hợp tác xã toàn huyện.

Nhìn chung phong trào hợp tác xã có xu thế ổn định, có chiều hướng phát triển tốt. Nhờ đó, nông thôn không ngừng đổi mới, đời sống nông dân được cải thiện từng bước, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách, làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể, ở đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, câu lạc*

*bộ, sân phơi và nhà kho của hợp tác xã. Nhà mới của xã viên, đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ*¹.

Tuy vậy, ngay trong thời gian này các hợp tác xã cũng đã bộc lộ ngày càng rõ những khuyết điểm, thiếu sót như: Trong trồng trọt cây lúa năng suất chưa cao, chăn nuôi lợn tập thể thua lỗ nhiều, kinh doanh ngành nghề không phát triển. Cùng với thiên tai và thiệt hại do chiến tranh gây ra là nạn lãng phí, tham ô của một bộ phận cán bộ quản lý hợp tác xã do bị thoái hóa, tinh thần lao động tập thể của xã viên giảm sút. Nạn lấn chiếm ruộng đất phát triển, nội bộ hợp tác xã ở một số xã mất đoàn kết, có xã đã tự rút về hợp tác xã quy mô xóm như Nam Tiến, Đại Xuân, Thắng Lợi... Việc phân phối hoa lợi trong hợp tác xã, nhất là phân phối lương thực theo định suất "Tối thiểu 13, tối đa 18" kg lương thực một định suất/tháng đã gây nên cảnh hợp tác xã bỏ hoang diện tích canh tác hoặc chia thêm cho gia đình cấy riêng. Hầu hết các hợp tác xã đều làm hai phương án ăn chia phân phối. Chính những tồn tại này, ngày một phát triển dần lên cho đến năm 1971 sau trận lũ lớn đã đẩy phong

1. Hồ Chủ tịch: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 158.

trào hợp tác xã của huyện vào cuộc khủng hoảng mới kéo dài.

Tháng 4 năm 1970, Tỉnh uỷ Bắc Thái ra Nghị quyết 58 về củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu: "Đến hết năm 1973, toàn tỉnh phải đạt 70% hợp tác xã tiên tiến, riêng năm 1970 phải đạt khoảng 40%,... hết năm 1972 phải đạt 97% tổng số hộ nông dân trong xã vào hợp tác xã riêng năm 1970 phải đạt 90%..."¹.

Sau Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Bắc Thái lần thứ nhất tháng 6-1970, Tỉnh uỷ đã mở cuộc vận động lớn trong toàn tỉnh, học tập và làm theo *Di chúc* của Hồ Chủ tịch, gắn với công cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng làm động lực thực hiện Nghị quyết của Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất. Trong nông thôn, tỉnh chủ trương tổ chức học tập Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao (ban hành năm 1969) gắn vào việc học *Di chúc* của Hồ Chủ tịch.

¹ Nghị quyết 58/NQ-BT ngày 30-4-1970.

Những cuộc vận động lớn nói trên cùng với thắng lợi vụ mùa năm 1970 đã có tác động tích cực đến việc ổn định tình hình hợp tác xã.

Tháng 2 năm 1971, Trung ương ra Nghị quyết 19 chuyên đề về kinh tế nhằm đưa nền kinh tế miền Bắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đưa chăn nuôi lên thành ngành chính. Trên tinh thần đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 208, Chính phủ ban hành Nghị quyết 61 về tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương, Bộ Nông nghiệp phát động phong trào thi đua giành "3 điểm cao" trong nông nghiệp (5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động trên/1 ha gieo trồng).

Tháng 6 năm 1971, Đại hội đại biểu Huyện Đảng bộ lần thứ 11 (1971 - 1974) đã được tiến hành. Quán triệt Nghị quyết 19, 20 và Chỉ thị 208 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất, đại hội đã bổ sung và hoàn chỉnh phương hướng nhiệm vụ phát triển nông lâm nghiệp của huyện theo định hướng mới.

Giữa lúc phong trào chung của huyện đang phát triển thuận lợi, thì những khó khăn lớn liên tiếp xảy ra. Trận lũ lớn năm 1971 đã làm cho mùa màng

của Phố Yên thiệt hại nặng. Nạn giáp hạt lương thực từ trước chưa được đẩy lùi nay lại được dịp phát triển rộng ra, gay gắt hơn. Năm 1972 Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ 2, thời gian tuy ngắn song đã gây tổn hại nặng nề. Thời gian này phong trào hợp tác xã nói chung của tỉnh cũng thiếu ổn định.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp nghị Pa-ri được ký kết, Mỹ cam chịu thất bại và rút quân khỏi miền Nam nước ta. Ngày 28-1-1973 Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi cả nước: "Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc".

Cũng năm này, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết 33 về củng cố phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh. Uỷ ban hành chính Bắc Thái đã mở hội nghị tổng kết các hợp tác xã tiên tiến và khá lần thứ nhất của tỉnh để triển khai Nghị quyết 33 của Tỉnh uỷ. Tiếp đó tỉnh đã tập trung cán bộ xuống giúp huyện triển khai Nghị quyết 22 của Trung ương, Nghị quyết 33 của tỉnh, xúc tiến hoàn thành cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195, 197, 228 của Bộ Chính trị đã được ban hành trước đó.

Nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên hồ hởi, phấn khởi bước vào thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh uỷ. Phổ Yên đã lấy hợp tác xã Tân Hương làm thí điểm tổ chức lại sản xuất theo sự phân vùng sản xuất của huyện nhằm xây dựng Phổ Yên theo mô hình nông - lâm - công nghiệp¹.

Qua tổ chức lại sản xuất, bước đầu hợp tác xã đã kinh doanh khá toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề. Cơ sở hạ tầng của hợp tác xã khá mạnh: có 5 hồ đập lớn rộng 25 ha, đường trục của hợp tác xã, ô tô có thể đến tất cả các đội. Hợp tác xã có 15 xe trâu bánh lốp và hàng trăm xe cải tiến, có 1 lò gốm và 3 lò gạch công suất 3 triệu viên/năm. Trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho,

1 Hợp tác xã toàn xã Tân Hương có nhiều thuận lợi trong việc tổ chức lại sản xuất: ở gần huyện lỵ Ba Hàng, có quốc lộ 3 chạy qua, bình quân diện tích canh tác 1.700m²/khẩu, ít bị úng lụt. Xã viên có truyền thống lao động cần cù, nhiệt tình tham gia mọi công tác cách mạng. Đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã hăng hái, gương mẫu, chăm lo đến lợi ích của tập thể. Đặc biệt, hai đồng chí Bí thư Đảng uỷ và Chủ nhiệm hợp tác xã rất nhiệt tình, chịu khó suy nghĩ sáng tạo và chỉ đạo thực hiện kiên quyết và được quần chúng tín nhiệm. Toàn hợp tác xã có 518 hộ, 1.201 xã viên, 2.800 khẩu, 480 ha đất canh tác, đạt tỷ lệ 100% tổng số hộ vào hợp tác xã bao gồm hộ nông dân lao động, thủ công, buôn bán nhỏ xen kẽ.

trường học đã ngói hóa 100% khang trang, sạch đẹp.

Hàng năm hợp tác xã làm nghĩa vụ đối với Nhà nước 120 tấn thóc, từ 20 đến 40 tấn thịt lợn hơi và cá, hơn 1 chục tấn lạc, đỗ các loại. Đời sống xã viên được cải thiện rõ rệt. Hợp tác xã được thưởng Huân chương Lao động hạng ba. Đồng chí chủ nhiệm được bầu là Chiến sĩ thi đua 10 năm liền, được Nhà nước thưởng Huân chương Lao động hạng ba.

Tuy vậy, hợp tác xã cũng còn nhiều yếu kém trong công tác khoán, còn dơng công, phóng điểm, chi phí tăng, năng suất lao động không tăng. Năm 1978 đã có 11 hộ xin ra hợp tác xã.

Từ kinh nghiệm của Tân Hương, các hợp tác xã khác trong toàn huyện cũng bổ sung và hoàn chỉnh phương hướng sản xuất theo định hướng của Huyện.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của huyện trong những năm 1973 - 1975 đã đi vào ổn định.

Qua phân loại, toàn huyện có 3 hợp tác xã tiên tiến, 13 hợp tác xã khá, 20 hợp tác xã trung bình, 26 hợp tác xã yếu kém.

Nhìn lại quá trình cải tạo và hoàn thiện hợp tác

hóa nông nghiệp của huyện có thể rút ra một số vấn đề chính sau đây:

Chủ trương, đường lối, phương châm, nguyên tắc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng đề ra từ đầu là đúng đắn. Nông dân lao động một lòng tin theo Đảng đi vào con đường làm ăn tập thể từ thấp lên cao mặc dù phải trải qua nhiều sóng gió của thiên tai và chiến tranh, cùng với khuyết điểm của việc tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Nhờ có hợp tác hóa nông nghiệp giai cấp nông dân tập thể ra đời, nông thôn từng bước được đổi mới, sản xuất nông nghiệp của huyện thoát dần độc canh, phân tán, năng suất thấp, tự cấp tự túc tiến lên tập trung, đa canh, chuyên canh kinh doanh toàn diện, có nhiều nông sản hàng hóa, đời sống nhân dân ngày càng cải thiện. Hợp tác xã đã đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, bảo đảm tốt chính sách hậu phương quân đội, chi viện sức người sức của cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, đánh thắng chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Bên cạnh mặt thành tích là cơ bản, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông thôn, nông nghiệp ở Phổ Yên, cũng bộc lộ những hạn chế như:

- Chưa nhận thức rõ tính phức tạp về cuộc đấu tranh giữa "2 con đường" trong suốt quá trình cải

tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và nông thôn. Do đó khi thì chủ quan, thỏa mãn với việc đưa trên 90% số hộ nông dân vào hợp tác xã, khi thì thiếu chủ động, thiếu kiên quyết tìm mọi biện pháp để giải quyết những mâu thuẫn mới nảy sinh đưa phong trào tiến lên vững chắc.

- Trong việc công hữu hóa tư liệu sản xuất chủ yếu (ruộng đất, trâu bò) và mắc những khuyết điểm: Đối với ruộng cấy chỉ quản lý tập thể cây lúa là chính. Ao hồ sau khi đã công hữu không kinh doanh tốt, nhiều nơi chỉ để giữ nước cho lúa. Vườn cây đặc sản (quýt, vải, trám, sấu) và soi tre bị phá hoại. Việc quản lý tư liệu sản xuất và kinh doanh tập thể kém, ảnh hưởng lớn đến đời sống xã viên.

- Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, việc mở rộng dần quy mô hợp tác xã từ thấp lên cao để mở rộng quy mô sản xuất, huyện có phần bị động do sự nôn nóng từ trên xuống, phần do tư tưởng thành tích nên cấp uỷ đã không tôn trọng những điều kiện đã được Trung ương quy định. Vì vậy, việc đưa Hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao những năm 1961, 1962 và đồng loạt từ 1964, 1965 đưa từ quy mô thôn lên xã đã bộc lộ không ít khuyết điểm, nhất là việc làm phát tán tài sản tập thể, gây lãng phí nghiêm trọng.

- Trong công tác quản lý hợp tác xã còn nhiều yếu kém: tình trạng ruộng đất bị đào ao, ruộng biến thành đất ở, vườn cây, bỏ hoang hóa, nạn lấn chiếm đất hoang đất đồi gò làm kinh tế gia đình không ngăn chặn được. Từ đó, việc quản lý lao động lỏng lẻo, cản trở cho việc thâm canh tăng năng suất của hợp tác xã.

Nguyên nhân chủ yếu của sự yếu kém đó là: Đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã vừa thiếu, vừa yếu lại không được đào tạo, luôn luôn thay đổi sau mỗi lần đại hội xã viên, hầu hết trình độ văn hóa chưa hết cấp một, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật hầu như không có gì.

Ở những hợp tác xã tiên tiến và khá, đội ngũ cán bộ quản lý cũng làm việc theo kinh nghiệm, nhưng có nhiệt tình và trách nhiệm, hy sinh gương mẫu trước quần chúng. Ở các hợp tác xã trung bình và yếu kém, một số cán bộ đã vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã đã quy định trong Điều lệ hợp tác xã. Trong số cán bộ yếu kém này có một bộ phận nhỏ thoái hóa biến chất, làm mất lòng tin của xã viên, có người đã bị xử lý trước pháp luật.

- Theo Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp vừa là đơn vị kinh tế vừa là đơn vị xã hội. Về mặt kinh

tế, hợp tác xã là đơn vị kinh tế cơ sở có quyền tự chủ về tài chính.

Quá trình hình thành và phát triển, hợp tác xã gần như một đơn vị hành chính cơ sở, gánh vác mọi chi phí ngoài nhiệm vụ kinh doanh của hợp tác xã. Trong lĩnh vực kinh tế, do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, Nhà nước giao cho hợp tác xã nhiều chỉ tiêu pháp lệnh nặng về điều tiết hơn là đầu tư cho hợp tác xã. Về mặt chủ quan, với việc quản lý yếu kém, lãng phí tham ô nghiêm trọng cộng với dân số gia tăng càng làm cho thu nhập bình quân tính theo đầu người ngày càng giảm. Quỹ tích lũy của hợp tác xã ngày càng thu hẹp, không đủ sức tái sản xuất mở rộng¹.

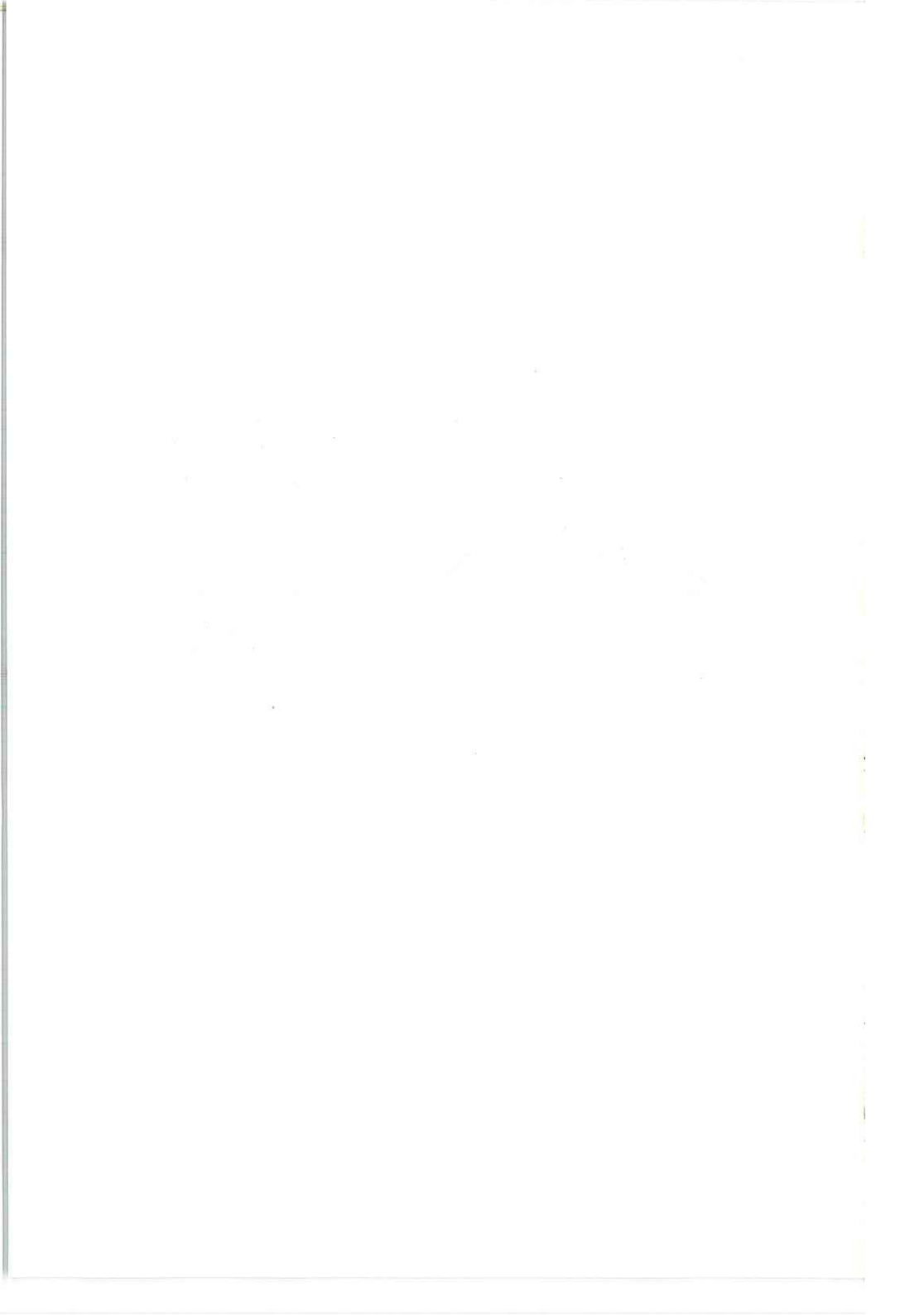
- *Phát triển kinh tế*

Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Bắc Thái lần thứ nhất tháng 6-1970 đã ra Nghị quyết chỉ rõ "*...ra sức phát triển mạnh mẽ lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, nhất là các loại cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn). Tích cực phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, cây công nghiệp, bảo vệ, tu bổ, trồng*

1. Chính những sai lầm, khuyết điểm nói trên đã khiến phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của huyện ngày càng xuống cấp trước khi có Chỉ thị 100/CT của Ban Bí thư (1981) và Nghị quyết 10/NQ-TW của Bộ Chính trị (1988).



Chủ tịch nước Trần Đức Lương làm việc với lãnh đạo huyện Phổ Yên



và khai thác rừng. Tạo điều kiện tích lũy và xây dựng kinh tế địa phương để ngày càng có nhiều sản phẩm góp với Nhà nước và từng bước cải thiện đời sống công nhân, nông dân tập thể các dân tộc"¹. Tỉnh uỷ cũng đã ra nhiều Nghị quyết chuyên đề, chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất.

Là một huyện trung du và miền núi dân số ngày càng tăng, ruộng đất canh tác thấp, độ bạc màu nặng, huyện đã sớm ý thức được phải phát triển toàn diện, nông nghiệp với cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi, và trồng cây gây rừng.

Phổ Yên được phân vào vùng 1 của tỉnh. Phương hướng sản xuất chính vùng này là: lương thực, thực phẩm (lúa, khoai lang, lạc, lợn, rau, chè). Ngành bổ sung là chăn nuôi trâu, bò, gia cầm, cá, cây ăn quả (chuối, dứa), cây lấy gỗ kiến thiết và làm chất đốt².

Căn cứ vào sự phân vùng kinh tế của tỉnh, dựa vào điều kiện tự nhiên và tập quán canh tác của nhân dân, huyện đã phân chia các xã trong huyện làm 3 tiểu vùng: Tiểu vùng lương thực, thực phẩm là 4 xã hữu ngạn sông Công ngoài sản xuất lương

1. Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ I, 1970, tr. 65.

2. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất, tr. 121.

thực phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc, trồng chè và trồng rừng, số xã còn lại dọc quốc lộ 3, ngoài sản xuất lương thực phát triển mạnh chăn nuôi lợn, trồng cây công nghiệp ngắn ngày. Tất cả các xã đều trồng cây ăn quả (chuối, mít, dứa), cây vật liệu xây dựng và chất đốt (bạch đàn, xoan, tre).

Căn cứ vào phương hướng sản xuất ngày càng được hoàn chỉnh, tổng kết kinh nghiệm sản xuất từ trước tới nay, huyện cũng đã cụ thể hóa thêm một bước về cơ cấu mùa vụ, cây trồng.

Trên cơ sở thủy lợi phát triển, nhiều xã bỏ lúa Nam Ninh cạn vụ xuân, từ 1969 trở đi đã bỏ diện tích lúa Ba giăng vụ hè để mở rộng diện tích lúa bằng nhiều giống lúa mới. Đến 1975, toàn huyện đã hình thành rõ rệt hai vụ sản xuất chính: vụ mùa và vụ chiêm xuân.

Trong những năm 1965 - 1969, huyện đã chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng cánh đồng 5 tấn. Nhiều cánh đồng được san gèn, lấp trũng. Các hợp tác xã ven sông đã trồng tre chống xói lở, cát bồi. Hợp tác xã Phú Cốc (Tân Phú) sau mỗi trận lụt lại phải gian khổ khắc phục nạn cát bồi lấp để giữ vững diện tích gieo trồng.

Kết quả rõ nét nhất của sản xuất nông nghiệp ở Phổ Yên giai đoạn này là năng suất cây trồng

tăng lên không ngừng. Năm 1965 bình quân chung toàn huyện mới đạt 13 - 15 tạ/ha, đến năm 1975 đạt trên dưới 27 tạ/ha. Hợp tác xã Tứ Thịnh (Trung Thành) có nhiều chân ruộng là đất sét nặng (cánh đồng béc), nhờ cải tạo đất, năng suất cây trồng (lúa) tăng lên không ngừng, năng suất chân ruộng 2 vụ lúa 1 ha năm 1960 đạt 14,13 tạ, 1968 đạt 32,7 tạ, năm 1970: 34,8 tạ...

Từ 1971, mặc dù huyện đã đưa chăn nuôi là ngành chính, số trâu bò cá thể tăng rất chậm do hợp tác xã kìm lại, vì sợ thiếu nguồn thức ăn cho đàn trâu bò tập thể. Kết quả là đến 1975 tuy đã đạt tăng so với trước đây, nhưng mức bình quân huyện mới đạt mức 1 con/hộ (năm 1961 khi nông dân lao động vào hợp tác xã, bình quân chung 0,9 con/hộ).

Xã Phúc Thuận có điều kiện chăn nuôi đại gia súc hơn cả, song đàn trâu cũng không tăng.

Về chăn nuôi lợn, đến 1969, toàn huyện đã có 38 trong số 65 hợp tác xã có chăn nuôi lợn tập thể. Hợp tác xã nào cũng xây chuồng trại sạch sẽ, có tổ hoặc đội chuyên chăn nuôi. Hầu hết hợp tác xã đều dành từ 10% đến 15% ruộng đất canh tác để sản xuất thức ăn cho lợn. Ty nông nghiệp tỉnh đã xây dựng trại lợn giống Đắc Sơn, cung cấp lợn giống; tinh dịch lợn lai kinh tế cho hợp tác xã và

gia đình xã viên, lập trạm thú y huyện. Hàng năm, huyện đã chỉ đạo tiêm phòng theo chu kỳ 2 lần và kịp thời dập tắt các ổ dịch bệnh: Huyện đã tổ chức cho các hợp tác xã tham quan các điển hình chăn nuôi giỏi như Hòa Loan (Vĩnh Phú) Trung Hòa (Hà Bắc) Thành Công (Đại Từ, Bắc Thái).

Hợp tác xã Tân Hương có 3 trại lợn tập thể ở 3 thôn trong đó có 2 trại chuyên lợn nái ở Phù Hương và Trinh Nữ với số lượng 300 con. Hàng năm, hợp tác xã bán nghia vụ cho Nhà nước từ 20 đến 30 tấn lợn hơi và hàng trăm tấn giá cao, có năm 200 tấn giá cao.

Nhiều xã cũng có trại lợn tập thể khá như: Thù Lâm (Tiên Phong) Tứ Thịnh (Trung Thành), Quảng Ninh (Đồng Tiến) Đắc Thắng (Đắc Sơn), Đông Quang Hồng (Hồng Tiến), Khánh Hòa (Thắng Lợi), Thuận Đức (Minh Đức)...

Tuy nhiên, từ năm 1970 trở đi, trại lợn tập thể giảm sút dần và tan vỡ hết vào cuối những năm 70. Nguyên nhân chính vì: Nhiều trại lợn chưa hạch toán riêng, lỗ lãi đều đổ vào đầu cây lúa trong khi mùa màng thất bát do thiên tai liên tiếp xảy ra. Nhà nước thu mua với giá quá thấp không đủ bù đắp chi phí đầu vào và bị ép cấp, ép giá đầu ra. Hầu hết các trại lợn không có cán bộ quản lý và kỹ thuật được đào tạo, cộng với nạn tham ô

trong nội bộ hợp tác xã gây lãng phí lớn. Hợp tác xã Thù Lâm (Tiên Phong) trong lúc giáp hạt xã viên phải sang Hà Bắc mua hoa màu lương thực trong khi ở trại lợn còn hàng chục tấn thóc nuôi lợn không sinh lợi. (Hợp tác xã Tứ Thịnh (Trung Thành) năm 1970 chi phí 1 tạ lợn hơi hết 189, 3 ngày công, hết 5.118 kg chất bột, 17.480 kg rau xanh. Công nhân nuôi được tính công cả ở gia đình, hưởng xuất cơm ở trại. Hợp tác xã ở Đông Cao đàn lợn ban đầu có 6.070 con đến 1974 tụt xuống còn 3 con lợn nái mà vẫn phải chi công cho 5 lao động chăm sóc).

Trước tình hình các trại lợn tập thể bị tan vỡ, để bảo đảm nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước, nhiều hợp tác xã chuyển sang hình thức giao nghĩa vụ thực phẩm cho lao động theo phương thức nuôi gia công mỗi kg lợn hơi được nhận từ 4 đến 5 kg thóc với giá nghĩa vụ của hợp tác xã.

Hình thức chăn nuôi lợn tập thể kiểu này tồn tại cho đến khi Nhà nước xóa bỏ nghĩa vụ thực phẩm vào đầu năm 80.

Từ năm 1965 trở đi, huyện đã chú trọng phát triển nuôi cá, nhập giống cá năng suất cao như rô phi, mè hoa, trắm cỏ... Hợp tác xã Tân Hương, Xuân Hà Long (Thành Công), Tứ Thịnh (Trung Thành) Đông Hạ (Đông Cao)... đã ương cá giống tự

túc và cung cấp một phần cho các hợp tác xã bạn. Từ năm 1970 huyện đã phát động phong trào "Ao cá Bác Hồ" đưa phong trào nuôi cá phát triển mạnh.

Tuy vậy, từ cuối những năm 70, việc nuôi thả cá bị teo dần. Từ chăn thả tập thể hợp tác xã đến chia về các đội chăn thả tập thể đội, hoặc giao khoán cho gia đình xã viên.

Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan) cũng là tập quán lâu đời của nông dân Phổ Yên với phương thức chăn thả tự do, hiệu quả kinh tế thấp.

Tuy hợp tác xã đã được xây dựng song rất ít hợp tác xã kinh doanh gia cầm. Hàng năm, huyện có giao chỉ tiêu hướng dẫn cho hợp tác xã bình quân mỗi hộ từ 20 - 50 con các loại, song không có kiểm tra, đôn đốc, tổng kết.

Mặt khác, do nhận thức, phương thức chăn thả, gà, vịt đã phá hoại lúa và hoa màu ở những thửa ruộng quanh khu dân cư của hợp tác xã, của các công trường, xí nghiệp đóng xen kẽ, vừa hại cho sản xuất, vừa mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân, đó là nguyên nhân làm cho đàn gia cầm của huyện không phát triển được.

Về xây dựng các công trình trung, thủy nông và

phong trào cải tạo đồng ruộng từ 1965 đến 1975. Đến hết năm 1965, diện tích bị hạn ở 4 xã miền núi và 4 xã phía bắc huyện còn rộng. Huyện đã quyết định xây dựng công trình thủy nông đầu tiên là trạm bơm điện Yên Khánh (Thắng Lợi) lấy nước tưới cho 4 xã phía bắc, nâng cấp đê Tiên Phong và 2 đập Bến Đông và Bến Níp để mở rộng diện tích tưới nước cho 2 xã Phúc Thuận và Minh Đức. Khó khăn lớn nhất trong lúc này (1966 - 1967) là Mỹ đã đánh phá ngày càng ác liệt vào huyện. Song huyện đã quyết định thi công cả 3 công trình cùng một thời gian. Năm 1968, Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc cũng là năm đã hoàn thành cả 3 công trình thủy nông lớn đã đề ra.

Cũng thời gian này, huyện đã chỉ đạo các hợp tác xã cải tạo đồng ruộng khi bước vào vụ mùa những năm 1966, 1967, 1968.

Các hợp tác xã đã hoàn thành cải tạo mặt bằng những cánh đồng trọng điểm của hợp tác xã, từ 1969 trở đi trở thành cánh đồng 5 tấn khi Bộ Nông nghiệp phát động phong trào thi đua giành 3 mục tiêu trong nông nghiệp miền Bắc.

Đầu những năm 70, tỉnh xây dựng công trình thủy nông hồ Núi Cốc. Các hợp tác xã lập đội thủy lợi 202 do hợp tác xã dài thọ, Nhà nước cấp bù

chênh lệch, các huyện lập Ban chỉ đạo chỉ huy làm phần việc tại địa phương mình. Theo chủ trương chung, các đội viên đội thủy lợi trên công trường được tính 1,5 công ở hợp tác xã. Mỗi đội viên được cấp 21 kg lương thực/tháng. Nhà nước cấp bù phần chênh lệch với phần hợp tác xã phân phối cho họ. Tuy nhiên, có thời gian, đội 202 của Phổ Yên phải ăn khoai, sắn, khi địa phương mất mùa trong khi Nhà nước chưa kịp cấp bù lương thực.

Do thành tựu của công cuộc thủy lợi hóa nông nghiệp ở Phổ Yên nhiều hợp tác xã đã mở rộng diện tích gieo cấy lên 2 lần vào năm 1975 so với năm 1955. Nhiều hợp tác xã đã nâng vòng quay của đất trồng lên 2,5 lần. Có chân ruộng lên 3 lần.

Trong những năm 60, 70 diện tích cấy giống "lúa lùn" tăng dần và ngày càng chiếm ưu thế, nhất là các giống lúa vụ xuân. Đến 1975, Phổ Yên đã hoàn toàn loại hẳn các giống lúa cũ năng suất thấp, đã chọn lọc được cơ cấu giống lúa thích hợp như nông nghiệp 8, X1, CR 203, Mộc tuyền, Bao thai thường... Đáng tiếc là trong quá trình đó, một số giống lúa đặc sản như nếp hoa vàng, nếp cẩm, dự hương (địa phương gọi là lúa Mừng) lại rơi vào tình trạng bị thải loại.

Đi đôi với chọn lọc cơ cấu giống lúa, các hợp tác

xã đã lập đội giống "4 chuyên", xây lò xử lý hạt giống 66°C, gieo mạ, xử lý mạ theo kỹ thuật... Có hiệu quả rõ rệt là phong trào cấy nông tay thẳng hàng, bảo đảm mật độ, kết hợp với phong trào làm cỏ sục bùn bằng cào cỏ cải tiến, phong trào chăm sóc đồng ruộng và phong trào trừ sâu bệnh, phong trào thâm canh, "5 tấn thóc" trên 1 ha gieo trồng được phát động sôi nổi từ 1969 trở đi.

Giống các cây trồng khác cũng được chọn lọc. Giống khoai lang địa phương đã thoái hóa. Từ 1960, ta đã nhập nội các giống khoai lang Trung Quốc, và khoai nội địa (khoan Lim, Hoàng Long). Huyện cũng đã hướng dẫn cách trồng thẳng hàng thay cho cách trồng áp tường cũ, dùng phân kali tăng trọng lượng củ khoai, cách gơ giống bằng củ thay giống đã thoái hóa. Ngoài ra các giống ngô lai, sắn, đỗ các loại, rau cũng có nhiều tiến bộ. Kết quả đó là do sự nhảy bèn của huyện và ý thức ngày càng tự giác của nông dân trong công tác giống cây trồng, vật nuôi. Tuy vậy, trong chỉ đạo thực hiện còn có thiếu sót: hầu hết các giống mới chưa qua gieo trồng thí điểm trước khi mở rộng đại trà.

Nhìn lại quá trình 20 năm cải tạo và phát triển nông nghiệp của huyện (1955 - 1975) trong hoàn cảnh đất nước vừa có hòa bình vừa có chiến tranh,

thiên tai gay gắt, liên tiếp kéo dài, nhưng vượt lên tất cả những khó khăn đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy Bắc Thái, nông nghiệp Phổ Yên đã qua nhiều bước nhảy vọt năm 1945, 1955 và 1960. Nổi bật lên là từ một huyện nông nghiệp độc canh, phân tán, năng suất thấp, nghèo nàn, lạc hậu đã tiến lên phát triển khá toàn diện; năng suất cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng lên. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã được tăng cường. Bộ mặt nông thôn đã được đổi mới. Đời sống nhân dân khá hơn trước nhiều. Đó là những thành tích rất đáng tự hào của một huyện miền núi và trung du có nhiều khó khăn do lịch sử để lại.

Tồn tại lớn nhất trên lĩnh vực nông nghiệp của huyện là: Thiên tai gay gắt, mùa màng chưa thật chắc ăn, cộng với nạn gia tăng dân số nhanh. Mặc dù nông nghiệp đã đạt nhiều thành tích lớn, huyện vẫn chưa xóa hẳn được tình trạng thiếu lương thực. Song song với phát triển nông nghiệp, trên mặt trận lâm nghiệp cũng có những thành tựu đáng kể. Phong trào trồng cây ở khu vực ngoài quốc doanh phát triển ngày càng mạnh mẽ, rộng khắp và mang lại hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực. Kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động "Tết trồng cây"

năm 1960, ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường đóng trên địa bàn Huyện đều tham gia trồng cây nơi công cộng làm cảnh quan thay đổi, khí hậu trong lành, tự túc được chất đốt, che chắn kho tàng trong chiến tranh phá hoại. Trong phong trào này có nhiều gương tốt: Trường cấp 3 Phổ Yên trồng chăm sóc và bảo vệ tốt cây trồng ở nghĩa trang liệt sĩ của huyện. Nhiều trường học Phổ thông do trồng cây đã tự túc được nguyên liệu để xây dựng trường lớp. Có trường ươm cây giống bán gây quỹ nhà trường. Đồng chí Chánh văn phòng ủy ban hành chính huyện say mê trồng cây cho cơ quan huyện tại Ba Hàng và cả nơi sơ tán. Đồng chí đã được công nhận "Chiến sĩ trồng cây" và được tặng Huân chương cao quý của Nhà nước.

Trong các hợp tác xã nông nghiệp, trồng cây được coi là ngành nghề của hợp tác xã, nhiều hợp tác xã đã lập "Tổ chuyên" gồm các cụ nhiệt tình và có kinh nghiệm, các cụ đã trồng nhiều đồi cây bạch đàn, phi lao xanh tốt. Các hợp tác xã ven sông đều được trồng tre chống xói lở, cát bồi. Phong trào phát triển rộng khắp, tiêu biểu là các hợp tác xã Tân Hương, Nam Đô (Đông Cao), Thanh Hoa (Trung Thành), Thuận Đức (Minh Đức), Phú Cốc (Tân Phú)... Nhờ việc trồng cây, hợp tác xã đã tự túc

được gỗ xây dựng, có hợp tác xã còn ươm và bán giống. Cụ Nguyễn Văn Đức, một Đảng viên cao tuổi ở hợp tác xã Thanh Hoa (Trung Thành) đã được công nhận là "Chiến sỹ trồng cây" và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

Việc trồng cây gia đình phát triển mạnh cùng với sự hình thành khu dân cư mới đẩy nhanh quá trình "xanh hóa" đồi gò trọc trong toàn huyện. Nhiều vườn cây rộng trên 1 ha đã là nguồn thu chính của gia đình xã viên và công nhân, viên chức Nhà nước.

- Công tác thu mua và phân phối

Công tác thu mua và phân phối của huyện có nhiều thành tích tiến bộ góp phần phát triển sản xuất, ổn định giá cả và thị trường, tăng thu ngân sách cho Nhà nước, cải thiện đời sống nhân dân.

Về thu mua: Nhà nước đã ổn định nghĩa vụ lương thực vào những năm 1965, 1970, 1973. Hàng năm huyện nộp và bán cho Nhà nước trên dưới 2.000 tấn thóc, riêng thóc thuế là 1.200 tấn (được nộp khoảng 400 tấn bằng tiền). Chỉ tiêu thu mua thịt lợn hơi, lạc, đỗ các loại, chè được giao hàng năm. Giá cả thu mua sửa đổi nhiều lần từ cơ chế 1 giá chỉ đạo đến cơ chế nhiều giá (giá mua trong và

ngoài nghĩa vụ, giá khuyến khích) với tất cả các loại hàng lương thực, thực phẩm và nông sản chính. Phương thức thu mua cũng được cải thiện từ nghĩa vụ là chính sang thu mua theo hợp đồng, đó là thuận lợi cơ bản cho công tác thu mua của huyện.

Huyện rất coi trọng việc giáo dục ý thức làm nghĩa vụ đối với Nhà nước cho các hợp tác xã nông nghiệp, đã coi trọng công tác thu mua và trọng tâm công tác theo từng thời vụ thu mua đặt ra, đã coi trọng động viên thi đua hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước thông qua các ngày hội giao lương, giao thực phẩm, nông sản có khen thưởng kịp thời. Cán bộ, đảng viên đều có ý thức gương mẫu làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các hợp tác xã nông nghiệp và xã viên với ý thức tốt, thi đua hoàn thành giao nộp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, nông sản cả về số lượng, chất lượng và thời gian. Vì vậy, hàng năm huyện đã hoàn thành cơ bản chỉ tiêu lương thực (thóc, màu), hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thực phẩm, nông sản Nhà nước giao. Nhiều năm, huyện được tỉnh biểu dương về giao nộp nông sản thực phẩm.

Tuy vậy, giá cả Nhà nước quy định còn quá thấp so với giá thị trường, các chỉ tiêu thu mua đều mang tính chất Pháp lệnh và chưa thật ổn định. Cơ quan thu mua còn nhiều biểu hiện ỷ lại, cửa

quyền, gây thiệt hại cho hợp tác xã (tiền thanh toán thường chậm, làm vỡ hợp đồng tiêu thụ thuốc lá, dưa chuột, rau xanh đối với hợp tác xã nông nghiệp mới phát triển ngành nghề). Các hợp tác xã nông nghiệp trung bình và yếu kém thường không hoàn thành nghĩa vụ Nhà nước giao, làm cho việc làm nghĩa vụ chưa công bằng, gây suy tị trong nội bộ hợp tác xã, giữa các xã.

- Về công tác phân phối

Trong hoàn cảnh chiến tranh, thu mua nắm nguồn hàng nội địa có nhiều hạn chế, viện trợ Quốc tế từ sau 1968 giảm dần, địch phong tỏa và cấm vận, dân số tăng nhanh, thiên tai liên tiếp, việc phân phối, lưu thông hàng hóa rất khó khăn, phức tạp. Trong công tác phân phối, bên cạnh nhiều việc làm tốt, cũng còn nhiều điểm hạn chế: Tiểu thủ công nghiệp, hàng xuất khẩu trước năm 1965 bảo đảm tốt nhưng từ sau 1966 trở đi việc cung cấp nguyên, vật liệu, máy móc và phụ tùng thay thế giảm dần hoặc thiếu đồng bộ. Cơ sở sản xuất phải chạy ngoài kế hoạch nên đã nảy sinh móc ngoặc, tham ô, đình đốn sản xuất ảnh hưởng đến đời sống người lao động. Nội bộ hợp tác xã có nhiều phức tạp...Do vậy, sản xuất tiểu thủ công nghiệp của huyện tiến bộ chậm, thiếu vững chắc.

Việc cung cấp phân bón hóa học các loại, vôi,

thuốc, trừ sâu căn bản tốt, đầy đủ và kịp thời. Năm 1967, do vận tải của tỉnh có nhiều khó khăn, để bảo đảm kịp thời vụ, huyện đã huy động cán bộ, công nhân viên, giáo viên toàn huyện, bằng phương tiện xe đạp đã vận chuyển 3 đêm liền hàng chục tấn phân lân nội bộ từ Ký Phú, Đại Từ về huyện. Việc cung cấp nông cụ và xe cải tiến có nhiều cố gắng song chất lượng rất kém; nông dân phải mua cày, bừa, nông cụ cầm tay ở Hà Bắc và Hà Nội. Hàng trăm xe cải tiến không có phụ tùng sửa chữa, thay thế bị vứt bỏ, cày 51 cải tiến xã viên gọi là "Cày năm một". Xã viên phải tự chạy mua trâu, bò cày kéo từ nhiều nơi về, trâu bò "ngã nước" cộng với chế độ chăm sóc kém, hàng năm chết đói rét nhiều. Tất cả những thiếu sót trên làm thiệt hại cho hợp tác xã không nhỏ.

Việc phân phối phục vụ đời sống khu vực phi nông nghiệp có nhiều cố gắng vượt bậc, đảm bảo được công bằng hợp lý, đến tay người tiêu dùng, ngày một thuận tiện. Tồn tại lớn nhất từ sau năm 1965 trở đi là trong phân phối ngày càng không bảo đảm định lượng đã được quy định như: Hàng năm huyện vẫn phải xin tỉnh trợ cấp thêm lương thực. Có năm huyện phải xin tỉnh trên dưới 100 tấn gạo để giải quyết giáp hạt cho các đối tượng

chính sách trong đó có gia đình cán bộ công nhân viên huyện, xã.

Về hàng tiêu dùng thiết yếu, giai đoạn 1960-1965 Nhà nước bảo đảm định lượng một số mặt hàng theo tem phiếu. Từ sau 1966, chỉ có vải được đáp ứng đầy đủ theo định lượng mới, còn các mặt hàng khác có đến đâu bán đến đó cho cán bộ, công nhân viên Nhà nước. Đối với nhân dân bán theo hợp đồng kinh tế hai chiều, ngoài tiêu chuẩn định lượng có bán khuyến khích thêm cho những hộ làm vượt nghĩa vụ Nhà nước.

Nhân dân ta có truyền thống chia ngọt sẻ bùi, thông cảm với khó khăn của Đảng và Nhà nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Điều đáng chê trách là một bộ phận nhỏ những người làm công tác phân phối đã lợi dụng quyền hạn, móc ngoặc lẫn nhau, tuồn hàng cho con buôn kiếm lời, lấy hàng quá tiêu chuẩn định lượng cho bản thân và gia đình, làm mất lòng tin của quần chúng.

Là một bộ phận của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, hệ thống hợp tác xã mua bán huyện và xã đã góp phần đặc lực vào việc cải tạo những người buôn bán nhỏ, quản lý thị trường địa phương, chiếm lĩnh thị trường nông thôn, góp phần hoàn

thiện phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Những xã có hợp tác xã mua bán hoạt động tốt là: Đồng Tiến, Trung Thành, Đông Cao, Tiên Phong, Nam Tiến, Tân Hương. Ở những nơi này, hợp tác xã mua bán đã coi trọng khâu tự doanh. Cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo hợp tác xã. Cán bộ quản lý hợp tác xã nhiệt tình gương mẫu, có kinh nghiệm kinh doanh, làm giàu cho hợp tác xã. Số xã còn lại, hợp tác xã mua bán hoạt động trung bình hoặc yếu kém vì ở đây chủ yếu chỉ làm đại lý bán hàng công nghệ phẩm thiết yếu của thương nghiệp quốc doanh.

Phổ Yên là huyện có dân số tăng khá nhanh: năm 1957 có 34.234 người, đến 1975 đã là 71.342 người, tăng hơn hai lần do tăng cơ học nhanh, tỷ lệ sinh đẻ trên 2,5% hàng năm. Dân số, lao động phân bố không đều giữa các xã trong huyện. Một số hợp tác xã ven sông Cầu bình quân diện tích canh tác chỉ đạt ($\pm 500\text{m}^2/\text{người}$. Đó là những khó khăn gay gắt, lâu dài của huyện).

Để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân, huyện đã ý thức được phải nỗ lực giải quyết hàng loạt vấn đề kinh tế - xã hội rất bức xúc như đưa dân miền ngoài vào

định cư ở những thôn, ấp thuộc các xã miền núi trong huyện. Hàng năm, huyện đã hoàn thành mọi chỉ tiêu tuyển sinh, tuyển lao động Nhà nước giao cho. Ngoài ra các hợp tác xã đã đóng góp hàng chục vạn ngày công nông nhân vào việc xây dựng các nông lâm trường, xí nghiệp, trường học của Trung ương và tỉnh trên địa bàn huyện, đưa hàng trăm con em đi làm nghĩa vụ quân sự.

Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch đã được đề ra từ những năm cuối thập kỷ 60, dần dần đã trở thành ý thức tự giác nên huyện đã giảm tỷ lệ sinh đẻ từ trên 3% xuống 2,5%.

Đời sống phần lớn gia đình công nhân viên chức được ổn định.

Đời sống của nông dân tập thể nhìn chung được bảo đảm, được cải thiện rõ rệt do sản xuất nông nghiệp của huyện được phát triển. Nguồn thu nhập từ hợp tác xã và kinh tế gia đình ngày càng tăng. Xã viên hợp tác xã chẳng những bảo đảm đời sống cơ bản của mình mà còn làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách xã hội Nhà nước đã đề ra.

Đời sống của những gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ, quân nhân thanh niên xung phong tại ngũ và các đối tượng

xã hội khác được bảo đảm tốt, thể hiện được đạo lý truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta.

Thành tựu phát triển kinh tế 10 năm (1965-1975) là kết quả tổng hợp của quá trình vận động 3 cuộc cách mạng ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng, là tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước dân của cán bộ, Đảng viên toàn huyện, là truyền thống yêu nước nồng nàn, lao động cần cù, sinh hoạt, giản dị, chịu đựng gian khổ của nhân dân lao động toàn huyện.

2. Phát triển văn hóa giáo dục

Trong những năm từ 1966 đến 1973, do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, các trường phổ thông phải sơ tán. Song sự nghiệp giáo dục phổ thông vẫn tiếp tục phát triển. Đến 1975 toàn huyện có 32 trường phổ thông các cấp (1 trường cấp 3, 15 trường cấp 2, 16 trường cấp 1) gồm 730 lớp, 1040 giáo viên, 25.596 học sinh (đạt tỷ lệ trên 25% dân số toàn huyện).

Phổ Yên là huyện đứng thứ hai trong tỉnh về phát triển sự nghiệp giáo dục. Có được thành tích đó là do huyện đã coi trọng việc chỉ đạo giáo dục, thực hiện đúng đắn đường lối cải cách giáo dục của Đảng. Huyện ủy rất coi trọng phát triển Đảng

trong nhà trường phổ thông. Toàn huyện đã có chi bộ Đảng ở tất cả các trường phổ thông. Chi bộ giáo dục tuy mới được thành lập đã làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện trong nhà trường. 100% hiệu trưởng đều là Đảng viên "4 tốt".

Giáo viên và học sinh các cấp khắc phục mọi khó khăn ra sức thi đua "2 tốt" (dạy tốt, học tốt), xây dựng nhà trường tiên tiến, vừa hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn vừa phục vụ 3 cuộc cách mạng của địa phương (làm thủy lợi, bắt sâu, làm phân bón, dạy bổ túc văn hóa, làm vệ sinh xóm làng...).

Hàng năm, nhiều trường được công nhận là trường tiên tiến, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, nhiều giáo viên được công nhận là chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến nhiều năm liền, hàng nghìn học sinh được công nhận là cháu ngoan Bác Hồ.

Từ năm 1965 trở đi, do hoàn cảnh chiến tranh, văn nghệ quần chúng có xu hướng giảm sút, riêng khu vực trường học còn giữ được phong trào ca hát. Trường cấp 3 Phổ Yên có đội văn nghệ bán chuyên được trang bị khá chu đáo, hoạt động đều.

Phổ Yên có 2 đội chiếu bóng (106 và 434) và hệ thống sân bãi ngoài trời ở hầu hết các xã trong huyện. Ở mỗi sân bãi có "tổ bạn điện ảnh" gồm những người nhiệt tình xây dựng ngành ở địa

phương, vận động người đi xem phim và làm theo phim ảnh.

Đội chiếu bóng 106 đã được công nhận là tổ lao động xã hội chủ nghĩa đầu tiên của ngành điện ảnh Bắc Thái.

Hàng năm, 2 đội chiếu bóng của huyện đã phục vụ được từ 8 đến 12 ngàn lượt người một năm, kể cả những khó khăn do chiến tranh phá hoại, phải hoạt động phân tán nhỏ lẻ tạm ở thôn xóm. Ngoài ra, nhân dân còn được xem chiếu bóng của quân đội, của Liên hiệp công đoàn tỉnh.

Năm 1966, việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa được triển khai rộng khắp các phong trào "3 sẵn sàng", "3 đảm đang", "3 điểm cao", "3 quyết tâm", "2 giỏi", "3 mục tiêu", "Nghìn việc tốt"... của các đoàn thể quần chúng.

Từ năm 1973, để đưa cuộc vận động vào chiều sâu, Ban bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 214, Bộ Văn hóa ban hành hàng loạt các quy chế về nếp sống mới (nếp sống nơi công cộng, quy chế về lễ tang, hôn nhân, lễ hội...) và 4 tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới. Huyện ủy đã chỉ đạo xã Đông Cao về thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới để rút kinh nghiệm mở rộng ra toàn huyện.

Để chỉ đạo cuộc vận động nếp sống mới, ủy ban

nếp sống mới các cấp được thành lập đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ủy ban hành chính các cấp.

II. XÂY DỰNG CUNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ ĐOÀN THỂ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quan trọng thường xuyên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Thấm nhuần chân lý đó, Huyện Đảng bộ đã thực sự coi trọng công tác xây dựng đảng vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong công tác tư tưởng của Huyện Đảng bộ, Huyện ủy đặc biệt coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, lý luận Mác - Lênin. Đồng thời coi trọng các mặt giáo dục tính chiến đấu, xây dựng, để không ngừng nâng cao sức mạnh của Đảng bộ.

Về giáo dục chính trị tư tưởng:

Thực hiện chủ trương của Đảng, qua mỗi bước phát triển của cách mạng, cán bộ đảng viên đều được bồi dưỡng chính trị.

Qua đó, cán bộ đảng viên đều đã trưởng thành thêm một bước về lập trường giai cấp, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cán bộ, đảng viên đều được học tập về đường lối chống Mỹ cứu nước, tinh thần Nghị quyết 15 và 21 của Trung ương. Ngoài hình thức mở lớp ngắn ngày, hình thức giáo dục chủ yếu của giai đoạn này là sinh hoạt chính trị, kết hợp học tập với xây dựng và thực hiện chương trình hành động cách mạng qua từng Nghị quyết chuyên đề của Trung ương với nhiều tư tưởng chủ đề như: "Vi độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"...

Qua học tập, cán bộ đảng viên đã nâng cao được ý thức tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng được ý chí quyết tâm đánh bại giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Tháng 9-1969 Bác Hồ đi xa. Tỉnh ủy đã phát động phong trào học tập và làm theo *Di chúc* của Bác. Qua đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc này, ai nấy được nâng cao thêm về phẩm chất đạo đức, về quan điểm phục vụ quần chúng, về sự giữ gìn khối đoàn kết của Đảng.

Ngoài việc học tập đường lối, chính sách của Đảng, mọi người còn được thông báo thường xuyên thời sự quốc tế, trong nước, trong tỉnh, nhất là tin chiến thắng ở chiến trường miền Nam, Lào và Cam-pu-chia.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin mặc dù còn có những mặt hạn chế, song hầu hết các Bí thư và Chủ tịch huyện, các Huyện Ủy viên phụ trách ngành đều qua các trường Nguyễn Ái Quốc. Một bộ phận khá lớn cán bộ huyện và cán bộ chủ chốt xã được học chương trình sơ cấp ở trường Đảng tỉnh (từ 1973, trường Đảng huyện mới được thành lập. Mặc dù còn non trẻ, vừa thiếu vừa yếu, trường đã luân phiên mở lớp ngắn ngày tại xã cho cán bộ và đảng viên cơ sở). Được sự phân cấp của Đảng, các ngành đều quan tâm đến bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho cán bộ của ngành mình.

Đảng bộ huyện Phổ Yên luôn luôn bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, phục vụ đắc lực cho những nhiệm vụ chủ yếu, nâng cao một bước trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên trong huyện. Thông qua đó, đã xây dựng được tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân.

- Xây dựng Đảng:

Năm 1970, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 195 về nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Ở Phổ Yên có 5 trong số 16 đảng bộ xã kết nạp được 13 người. Khối cơ quan, chi bộ thương nghiệp kết nạp được 1 người. Trong 14 đảng viên kết nạp lớp Hồ Chí Minh có 3 nam, 11 nữ. Tuy nhiên, một số không đủ tư cách nên cuối năm 1970 Khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy phúc tra đã xóa tên 3 người trong danh sách đảng viên mới.

Việc kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh ở Phổ Yên đặt ra trong hoàn cảnh thực tế từ sau đợt kết nạp đầu tiên này toàn huyện không kết nạp được thêm nữa. Cấp trên thiếu kiểm tra đôn đốc, cơ sở có tư tưởng sợ trách nhiệm, do đó việc phát triển đảng viên mới từ 1970 đến 1975 bị chững lại. Có Đảng bộ, chi bộ 2, 3 năm liền không phát triển được một đảng viên nào, Huyện ủy lại chủ trương hạn chế các chi bộ yếu kém không được phát triển đảng viên mới. Hậu quả là tuổi đảng trong các chi bộ, nhất là chi bộ nông thôn ngày càng cao, tư tưởng trung bình chủ nghĩa ngày càng nặng.

Về tổ chức cơ sở Đảng, tính đến năm 1969 toàn huyện Phổ Yên có 16 đảng bộ xã (100% số xã), 16 chi bộ giáo dục (100% số trường phổ thông huyện, xã) 26 chi bộ cơ quan (trong đó có 2 chi bộ giáo dục và một số chi bộ ghép).

Ở xã, chi bộ được tổ chức theo hợp tác xã quy

mô thôn, mỗi đội sản xuất cơ bản có một tổ Đảng, tổng số đảng viên toàn huyện là 1729 số đảng viên, (nông thôn là 1411, là cán bộ thoát ly là 318).

Cuối năm 1975, số đảng bộ xã còn 15 do sát nhập 2 xã Tiên Phong - Đại Xuân thành xã Tiên Phong, số chi bộ giáo dục là 15 thuộc Đảng bộ các xã. Trừ đảng bộ Tân Hương do hợp tác xã quy mô toàn xã, sau khi tổ chức lại sản xuất theo chỉ thị 208 của Trung ương đã tổ chức chi bộ đến tận đội sản xuất. Các xã khác, chi bộ vẫn tổ chức theo quy mô thôn như cũ.

Ở khu vực cơ quan vẫn còn chi bộ ghép như chi bộ Giao thông - Thủy lợi, chi bộ Tòa án - Kiểm sát... thêm một hình thức ghép giữa cơ quan huyện với các cơ sở kinh tế của tỉnh như chi bộ Ủy ban nhân dân huyện có tổ Đảng ở trại chăn nuôi lợn Đắc Sơn của Ty Nông nghiệp tỉnh...

Tổng số tổ chức cơ sở Đảng của huyện đến 1975 có:

Đảng bộ xã : 15

Chi bộ nông thôn : 50

Chi bộ giáo dục : 17

Chi bộ cơ quan : 31

Tổng số đảng viên: 2306, số đảng viên nông thôn

là 1865 (có cả đảng viên chi bộ giáo dục xã, số đảng viên khối cơ quan là 441¹).

Theo tinh thần Nghị quyết 136 của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ, đảng viên "4 tốt" (sản xuất, làm nghĩa vụ, bảo đảm đời sống nhân dân, xây dựng Đảng), Huyện ủy đã triển khai cuộc vận động nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng từ 1970 đến 1975. Đối với chi bộ nông thôn, gắn cuộc vận động "4 tốt" với việc hoàn thành phong trào hợp tác xã, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, với việc hoàn thành mọi mặt nghĩa vụ đối với Nhà nước. những nhiệm vụ này được Huyện ủy đặt là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên của Huyện Đảng bộ.

Đối với các chi bộ cơ quan (trừ các chi bộ thuộc khối ủy ban hành chính và dân đảng) Huyện ủy quản lý về công tác Đảng gắn việc thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm với việc vận động "3 xây, 3 chống", thực hiện Nghị quyết 208 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý chống lầy cấp tài sản xã hội chủ nghĩa. Đối với chi bộ giáo dục gắn

1. Sau năm 1976, Tỉnh ủy phân cấp quản lý tổ chức Đảng theo lãnh thổ, toàn huyện có 24 đảng bộ 2 cấp trong đó có 16 đảng bộ xã, có 396 chi bộ và 3267 đảng viên. Số chi bộ tăng nhanh vì nhiều hợp tác xã quy mô xã, tổ chức chi bộ như: Đảng bộ xã Tân Hương.

với cuộc thi đua "2 tốt" (dạy và học) của nhà trường. Về biện pháp thực hiện, ngoài việc tổ chức học tập các chủ trương chính trị, các tổ chức cơ sở đảng đều chỉnh đốn lại sinh hoạt đảng thường kỳ, phân công tác rõ ràng cho đảng viên. Ở nông thôn thực hiện phân công "3 định" phê bình và tự phê bình 6 tháng 1 lần kết hợp với bình xét phân loại đảng viên, bình xét chi bộ 4 tốt trong buổi trình xét này thường tổ chức "báo công cũ, lập công mới".

Cuộc vận động "4 tốt" được chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và đã đem nhiều hiệu quả rõ rệt. Hầu hết chi bộ "4 tốt" đều phát huy vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở đơn vị cơ quan, trường học và Hợp tác xã. Chi bộ "4 tốt" ở nông thôn đã góp phần quyết định ổn định Hợp tác xã nông nghiệp, phát triển sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm đời sống nhân dân. Đảng viên "4 tốt" và khá tinh thần trách nhiệm được nâng lên, gương mẫu, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, đoàn kết tốt trong nội bộ tổ đảng và chi bộ. Cũng do kết quả này mọi mặt hoạt động của huyện đã duy trì và phát triển được trong những năm có chiến tranh phá hoại của Mỹ trên địa bàn huyện.

Tuy vậy, số đảng bộ xã, chi bộ đạt loại trung bình còn nhiều, còn có đảng bộ xã, chi bộ (cả khối

nông thôn, giáo dục, cơ quan) ở mức kém. Số đảng viên "4 tốt" mới có 1060 (43% trong tổng số đảng viên) trong đó, nông thôn: 832, cơ quan trường học: 228. Chất lượng "4 tốt" chưa đều, chưa vững. Một số cán bộ ở chi bộ khối kinh tế, quản lý nhiều vật tư, tiền hàng còn phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Chi bộ vật tư nông nghiệp huyện, là chi bộ có số lượng đảng viên phải xem xét và kỷ luật trong việc thực hiện Chỉ thị 192 cao nhất. Ở khu vực nông thôn tư tưởng hữu khuynh, tránh né, ngại va chạm, tư tưởng thành tích, che giấu sự thật đã làm cho cuộc bình xét "4 tốt" có phần kém tác dụng.

Trước tình hình đó, Huyện ủy phát động tiếp cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết 23 của Trung ương chuyên đề về xây dựng Đảng. Song, Huyện ủy đã đề ra nhiều mục tiêu, chỉ tiêu quá cao mà về sau không thực hiện được: đến cuối 1975, khu vực cơ quan phải đạt 100% trong sạch vững mạnh, khu vực nông thôn phải đạt 70% trong sạch vững mạnh theo "5 giỏi" (lao động sản xuất, chấp hành chính sách, xây dựng lực lượng dân quân, học tập, công tác quần chúng). Số còn lại là trung bình, không còn yếu kém. Thực ra đến 1975 phong trào Hợp tác xã có xu hướng giảm chân tại chỗ, sản xuất nông

nghiệp chững lại, có tư tưởng nghỉ xả hơi, sau chiến thắng 1975, do vậy khi đặt ra mục tiêu như trên là chưa sát với thực tế.

- *Công tác cán bộ:*

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, đội ngũ cán bộ của huyện ngày càng phát triển nhanh chóng về số lượng và sự đòi hỏi ngày càng tăng về chất lượng, nhất là cán bộ quản lý kinh tế.

Trong cơ chế, cán bộ được cấp trên đảm nhiệm các khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng... huyện chỉ được phân cấp sử dụng, riêng khâu quản lý cán bộ được tỉnh phân cấp cán bộ từ cán sự 3, phó trưởng phòng, cán bộ khoa học kỹ thuật từ trung cấp trở xuống. Cán bộ dân cử từ huyện xuống xã, huyện có phần chủ động trong khâu đào tạo và sử dụng, các khâu khác vẫn thuộc quyền quản lý của cấp trên.

- *Đội ngũ cán bộ cấp huyện:* Từ năm 1958 đến 1965, các ngành chuyên môn, kinh tế, văn hoá tỉnh đều có chân dết xuống huyện. Cán bộ lãnh đạo và quản lý ngành phần lớn được đề bạt từ cơ sở. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ này có phẩm chất chính trị tốt, được rèn luyện và thử thách qua chiến đấu và xây dựng, trung thành với Đảng, với chế độ. Có ý thức chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn. Hầu

hết có tinh thần trách nhiệm tốt, lẫn lộn trong phong trào quần chúng..

Tuy nhiên, đội ngũ này phần lớn tuổi đời cao, trình độ mọi mặt còn yếu tuy từng bước có được bồi dưỡng, làm việc theo kinh nghiệm và tác phong thủ công nghiệp. Tuy vậy, hầu hết đã qua lãnh đạo ở cơ sở nên họ sớm nắm bắt được nghiệp vụ. Một số đã trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý tốt. Từ năm 1965, đội ngũ cán bộ cấp huyện được bổ sung lớp cán bộ trẻ đã qua đào tạo, trừ ngành giáo dục và ngân hàng có một số có trình độ đại học, còn lại từ cán bộ trung cấp trở xuống. Bệnh viện huyện cũng chỉ có 1 bác sĩ nhi khoa. Trong mỗi cơ quan đều có 2 thế hệ cán bộ đoàn kết và bổ sung cho nhau làm tròn chức năng, nhiệm vụ được giao phó. Tuy nhiên, cán bộ quản lý kinh tế năng lực còn yếu đã hạn chế nhiều đến hiệu suất kinh doanh và phục vụ.

- *Đội ngũ cán bộ xã*: Đặc điểm chung của đội ngũ cán bộ này là thường không ổn định sau mỗi lần bầu cử, chỉ còn một số ít cán bộ kháng chiến chống Pháp, còn một vài cán bộ chủ chốt được đề bạt từ cải cách ruộng đất năm 1954, hầu hết cán bộ được đề bạt từ lớp đảng viên 6-1 (từ 1960).

Số cán bộ này tinh thần trách nhiệm tốt. Đồng

chí Bí thư đảng uỷ xã Đông Cao là cốt cán cải cách ruộng đất, được bầu là Bí thư Đảng uỷ nhiều khoá liền cho đến năm 1975 được nghỉ hưu.

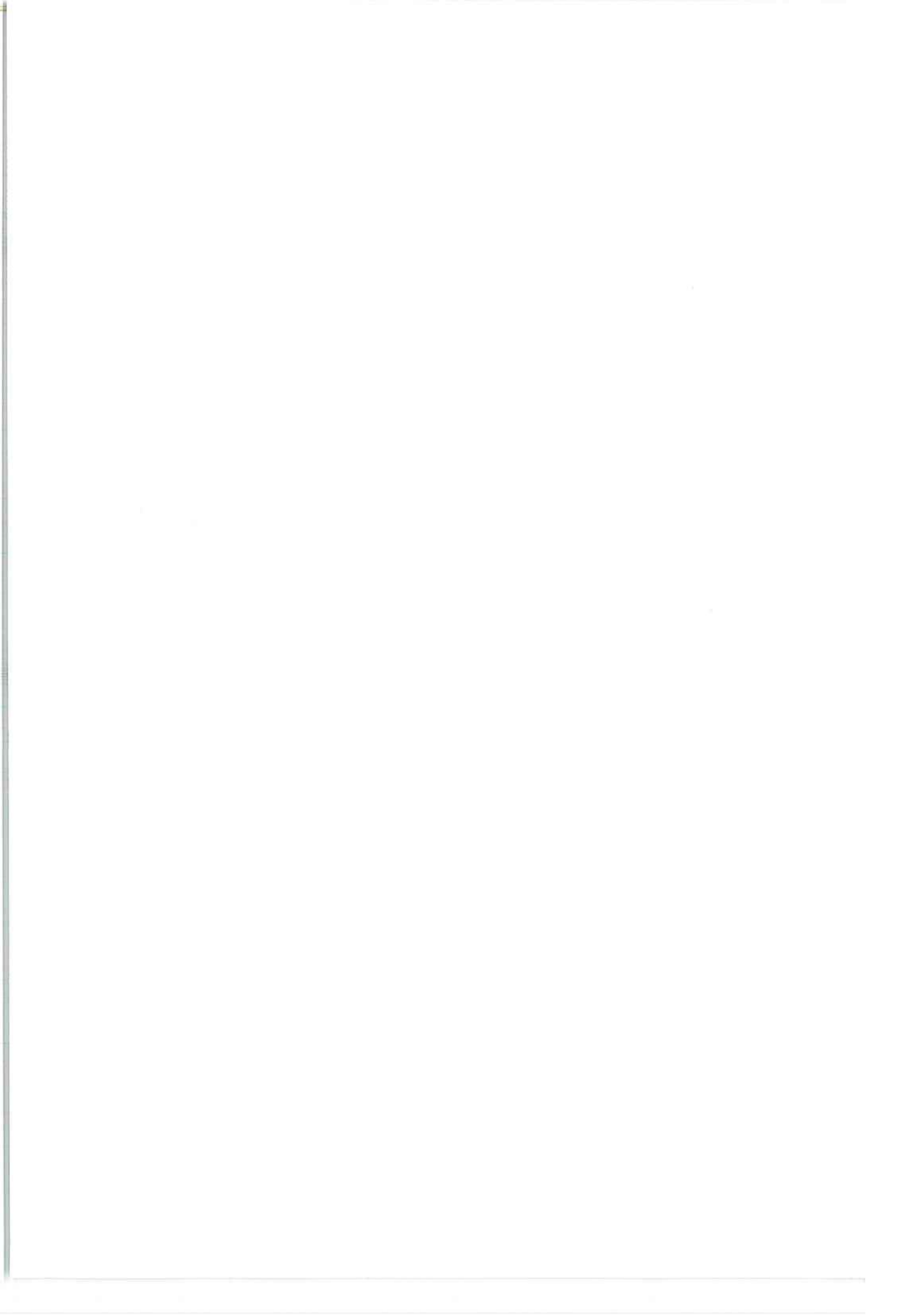
Đồng chí Bí thư đảng uỷ Tân Hương rất năng nổ, có đầu óc sáng tạo dám nghĩ, dám làm đóng góp đắc lực đưa hợp tác xã Tân Hương từ quy mô thôn lên quy mô xã và là hợp tác xã tiên tiến nhiều năm liền.

Nhiều đồng chí chủ chốt các xã Trung Thành, Thắng Lợi, Đồng Tiến, Tiên Phong, Thành Công, Vạn Phái, Minh Đức... đã tận tụy vượt mọi gian khổ, tích cực tham gia công tác mặc dù chế độ đãi ngộ của Nhà nước còn chưa thỏa đáng.

Cán bộ quản lý hợp tác xã hầu hết chưa qua đào tạo nghiệp vụ, họ là những xã viên nhiệt tình với hợp tác xã được xã viên tín nhiệm bầu ra. Một số lớn đã cao tuổi, quá trình công tác, số cán bộ này đã phân hóa thành hai loại: một bộ phận toàn tâm, toàn ý xây dựng hợp tác xã, tôn trọng quần chúng, không lợi dụng chức quyền tham ô lãng phí của tập thể, được xã viên bầu lại nhiều lần. Số cán bộ này đã cùng tập thể xã viên xây dựng hợp tác xã trở thành hợp tác xã tiên tiến hoặc khá. Ở Tân Hương, Đông Quang Hồng, Quảng Ninh, Tiên Phong, Phù Lâm, Thuận Đức, Tứ Thịnh, Nam Đô,



Thủ tướng Phan Văn Khải thăm và làm việc tại huyện
Phổ Yên



Đắc Thắng... một số chủ nhiệm đã được huyện đề bạt lên các phòng, ban của huyện.

Một bộ phận còn lại rất lúng túng trong công tác quản lý hợp tác xã, nghiệp vụ yếu, có người tham ô gây thiệt hại cho hợp tác xã. Cán bộ nghiệp vụ hợp tác xã, một số ít được đào tạo về kế toán. Từ năm 1970 trở đi, Tỉnh ủy chủ trương chức danh kế toán trưởng hợp tác xã đương nhiên là cán bộ quản lý hợp tác xã, song, số cán bộ này cũng không đáp ứng được yêu cầu quản lý tài vụ, tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp vốn đã vô cùng phức tạp và khó khăn.

Trước năm 1965, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của hợp tác xã hầu như không có. Một số cán bộ trung cấp kỹ thuật thực hành của hợp tác xã được tỉnh đào tạo đa phần là nữ. Tuy nhiên, năm 1970 tỉnh tăng cường cho huyện một tổ kỹ thuật gồm các kỹ sư thực tập 3 người. Sau năm 1973, số kỹ sư này rút đi, các hợp tác xã trong huyện "bị trắng" cán bộ kỹ thuật nông nghiệp.

- Công tác cán bộ nữ:

Chấp hành nghiêm túc Nghị quyết 152, 153 về công tác cán bộ nữ của Bộ Chính trị, ở Phổ Yên đến hết năm 1967, Huyện ủy khóa nào cũng có từ 1 đến 2 huyện ủy viên nữ, một số khóa có nữ ủy

viên thường vụ. Ủy ban hành chính huyện thường có 2 ủy viên nữ, nhiều khóa có nữ Phó Chủ tịch, các thủ trưởng, thủ phó ngành có 30% nữ. Trong biên chế Nhà nước, 30% là công nhân viên nữ, nhiều nhất ở ngành giáo dục, thương nghiệp, y tế, ngân hàng, bưu điện. Hội đồng nhân dân huyện nhiều khóa có 1/3 là đại biểu nữ.

Trong cấp ủy xã, các khóa đều có 1 nữ đảng ủy viên, chi bộ hợp tác xã thường có 1 ủy viên nữ trong cấp ủy. Có khóa có 1 bí thư đảng ủy nữ (Đắc Sơn). Trong ủy ban hành chính xã thường có từ 1 đến 2 nữ ủy viên. Một số xã nhiều khóa ủy ban hành chính xã có nữ Phó Chủ tịch, trong đó có xã có nữ chủ tịch (Hợp Thành, Đắc Sơn). Hội đồng nhân dân xã tính chung lại có 30% là nữ, trong ban chỉ huy xã đội có 1 nữ xã đội trưởng (Trung Thành).

Ở hợp tác xã, số cán bộ nữ quản trị rất ít, thường chỉ ở đội sản xuất. Nhìn chung, cán bộ tuổi đều đã cao, sức khỏe yếu, vừa phải quản lý gia đình, vừa tham gia công tác xã hội, song chị em đều tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Một bộ phận là vợ bộ đội, vừa nuôi dạy con cái trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ, giữ trọn hạnh phúc gia đình. Hầu hết chị em này được kết nạp vào Đảng.

Tuy vậy, công tác cán bộ nữ có nhiều khó khăn: Số cán bộ nữ ở cơ sở kế cận quá ít và bấp bênh do biến động lao động, đa số chị em chỉ có trình độ chưa hết cấp một, số cán bộ nữ hiện có tuổi đã cao.

- Công tác cán bộ dân tộc:

Đồng bào dân tộc chỉ ở mức dưới 5% tổng số dân số toàn huyện, lại tập trung chủ yếu ở 3 xã Phúc Thuận, Thành Công, Minh Đức, song Huyện ủy rất quan tâm đào tạo cán bộ người dân tộc.

Ở huyện, nhiều khóa Huyện ủy cũng có 1 cấp ủy viên, Ủy ban hành chính huyện mỗi khóa có 1 ủy viên, năm 1970, có 1 chủ tịch là người dân tộc. Trong cán bộ chủ chốt ngành, thường có từ 1 đến 2 cán bộ dân tộc.

Ở xã, khóa đảng ủy, ủy ban hành chính xã nào cũng có 1 đến 2 cán bộ dân tộc, nhiều khóa ở 2 xã Minh Đức, Phúc Thuận có Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính là cán bộ dân tộc.

Ở các hợp tác xã thuần dân tộc, toàn cán bộ cấp ủy, ban quản lý hợp tác xã đều là cán bộ dân tộc.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ dân tộc đều tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, mặc dù còn bị hạn chế nhiều mặt, nhất là tư tưởng ngại thoát ly gia đình.

- Công tác tổ chức bộ máy của Đảng bộ:

Trong hoàn cảnh hòa bình và cả trong thời gian vừa xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ Phổ Yên vẫn đảm bảo tiến hành đại hội đảng bộ các cấp trong huyện thường kỳ đều đặn.

Qua mỗi kỳ Đại hội đã hoàn chỉnh dần phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đã kiện toàn cấp ủy các cấp đáp ứng kịp thời sự lãnh đạo của đảng bộ trước mỗi bước phát triển của cách mạng.

Trong quá trình phát triển, cấp ủy huyện được tăng cường về số lượng và chất lượng. Từ 1963 - 1967, Ban Chấp hành huyện ủy có từ 15 đến 19 người, Ban Thường vụ có 5 người. Từ 1967 trở đi Ban Chấp hành Huyện ủy có từ 21 đến 25 người, ban thường vụ có 7 người trong đó có 1 nữ. Sau năm 1975 có khóa Ban Chấp hành Huyện ủy trên 30 ủy viên, trong đó có 11 Ủy viên Thường vụ.

Nhìn chung cấp ủy các khóa đều tiêu biểu cho sự đoàn kết thống nhất trong đảng bộ, tập trung được trí tuệ, sức lực, tài năng của đảng bộ, hoàn thành nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức trên giao.

- Về kiện toàn cấp ủy cơ sở:

Các tổ chức cơ sở Đảng đều tiến hành đại hội thường kỳ theo Điều lệ Đảng quy định.

Trong việc kiện toàn cấp ủy thường gặp khó khăn chung là nguồn cán bộ có hạn, chọn cử cấp ủy viên rất khó khăn. Từ sau năm 1970, việc chọn lựa cấp ủy xã, chi ủy chi bộ hợp tác xã cũng trong trường hợp tương tự.

Các Ban chuyên môn của Đảng đều được kiện toàn, theo hướng ổn định, chuyên môn hóa. Các Ban xây dựng Đảng (Tuyên giáo, Tổ chức và Kiểm tra) biên chế có hạn, trình độ nghiệp vụ chậm được nâng cao, song hầu hết đã làm tròn chức năng tham mưu cho Huyện ủy.

Để tăng cường sức mạnh của tập thể Ban Chấp hành, khắc phục những tồn tại, thiếu sót, (từ 1969, Huyện ủy phấn đấu "4 tốt", thi đua với Huyện ủy Đại Từ, điểm chỉ đạo của tỉnh).

Trong cuộc phấn đấu này, Huyện ủy đã tập trung thực hiện có kết quả cụ thể những biện pháp chủ yếu như: Phân rõ ranh giới trách nhiệm giữa cấp ủy Đảng với chính quyền, phân công cấp ủy viên tay nắm ngành, tay nắm xã, thường vụ phụ trách miền, thực hiện nắm hai đầu yếu, mạnh, xác định điểm chỉ đạo toàn diện và từng mặt tăng cường

bám cơ sở, mở hội nghị đầu bờ bổ khuyết tại chỗ trong từng vụ sản xuất, giữ vững chế độ làm việc tập thể.

Việc cải tiến lề lối làm việc, Huyện ủy đã thúc đẩy việc cải tiến lề lối làm việc của các ngành và các xã. Tuy vậy, ở xã chuyển biến chậm do trình độ cấp ủy xã đã hạn chế lại dồn việc cho Bí thư và Chủ tịch xã, nên nhiều việc bị kéo dài, nếu thiếu kiên quyết kiểm tra đôn đốc hoặc khi có công tác đột xuất mới dễ bị bỏ qua. Đó là nguyên nhân làm cho cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 của Ban Bí thư được triển khai từ năm 1973 và kéo dài đến 1975 mới kết thúc.

- Công tác kiểm tra kỷ luật và bảo vệ Đảng:

Công tác kiểm tra của Đảng đã góp phần đắc lực trong công tác xây dựng Đảng bộ. Ngoài việc kiểm tra thường xuyên, công tác kiểm tra của Huyện ủy đã tập trung vào một số đợt chính như sau:

Năm 1964, Hợp tác xã nông nghiệp bị khủng hoảng, nhiều gia đình xin ra hợp tác xã, một số hợp tác xã đã bị tan vỡ. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã kiểm tra Đảng viên nông thôn, xem xét tư cách đảng viên có gia đình còn ở ngoài hợp tác xã. Do đó, huyện đã phục hồi phong trào trong năm 1965 và đưa hợp tác xã lên quy mô thôn cấp cao.

Từ năm 1968, để bảo đảm công bằng hợp lý trong tuyển quân, Huyện ủy đã kiểm tra toàn bộ cán bộ đảng viên toàn huyện và đã đưa ra khỏi Đảng những Đảng viên có con đủ điều kiện nhưng không đi bộ đội.

Năm 1972 - 1974, Huyện ủy đã kiểm tra các cơ quan huyện về cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, kỷ luật một số cán bộ chủ chốt ngành đã vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Tỉnh ủy đã triển khai cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 và Chỉ thị 192 của Trung ương Đảng. Từ tháng 8 năm 1970 đến tháng 8 năm 1973, Tỉnh ủy đã sơ kết bước một, nhiều huyện chưa triển khai nghiêm túc cuộc vận động này. Ở Phổ Yên, đến 1973 mới thực sự triển khai cuộc vận động 195 ở tất cả các Đảng bộ, Chi bộ, (trừ Đảng bộ xã Nam Tiến, đang có khó khăn về phong trào Hợp tác xã).

Tháng 6 năm 1975, huyện đã tổng kết cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 và Nghị quyết 195 kết quả như sau:

Trong 15 Đảng bộ có 3 Đảng bộ chưa làm xong. Trong số 31 Chi bộ cơ quan mới có 6 chi bộ đã triển khai. Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo hoàn thành dứt điểm vào cuối năm 1975. Đến tháng 8 năm 1975 hầu hết các Đảng bộ, Chi bộ đều triển khai

trừ Đảng bộ xã Nam Tiến. Tỉnh ủy cử thêm cán bộ tăng cường cho huyện. Đến cuối năm 1975 đảng bộ xã Nam Tiến đã triển khai xong số Đảng viên phải xem xét về tư cách đảng viên tới 40%, Chi bộ vật tư nông nghiệp phải xem xét 8/17 đảng viên.

Nguyên nhân của những tồn tại của công tác kiểm tra Đảng là:

- Còn nặng về kiểm tra xét xử kỷ luật hơn là kiểm tra gìn giữ kỷ luật.

- Còn nể nang, tránh né, càng xuống cơ sở hiện tượng này càng nặng, do đó xét xử thiếu kịp thời, ít tác dụng ngăn ngừa.

- Do sự phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh nên xét xử kỷ luật đối với các đối tượng ngoài quyền hạn của huyện rất khó khăn.

- Công tác kiểm tra thường khoán cho ủy ban kiểm tra Đảng, chưa thực hiện được cấp ủy trực tiếp làm công tác kiểm tra Đảng.

Tháng 7 năm 1967, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị 90 về công tác bảo vệ Đảng. Đến tháng 8 năm 1969 Bắc Thái mới triển khai thực hiện.

Mục đích của cuộc vận động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ Đảng cho cán bộ, Đảng viên, đưa việc quản lý Đảng viên vào nền nếp, ngăn chặn âm mưu phá hoại Đảng của địch.

Đối tượng trọng cuộc vận động là toàn bộ Đảng viên thuộc cơ quan Nhà nước từ cấp huyện trở lên.

Mọi Đảng viên tự báo cáo ưu điểm, thành tích, thiếu sót của bản thân, phát hiện Đảng viên khác có lý lịch chưa rõ ràng, viết lại bản lý lịch Đảng viên thông qua ban chỉ đạo rồi mới viết chính thức vào bản mẫu thống nhất.

Các cấp ủy Đảng đều tổng kết công tác phát triển Đảng, sử dụng quản lý lý lịch Đảng viên và đề ra phương hướng bổ khuyết đưa công tác phát triển Đảng và quản lý hồ sơ Đảng viên vào nề nếp.

Cuộc vận động này kéo dài hai năm 1969 - 1970. Phổ Yên không có trường hợp nào Đảng viên phạm tiêu chuẩn chính trị phải đưa ra khỏi Đảng.

Tuy nhiên, việc quản lý hồ sơ Đảng viên chưa đạt yêu cầu mong muốn do cấp ủy Đảng cơ sở, nhất là ở Đảng bộ xã vừa không có chuyên trách, không có điều kiện quản lý, lưu trữ tốt lý lịch Đảng viên. Việc bổ sung lý lịch hàng năm không thực hiện được.

Tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền huyện và cơ sở.

Cấp huyện từ sau năm 1960 mới thành cấp chính quyền hoàn chỉnh, có Hội đồng nhân dân huyện, Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân huyện. Từ 1971,

cấp huyện từ cấp hành chính chuyển dần sang cấp hành chính - kinh tế, huyện là đơn vị hành chính chuyển dần sang đơn vị kinh tế Nông lâm công nghiệp.

Ở cấp cơ sở, xã là cấp hành chính hoàn chỉnh, có ngân sách xã, huyện có 4 khu tập trung đông nhất: Ba Hàng, nông trường Bắc Sơn (Phúc Thuận) Bãi Bông (Hồng Tiến) và Mỏ Chè (Thắng Lợi), trong đó Ba Hàng là thị trấn huyện lỵ được thành lập từ năm 1972. Mỗi thị trấn có một ban cán sự do ủy ban hành chính huyện bổ nhiệm, thị trấn còn trực thuộc xã sở tại. Sau năm 1973, 3 khu tập trung đông dân còn lại được Nhà nước chính thức cho phép thành lập thị trấn, trở thành cấp hành chính trực thuộc huyện.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền huyện và cơ sở, trong phạm vi quyền hạn được tỉnh phân cấp, huyện tập trung thực hiện tốt những việc chính sau đây:

+ Tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp

Huyện đã tổ chức nghiêm túc tất cả các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp đúng luật định, tất cả các cuộc bầu cử đều đảm bảo đúng tiêu chuẩn, cơ cấu và hầu hết chỉ bầu 1 vòng.

Tuy nhiên, Hội đồng nhân dân chưa thật sự phát

huy được tác dụng là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương, nguyên nhân là do cơ chế và quy chế, nhưng chủ yếu là do trình độ của đại biểu Hội đồng nhân dân còn thấp.

+ Kiện toàn ủy ban hành chính 2 cấp

Để kiện toàn ủy ban hành chính huyện, Huyện ủy đã cử các ủy viên thường vụ Huyện ủy đảm nhận các chức danh ủy ban hành chính huyện. Từ 1969, Huyện ủy đã phân rõ ranh giới Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý trong những chủ trương công tác lớn của huyện, khắc phục dần dần tình trạng chung chung công tác quản lý Nhà nước của chính quyền. Đồng thời Huyện ủy tăng cường kiểm tra đôn đốc chính quyền thực hiện các công tác trung tâm thường xuyên và đột xuất của huyện thông qua chế độ hội ý, hội báo sinh hoạt thường vụ và chế độ chính quyền báo cáo định kỳ hàng tháng với cấp ủy.

Nhìn chung, Ủy ban hành chính huyện đều hoàn thành trách nhiệm được giao. Mọi thành viên ủy ban hành chính huyện mặc dù trình độ có hạn, song ai nấy đều tận tụy, gương mẫu, đi sâu đi sát cơ sở trong khi phải kiêm nhiệm nhiều việc.

Ở cấp cơ sở, do ngân sách xã có hạn, trình độ

cán bộ xã còn yếu, làm việc theo chế độ bán chuyên trách, mọi việc của Ủy ban hành chính tập trung nhiều nhất vào Chủ tịch, hầu hết là các đồng chí Thường vụ đảng ủy.

Cán bộ ủy ban hành chính xã có tinh thần trách nhiệm tốt. Nhiều thành viên được bầu lại nhiều lần. Có đồng chí làm việc tới 20 năm liên tục, hoàn thành tốt chức trách của mình. Một số được đề bạt làm trưởng, phó phòng, ban của huyện.

+ Kiện toàn các phòng ban

Các ban, phòng của huyện đã làm tham mưu, nhất là chỉ đạo tác chiến giúp Ủy ban hành chính huyện một cách có hiệu quả. Hầu hết các phòng, ban đều được tỉnh biểu dương khen thưởng phân công tác được phân công đảm nhiệm.

Tuy nhiên, bộ máy còn cồng kềnh, hiệu suất công tác thấp. Nguyên nhân chính là chức năng nhiệm vụ của tổ chức chưa được quy định rõ ràng, quy chế công chức tuy có được đặt ra song không được thực hiện nghiêm túc. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, công nhân viên thuộc khối ủy ban hành chính huyện đều đề bạt từ dưới xã lên, văn hóa thấp, chưa qua đào tạo nghiệp vụ.

Các ban chuyên môn ở xã nói chung còn yếu.

Tình trạng kiêm nhiệm khá phổ biến. Nhiều ban chỉ có tên, không ổn định, hiệu suất công tác chưa rõ rệt.

Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân huyện thường xuyên được kiện toàn qua mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân huyện. Huyện tôn trọng quyền độc lập trong xét xử của Tòa án.

Công an huyện được kiện toàn thường xuyên, Trưởng công an huyện là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy. Công an huyện phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị của huyện, giữ gìn an ninh, trật tự địa phương. Công an xã còn yếu, luôn thay đổi qua mỗi kỳ bầu cử ủy ban hành chính và chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ. Công an ở 3 xã miền núi lại càng yếu hơn trong khi ở đây lại là vùng xung yếu của huyện. Do đó, công an xã chưa giúp ủy ban hành chính xã ngăn chặn kịp thời tệ nạn xã hội phát sinh và phát triển ở địa phương.

Việc giáo dục pháp chế xã hội chủ nghĩa tuy có làm song không thường xuyên. Nhân dân nhiều khi chưa hiểu rõ Luật pháp. Nhiều đơn thư khiếu tố của nhân dân chưa giải quyết kịp thời. Tình trạng "Phép vua thua lệ làng" còn khá phổ biến. Có cán bộ, đảng viên chưa thực sự gương mẫu chấp hành pháp luật. Trong việc thi hành Luật nghĩa vụ quân

sự còn có hiện tượng Đảng viên chấp hành thiếu nghiêm túc, Luật hôn nhân và gia đình đã ban hành song tẻ tảo hôn, lấy vợ lẽ, ngược đãi phụ nữ và trẻ em vẫn còn xảy ra.

Tăng cường công tác dân vận của Đảng bộ:

Nhận thức rõ sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng nên Huyện uỷ rất quan tâm tới công tác đoàn thể.

- Công tác công đoàn:

Các tổ chức công đoàn ở huyện đã vận động phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, chăm lo đến tổ chức đời sống của đoàn viên. Nhiều công đoàn được công nhận tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Nhiều đoàn viên được tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến.

- Công tác Đoàn thanh niên:

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là lực lượng xung kích của cách mạng, là trường học cộng sản của thanh niên, là lực lượng hậu bị của Đảng.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã làm tròn vai trò xung kích là trường học cộng sản chủ nghĩa cho toàn đoàn viên, thanh niên, nổi lên là phong trào "3 sẵn sàng" trong sự nghiệp chống Mỹ

cứu nước, từ sau 30-4-1975 là phong trào "3 xung kích" làm chủ tập thể.

Đoàn được giao nhiệm vụ giúp đỡ, dìu dắt đội thiếu nhi. Đoàn các trường phổ thông làm công tác này có khá hơn các đoàn xã. Hàng năm, Ủy ban thiếu niên - Nhi đồng, trong đó đoàn thanh niên làm nòng cốt đã phát động, nuôi dưỡng phát triển phong trào "Nghìn việc tốt" trong thiếu nhi, lựa chọn được nhiều cháu ngoan Bác Hồ, mở đại hội cháu ngoan Bác Hồ thường kỳ hàng năm từ cơ sở lên tỉnh;

- *Hội Phụ nữ huyện:*

Từ trước tới nay, phụ nữ vẫn là lực lượng lao động chủ yếu trong hợp tác xã nông nghiệp và trong một số ngành như giáo dục, thương nghiệp, y tế, ngân hàng và bưu điện.

Huyện ủy thường xuyên quan tâm công tác vận động phụ nữ, đã triển khai Nghị quyết 152, 153 của Bộ Chính trị về công tác vận động phụ nữ, trọng tâm là công tác cán bộ nữ.

Hội phụ nữ huyện đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và 3 cuộc cách mạng ở địa phương. Hội đã động viên phụ nữ hăng hái tham gia phong trào "3 đảm đang", phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã

hội chủ nghĩa", phong trào giải "tay cày, hay tay súng", và phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới, phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Thông qua phong trào hành động cách mạng, tổ chức hội đã phát triển về số lượng và chất lượng, từ chỗ tổ chức hội ban đầu chỉ bao gồm nữ nông dân, sau đã kết nạp phụ nữ trí thức, phụ nữ tiểu thương và lao động khác. Hội đã được Huyện ủy tặng cờ thưởng 8 năm liền về thành tích "3 đảm đang".

- Hội nông dân Việt Nam:

Năm 1971, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 209 về tổ chức Đại hội nông dân tập thể lần thứ nhất trong toàn quốc. Song chiến tranh phá hoại đợt 2 của Mỹ nổ ra, việc tổ chức Đại hội bị hoãn lại. Nhìn chung, vai trò của Hội chưa được phát huy tác dụng. Ở huyện và xã, tổ chức Hội có tính chất tượng trưng, chỉ từ sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Hội mới thực sự phát huy tác dụng.

- Hội Phụ lão trong huyện:

Huyện ủy luôn quan tâm củng cố tổ chức Hội, thông qua tổ chức Hội thúc đẩy mọi nhiệm vụ của địa phương.

Trong kháng chiến, các cụ vừa động viên con

cháu giết giặc cứu nước, vừa động viên gia đình gương mẫu làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước, động viên nhân dân thực hiện chính sách thương binh liệt sỹ, xây dựng nghĩa trang, đài liệt sỹ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, các cụ tích cực vận động phong trào thanh toán nạn mù chữ, phong trào vệ sinh yêu nước... trong xây dựng Hợp tác xã, nhiều cụ tham gia phong trào trồng cây gây rừng, phong trào làm đường giao thông và thủy lợi trong nông thôn... Cụ Nguyễn Văn Đức, một đảng viên lão thành ở xã Trung Thành đã được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua và Huân chương lao động hạng Ba của Nhà nước về phong trào trồng cây.

III- GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA GIẶC MỸ, CHI VIÊN CHO TIỀN TUYẾN LỚN ANH HÙNG

1. Giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương

Cũng như các địa phương khác trên miền Bắc, nhân dân Phổ Yên tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện thời chiến. Chính vì vậy, Huyện thường xuyên giáo dục cho nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, thủ đoạn thâm độc của chủ

ngĩa đế quốc và bọn tay sai phản động. Khi Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, tỉnh và huyện đã vận động nhân dân kịp thời đập tan luận điệu phản động của các phần tử xấu, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Công tác bảo vệ nội bộ Đảng, bảo vệ các cơ quan Nhà nước được tăng cường. Ban bảo vệ các cấp được thành lập. Nội quy bảo vệ được nghiêm chỉnh thực hiện. Tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng được bảo đảm an toàn. Đặc biệt các lãnh tụ của Đảng và Nhà nước về thăm và qua lại Phố Yên được bảo vệ chu đáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Phố Yên 3 lần: năm 1955 thăm một gia đình nông dân ở thôn Yên Ninh (thị trấn Ba Hàng), năm 1960 về thăm Thái Nguyên nghỉ chân ở đồi Vân Dương (xã Hồng Tiến), năm 1964 Bác về thăm sư đoàn 312 đang đóng quân ở Phố Yên; đồng chí Trường Chinh và đồng chí Hoàng Quốc Việt thăm huyện và xã Tiên Phong 2 lần. Từ năm 1956 đến năm 1973, đồng chí Lê Duẩn về thăm trường Đại học Ngoại giao sơ tán ở Tiên Phong nhiều lần.

- Công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa

Khi đế quốc Mỹ đánh phá miền Bắc, thực hiện Nghị quyết 11 của Trung ương, Phố Yên chẳng những phải thực hiện triệt để phòng không sơ tán

mà còn phải giúp đỡ, đón nhận các cơ sở kinh tế, văn hóa của Trung ương, Bộ Quốc phòng, quân khu Việt Bắc và của tỉnh, của cả Nhà nước được cất giấu ra khắp huyện với số lượng lớn. Từ sau khi Mỹ dùng mọi thủ đoạn phong tỏa các cảng miền Bắc, Bắc Thái là một trung tâm tiếp nhận viện trợ quốc tế qua quốc lộ 3 và 1B, 2 đường sắt Hà Nội-Thái Nguyên và Kép - Thái Nguyên.

Hàng viện trợ quốc tế được giải tỏa tạm chứa ở hầu hết các cơ quan, trường học của thành phố Thái Nguyên và Phổ Yên ngày một nhiều. Ngoài ra còn tài sản của bộ đội và công nhân Trung Quốc sang chi viện nước ta theo sự thỏa thuận của Chính phủ 2 nước đã trải ra dọc đường sắt và trong một số Hợp tác xã ở Thành Công, Hồng Tiến và Đông Cao.

Tình hình diễn biến rất phức tạp khi Mỹ đánh phá ngày càng ác liệt, mang tính hủy diệt vào tỉnh và huyện. Tuy vậy do ý thức bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa của nhân dân rất tốt, do sự nỗ lực tuần phòng, canh gác bảo vệ của lực lượng dân quân, công an địa phương và lực lượng bảo vệ của tự vệ cơ quan, xí nghiệp... Phổ Yên đã bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong dịp tổng kết 30 năm về công tác an ninh,

trật tự và an toàn xã hội (1945 - 1975) với thành tích đạt được, Phổ Yên đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Hai. Nhiều cán bộ, chiến sỹ công an cũng được khen thưởng bằng nhiều hình thức.

2. Chống chiến tranh phá hoại của Mỹ trên địa bàn huyện

Bị thất bại nặng nề ở miền Nam, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở rộng chiến tranh ra miền Bắc trong thế bị động.

Tháng 3 năm 1965, Trung ương Đảng ra Nghị quyết 11 chỉ rõ miền Bắc phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngay sau ngày hợp nhất Bắc Kạn - Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái ngày 1 tháng 7 năm 1965, Tỉnh ủy đã kịp thời triển khai Nghị quyết 11TW trong toàn tỉnh.

Đồng thời, tỉnh đã chủ trương phân sơ tán phòng không trong tỉnh. Ban phòng không nhân dân các cấp được thành lập.

Ngày 8-9-1965, Mỹ ném bom thị xã Bắc Kạn. Ngày 17-10-1965, chúng ném bom cầu Gia Bảy ở Trung tâm thành phố Thái Nguyên, và nhiều lần

cho máy bay trinh sát trên bầu trời thành phố và Phố Yên.

Trong thời gian đầu, Phố Yên còn có tư tưởng chủ quan khinh địch, chưa kiên quyết đôn đốc nhân dân sơ tán theo kế hoạch đã định. Sau khi địch ném bom cầu Gia Bảy, việc sơ tán mới được đôn đốc thực hiện ráo riết.

Các cơ quan huyện triệt để sơ tán về nông thôn, các ngành kinh tế, công an, huyện đội phân tán cơ quan vào các xóm ven quốc lộ 3 và đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên thuộc các xã Đồng Tiến, Nam Tiến và Tân Hương. Ngành y tế huyện thực hiện Chỉ thị 140 của Ban Bí thư Trung ương và chỉ thị 164 của Chính phủ, chuyển bệnh viện Ba Hàng về xóm hạ (Nam Tiến), tổ chức bộ phận y tế phòng không từ huyện xuống xã.

Trường cấp 3 Lê Hồng Phong chia làm 2 phân hiệu: Một chuyển lên xóm Đắc Hiền trong (Đắc Sơn), một chuyển về các xóm ở Hợp tác xã Cẩm La (Đông Cao) và Trường Thọ (Tân Hương). Phố Ba Hàng có 140 hộ, đến 3 năm 1966 mới sơ tán được 40 hộ, sau ngày đó phải sơ tán triệt để. Chợ Ba Hàng được sơ tán vào Đồng Tiến.

Ở các xã cũng phải sơ tán trường học phổ thông và các chợ. Phố Cò (Thắng Lợi) phố Chã (Đông Cao)

sơ tán một bộ phận. Trong khi huyện chỉ đạo việc phân sơ tán của huyện vừa chỉ đạo các xã giúp Trung ương và tỉnh tổ chức sơ tán các cơ sở kinh tế, văn hóa, quốc phòng trên địa bàn huyện.

Các cơ quan, trường học, chợ búa, trạm xá xã,... đều được đào hầm trú ẩn, giao thông hào, phần lớn hầm trú ẩn được làm hầm kèo tre chắc chắn. Nhiều đoạn giao thông hào có nắp chống bom bi, học sinh phổ thông được huấn luyện phòng không và cấp cứu nội bộ. Nhiều trường ở xã trọng điểm phải chuyển sang học ban đêm.

Ban chỉ huy dân quân các cấp được kiện toàn. Dân quân được hướng dẫn cấp cứu phòng không. Các xã đều tổ chức canh gác, báo động kịp thời cho việc phòng tránh và đánh địch. Nhiều xã có tổ dân quân trực chiến do hợp tác xã đài thọ công điểm: Các xã Thuận Thành, Trung Thành, Tân Phú, Thành Công, Minh Đức, Phúc Thuận... có trận địa bắn máy bay tầm thấp. Dân quân toàn huyện được thực tập báo động nhiều lần.

Tỉnh điều tiểu đoàn công binh 19 bảo vệ các cầu lớn trong đó 1 đại đội ở cầu Đa Phúc. Quân khu Việt Bắc cử tiểu đoàn 24 pháo cao xạ 37mm bảo vệ 2 cầu đường bộ và đường sắt Đa Phúc. Quân chủng phòng không điều Trung đoàn tên lửa phòng

không lên Bắc Thái, Phổ Yên xây dựng 1 trận địa chính ở gò Ba Xã (Đắc Sơn) và một số trận địa di động ở xung quanh Huyện lỵ Ba Hàng.

Để nâng cao ý chí quyết tâm đánh địch, tháng 5 năm 1966 Huyện ủy triệu tập Hội nghị cốt cán toàn huyện tại Soi Cầu Sơn (Trung Thành). Hội nghị được nghe đồng chí Lê Hoàng Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái truyền đạt tinh thần Nghị quyết 11 của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh ủy. Hội nghị đã thông qua thư quyết tâm gửi Trung ương và Khu ủy. Kết quả hội nghị là nhân tố cơ bản thúc đẩy mọi mặt công tác của huyện trong những năm tháng có chiến tranh phá hoại ác liệt nhất trên địa bàn huyện.

Tháng 7 năm 1966, Mỹ bắt đầu đánh phá vào huyện. Khoảng 13 giờ chiều ngày 6-7-1966, máy bay Mỹ ném 18 quả bom phá xuống 3 địa điểm thuộc xã Hồng Tiến, ném 4 quả bom phá xuống xưởng gạch bến Dăm (Đắc Sơn) làm bị thương 1 công nhân và 1 em bé chăn trâu.

Tiếp đó, hồi 11 giờ sáng ngày 15-7-1966, chúng ném bom cầu bê tông Đa Phúc không gây thiệt hại vì bom không nổ. Đến sáng ngày 20-7-1966, chúng ném bom bị xuống đầu cầu Đa Phúc làm bị thương

2 người và làm chết 1 xã viên hợp tác xã. Cùng ngày 25-7-1966, chúng ném 16 quả bom phá xuống cầu bê tông Đa Phúc nhưng không gây thiệt hại cho cầu. Sáng ngày 25-7-1966, chúng ném 10 quả bom phá xuống xóm Núi (xã Nam Tiến) cách Ba Hàng khoảng 1,5km làm chết 9 người, bị thương 2 người (trong tổng số đó có 9 phụ nữ và 1 trẻ em). Bom nổ xung quanh làm sập 1 hầm đào dưới gốc tre, làm chết 3 em nhỏ. Ngoài ra, chúng còn gây thiệt hại đáng kể về tài sản của nhân dân.

Như vậy chỉ trong tháng 7 năm 1966, Mỹ đánh phá vào huyện 5 trận tại 7 địa điểm (có 3 trận vào cầu Đa Phúc) làm chết 13 người, bị thương 4 người, làm hỏng một số nhà cửa, trâu bò, lúa, hoa màu.

Mỹ đánh phá vào huyện giữa lúc phong trào hợp tác xã được ổn định, huyện đã chuẩn bị khá chu đáo, cán bộ và nhân dân được chuẩn bị trước về tư tưởng. Chiến thắng ở miền Nam đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 của Mỹ ngay đã cổ vũ nhân dân Phổ Yên khắc phục thiên tai, địch họa, làm vụ mùa 1966 với khí thế chiến thắng.

Sau trận địch ném bom xuống xóm Núi (Nam Tiến) huyện đã rút kinh nghiệm và phổ biến kịp thời xuống các xã về cách làm hầm hố tránh bom. Các hầm làm dưới gốc tre rất khó giải quyết hậu

quả khi hầm sập đều được thay bằng hầm kèo tre chắc chắn.

Trong tháng 8 năm 1966, Mỹ lại đánh phá 2 trận vào 5 địa điểm thuộc các xã: Trung Thành, Đắc Sơn, Hồng Tiến, Đại Xuân và doanh trại bộ đội làm chết 1 người, bị thương 4 người trong đó có 3 bộ đội.

Tháng 12 năm 1966, chúng đánh 2 trận tại 5 địa điểm thuộc các xã: Thành Công, Minh Đức, Phúc Thuận, Đông Cao, Thắng Lợi làm chết 6 người (trong đó gia đình ông Hiếu ở xóm huyện (Thắng Lợi) chết 5 người vì bom rơi trúng hầm) và làm bị thương 3 người trong đó có 2 bộ đội.

Năm 1966 thiên tai gay gắt, Phổ Yên lại phải trực tiếp đương đầu với máy bay Mỹ đánh phá trên địa bàn rộng. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17-7-1966 "... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn..."¹, nhân

1. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Sđd, tr. 284.

dân các dân tộc trong huyện đã hoàn thành thắng lợi "Vụ mùa quyết chiến, quyết thắng" giặc Mỹ xâm lược năm 1966 do Huyện ủy phát động. Đồng thời bắt đầu triển khai xây dựng hai công trình thủy nông lớn đầu tiên của huyện: Trạm bơm Yên Khánh (Thắng Lợi) và đê cống xã Tiên Phong.

Năm 1967, Mỹ đánh phá ác liệt hơn hòng hủy diệt trung tâm gang thép đầu tiên của đất nước, triệt phá giao thông đường bộ và đường sắt hòng ngăn chặn sự viện trợ quốc tế cho Việt Nam. Phổ Yên nằm trên 2 tuyến đường huyết mạch của miền Bắc thời gian đó, lại có nhiều xí nghiệp công nghiệp và quốc phòng trên địa bàn, nên cũng là một trọng điểm đánh phá của địch. Ngoài nhiệm vụ phải bảo đảm sản xuất và đời sống nhân dân trong bất cứ tình huống nào, nhân dân Phổ Yên đã ý thức được nhiệm vụ bảo đảm giao thông thời chiến trong hoàn cảnh mới là đặc biệt quan trọng trước âm mưu thâm độc và tàn bạo của địch.

Mùa khô năm 1966 - 1967, Phổ Yên vừa phải tập trung lực lượng vào những công trình thủy lợi lớn của Trung ương và địa phương, vừa bảo đảm gieo trồng vụ Đông xuân 1966 - 1967 kịp thời vụ, hết diện tích, vừa dồn sức cho nhiệm vụ bảo đảm giao thông thời chiến, chuẩn bị cho việc đánh trả máy bay địch.

Dưới sự chỉ đạo của tỉnh, Phổ Yên đã gia cố thân đê, dự trữ đất đá đề phòng địch phá hoại đê điều, sửa sang lại đường Chã - Thanh Xuyên, làm thêm đường đi cống Táo, đê bao Triều Lai để chủ động ứng phó cứu đê trước thiên tai địch họa. Đồng thời, huyện đã đóng sẵn 12 thuyền gỗ, xi măng cốt tre có sức chở dưới 18 tấn dự trữ cho việc "tăng bo" hàng qua sông khi cầu bị phá hoại trong mùa mưa.

Để đảm bảo giao thông trên quốc lộ 3 và đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục đường sắt làm thêm đường tránh ở Phù Lôi (Thuận Thành), đoạn sản xuất đầu tàu toa xe ở xóm Giếng (Hồng Tiến). Nhân dân hợp tác xã Phù Lôi và Vân Dương Thượng (Hồng Tiến) đóng góp tích cực cho việc làm những công trình này. Nhân dân hợp tác xã Nam Đô (Đông Cao) đã giành đất vườn, ruộng cấy cho đội công nhân Trung Quốc làm trụ sở đóng quân và tự túc rau xanh trong những năm đội làm nhiệm vụ duy tu, phục hồi đường sắt sau mỗi trận đánh phá của địch.

Trên quốc lộ 3, Đội Thanh niên xung phong 91 của tỉnh chốt ở hợp tác xã Trà Vinh (Trung Thành) làm thêm một đường ngầm, 1 cầu cáp về phía thượng lưu cầu bê tông Đa Phúc qua địa phận hợp tác xã Kết Thịnh (Thuận Thành), Thanh niên và

dân quân các xã ven quốc lộ 3 đều lập các đội Thanh niên xung phong bảo đảm giao thông thời chiến.

Ngoài nhiệm vụ nói trên, trong từng cơ quan, trường học, hợp tác xã đều gia cố lại hầm hào, rút kinh nghiệm về phòng tránh và đánh địch. Lực lượng dân quân được tăng cường, tiếp tục huấn luyện về kỹ thuật bắn máy bay địch bằng súng bộ binh và kỹ thuật cấp cứu phòng không. Tháng 3 năm 1967, Huyện ủy đã triển khai Chỉ thị phát động đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân của tỉnh ủy, đẩy nhanh tốc độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị phòng, tránh, đánh địch.

Như đã dự đoán trước, năm 1967 địch tập trung đánh phá giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Trong tháng 1-1967 địch đánh phá 3 trận vào 7 địa điểm khác nhau, trong đó có 2 trận vào cầu đường sắt và đường bộ Đa Phúc làm bật cầu sắt.

Tháng 5 năm 1967, địch đánh 6 trận vào 17 địa điểm thuộc các xã: Thuận Thành, Trung Thành, Đông Cao, Tân Phú, Đồng Tiến, Tân Hương, Nam Tiến, Tiên Phong, Đắc Sơn, trong đó có ga Phổ Yên (2 trận) và cầu sắt Đa Phúc (2 trận). Ga Phổ Yên bị thiệt hại nặng về nhà cửa, cầu sắt Đa Phúc bị hỏng một số đoạn đường sắt bị phá. Trong trận địch ném bom bi vào trường cấp 2 Thống Nhất (Tân

Phú), xóm Đình Táo (Tân Phú), xí nghiệp gạch ngói Phổ Yên và xí nghiệp ngói Tân Tiến (Đông Cao) vào hồi 8 giờ sáng ngày 21-5-1967 gây thiệt hại đáng kể về người và của: Chết 5 người, bị thương 27 người, hầu hết là công nhân đang sản xuất. Bom bi rơi mật độ khá dày đặc vào một lớp học sinh trường cấp 3 Lê Hồng Phong đang lao động gây quỹ tại nhà máy gạch Phổ Yên. Do học sinh được huấn luyện phòng tránh tốt, các em biết dựa vào chướng ngại vật nên chỉ bị thương nhẹ 3 em.

Tháng 6-1967 địch đánh 11 trận vào 22 địa điểm thuộc 8 xã, trong đó Ga Phổ Yên (6 trận), cầu sắt Đa Phúc (3 trận), cầu bê tông Đa Phúc (2 trận), làm lệch cầu sắt và rơi một nhịp.

Trong trận máy bay Mỹ đánh ném bom bi vào bệnh viện Phổ Yên sơ tán về xóm Hạ (Nam Tiến) vào 15 giờ 30 chiều ngày 12-6-1967 làm chết 4 bệnh nhân.

Tháng 6 và 7 năm 1967 địch đánh 17 trận và nhiều địa điểm, tập trung nhiều nhất ở xã Thuận Thành, trong đó 7 trận đánh vào cầu sắt, cầu bê tông, 2 trận đánh vào đường sắt ở Phù Lôi, làm hỏng cầu xi măng nhiều đoạn đường sắt và quốc lộ 3.

Tính chung (1966 - 1967) ở Phổ Yên, đế quốc Mỹ

đã huy động 72 lần tập máy bay đánh vào 164 địa điểm của 16 xã trong huyện (100% số xã), chúng đã ném 1.610 quả bom phá, 11 quả bom nổ chậm, 150 quả bom bi mẹ trong đó có cả bom bi nổ chậm, bắn 27 tên lửa các loại, làm chết nhiều người trong đó có 15 em bé, làm bị thương 221 người trong đó có 6 em bé, phá hỏng 10 nhà ngói, 177 nhà tranh, chết 117 trâu bò, 43 lợn, gần 100 mẫu lúa và hoa màu và nhiều tài sản khác.

Trong số địa điểm địch đánh phá có 5 trận vào trường học ở Tân Phú, Thuận Thành, Thành Công, Đắc Sơn, chết 1 học sinh cấp 3 đã nấp vào hầm bị mảnh tên lửa văng vào sát hại, 1 trận vào bệnh viện Ba Hàng nơi sơ tán và 2 trận vào công trình thủy nông Yên Khánh và Tiên Phong.

Trong hai năm 1966, 1967 nhất là năm 1967, mỗi lần địch đánh phá vào trọng điểm bảo vệ cầu sắt và cầu bê tông Đa Phúc là mỗi lần địch vấp phải lưới lửa đánh trả của lực lượng phòng không. Dân quân và thanh niên xã Thuận Thành dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, xã đội, đã giặt hỏa mù bảo vệ cầu. Dân quân, thanh niên, xã viên hợp tác xã Trà Vinh (Trung Thành) Xây - Thượng (Thuận Thành) đã phối hợp tác chiến bằng các lưới lửa trận địa tầm thấp, mang vắc tiếp đạn 100 mm cho trận địa pháo phòng không của quân khu, san

lắp sửa chữa quốc lộ 3 sau mỗi trận địch đánh phá làm hỏng đường trong đêm. Trên tuyến đường sắt, địch đánh phá nhiều lần, nhiều đoạn đường bị hỏng, cầu sắt 8 lần hỏng nặng, song ta sửa chữa kịp thời, vận tải đường sắt vẫn thông suốt. Tự vệ và dân quân xã Đồng Tiến góp phần đắc lực giải tỏa hàng hóa tại ga Phổ Yên.

Về phòng không nhân dân trong 2 năm do chuẩn bị tốt đã giải quyết hậu quả nhanh, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Công nhân vẫn bám máy, bám lò với khẩu hiệu "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm". Xã viên hợp tác xã vẫn bám đồng ruộng, thực hiện thắng lợi 2 vụ mùa "Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ - 1966, 1967". Năm 1967 Phổ Yên được tỉnh biểu dương về thành tích sản xuất lương thực. Nhà trường Phổ Yên với khí thế "Tiếng hát, át tiếng bom" vẫn khai giảng, thầy trò dạy và học dưới tầm bom đạn của máy bay địch. Chợ vẫn họp. Phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" đạt kết quả tốt.

Bị thất bại nặng nề ở miền Nam trong dịp tết Mậu Thân và trong hơn hai năm đánh phá miền Bắc nước ta, ngày 31-3-1968 Giôn Xon phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Chiến tranh cục bộ ở miền Nam, chiến tranh phá hoại bằng không

quân và hải quân của Mỹ ở miền Bắc căn bản đã bị thất bại. Mỹ phải chấp nhận tham dự hội nghị Pari với ta. Giôn-xơn phải rút khỏi chính trường nước Mỹ. Nic-xơn lên thay đã thực hiện chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" đến "Phi Mỹ hóa chiến tranh" rồi "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

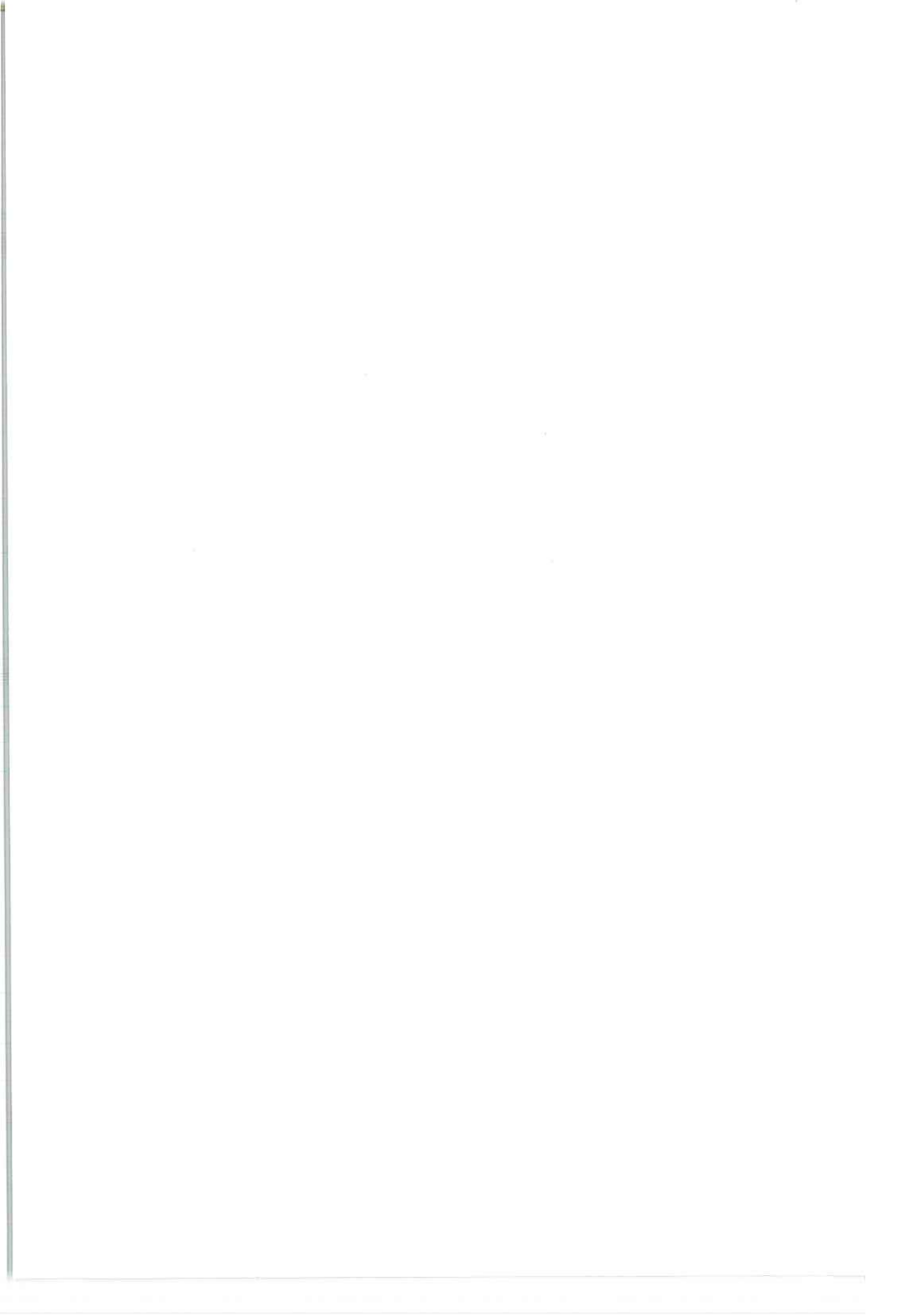
Từ tháng 4 năm 1972, Nic-xơn đã cho máy bay đánh phá các tỉnh trên vĩ tuyến 20 rất ác liệt hòng gây áp lực với ta trong cuộc thương lượng ở Pari, nhằm rút khỏi sự sa lầy ở miền Nam trong danh dự với điều kiện có lợi cho Mỹ, cứu vãn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" gây cho ta tổn hại lớn về sinh lực và tiềm năng hòng tạo điều kiện cho bè lũ tay sai có thể "trụ" được sau khi Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam nước ta.

Ở Bắc Thái trong hơn 4 năm Mỹ ngừng ném bom, song chúng vẫn thường xuyên cho máy bay trinh sát bầu trời của tỉnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh tranh thủ thời gian khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, gấp rút chuẩn bị mọi mặt chủ động đối phó khi địch liều lĩnh đánh phá trở lại.

Ở Phổ Yên, tranh thủ thời gian có hòa bình, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện đã lãnh



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phở Yên
nhiệm kỳ 2000-2005
(khoá 26)



đạo toàn dân trong huyện dốc sức hoàn thành những công trình trung thủy nông của huyện đang triển khai, san lấp các hố bom, phục hồi sản xuất, gia cố lại các hầm hào phòng không. Nhiều người làm thêm hầm ngủ đêm. Ai nấy ra sức làm việc với khí thế chiến thắng.

Ngày 15-9-1972, Mỹ đánh phá vào huyện. Một máy bay trinh sát của địch bắn tên lửa xuống cánh đồng Đông Hạ (Đông Cao) làm bị thương một xã viên. 3 giờ đêm ngày 13-10-1972, một máy bay trút xuống Thanh Quang xã Đông Tiến 12 quả bom phá nổ làm chết 1 em bé 13 tuổi, bị thương 3 người, trong đó có 1 em bé một tuổi.

Đêm 14-10-1972, một máy bay trinh sát bắn xuống Tân Hương một tên lửa nhưng không gây thiệt hại gì.

Đêm 15-10-1972 hồi 22 giờ 15 phút, một số máy bay ném bom phá xuống xóm Chùa, hợp tác xã Phù Lôi, xã Thuận Thành làm chết 17 người trong đó có 8 trẻ em, làm bị thương 16 người trong đó có 3 trẻ em, chết 6 trâu, 17 lợn, hư hỏng 72 nhà ngói, 40 nhà tranh, 1 nhà kho, 1 lớp học và nhiều tài sản khác. Đội công nhân cầu bị chết 5 người, bị thương 9 người. Đây là tổn thất nặng nề nhất của huyện trong cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Ngay trong đêm đó, huyện đã xuống tận hiện trường giải quyết kịp thời hậu quả. Nhờ tinh thần trách nhiệm cao của vợ chồng đồng chí Bí thư Đảng ủy xã là người ở thôn bị địch đánh phá, bà con trong hợp tác xã và lực lượng dân quân địa phương đã khắc phục hậu quả nhanh gọn, hạn chế bớt thiệt hại do địch gây ra. Từ kinh nghiệm ở hợp tác xã Xóm Chùa, huyện đã kịp thời phổ biến trong toàn huyện, đặc biệt là việc che chắn ánh sáng trong đêm tối.

Đêm ngày 17-10-1972, 1 máy bay của Mỹ ném xuống xí nghiệp Z131 (Đồng Tiến) 10 quả bom nổ không gây thiệt hại gì đáng kể.

Ngày 27-1-1973 Hiệp định Pari được ký kết hòa bình được lập lại trên miền Bắc. Thực hiện lời kêu gọi ngày 28 tháng 1 năm 1973 Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhân dân Phổ Yên bắt tay vào khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất và văn hóa, ổn định đời sống theo tinh thần Nghị quyết 22 của Trung ương. Tuy vậy, hậu quả của chiến tranh còn gây tác hại khá lâu dài, nhất là ở những trọng điểm đánh phá của địch như ga Phổ Yên và cánh đồng quanh đó, 2 đầu cầu Đa Phúc và các hợp tác xã vùng này. Sau chiến tranh phá hoại trong lao

động hòa bình 5 người bị chết vì bom bi địch sót lại.

Góp phần chi viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

Thấm nhuần lời dạy thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không thể nào thay đổi", nhân dân các dân tộc Phổ Yên vượt qua mọi khó khăn gian khổ để xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời góp phần chi viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đặc biệt là với 2 tỉnh kết nghĩa Kon Tum và Khánh Hoà.

Từ sau ngày 21-7-1954, Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh đơn phương ở miền Nam. Bọn tay sai Ngô Đình Diệm phá hoại hiệp thương Tổng tuyển cử năm 1956, tàn sát trả thù người kháng chiến cũ bằng các chiến dịch tố cộng, luật 10-59 diệt cộng, những vụ thảm sát ở Vĩnh Trinh, nhà tù Phú Lợi... đã gây xúc động và căm phẫn đối với đồng bào miền Bắc. Trong những ngày này, Phổ Yên đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình tuần hành, trong đó có cuộc tuần hành bằng xe đạp của cán bộ, công nhân viên toàn huyện dọc quốc lộ 3. Nhiều thư Quyết tâm được gửi lên Trung ương Đảng và

Khu ủy. Trên vành nón mũ của mọi người đều ghi khẩu hiệu căm thù địch, thực hiện tốt kế hoạch 3 năm 1958 - 1960 với ý thức để trả thù cho đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ở Phổ Yên, phong trào thi đua yêu nước chống Mỹ trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965 diễn ra rất sôi nổi. Trong thời gian này, ngót hai chục cán bộ công an, giáo viên phổ thông, cán bộ kinh tế đã lên đường tăng cường cho vùng giải phóng miền Nam.

Từ năm 1965 đến năm 1975, với khẩu hiệu "Thóc thừa cân, quân thừa người" Phổ Yên đã liên tục hoàn thành mọi nghĩa vụ tuyển quân. Mặc dù thiên tai mất mùa, nhân dân còn gặp nhiều khó khăn song Phổ Yên không để thiếu nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, nhiều năm huyện đã mở hội giao lương thực, thực phẩm, hoàn thành chỉ tiêu nhanh nhất cả về số lượng, chất lượng và thời gian. Ngoài ra còn giao thêm lương thực, thực phẩm phục vụ cho các đơn vị đóng quân tại xã, huyện.

Về nghĩa vụ tuyển quân, từ năm 1965 đến năm 1975 Phổ Yên đã giao tại huyện 4.997 thanh niên, dân quân bổ sung cho quân thường trực và thanh niên xung phong cho tỉnh (không kể số con em đi bộ đội ở ngoài tỉnh). Bình quân mỗi năm 2 đợt, năm 1968 và 1972 đã giao tới 3 - 4 đợt. Mỗi đợt

giao quân thực sự là ngày hội từ gia đình đến hợp tác xã, xã và huyện. Hơn 50% số gia đình trong huyện có con em tòng quân, nếu chỉ tính số gia đình có con em đến tuổi thì tỷ lệ đó trên dưới 90%. Nhiều gia đình có từ 2 con trở lên làm nghĩa vụ quân sự. Tiêu biểu là gia đình cụ Đình Thị Tùn ở Đông Hạ (Đông Cao), Trần Văn Yến ở Phù Hương (Tân Hương), Nguyễn Văn Tĩnh ở Thắng Lợi có 4 con đi bộ đội.

Học sinh các trường cấp hai, ba đến tuổi nghĩa vụ đều hăng hái tòng quân. Thanh niên xã Trung Thành viết đơn tình nguyện lên đường chiến đấu bằng máu của mình. Hai anh em ruột Trần Văn Phong ở Nam Đô (Đông Cao) cùng viết thư bằng máu, cùng lên đường nhập ngũ một ngày. Hầu hết, họ đều hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, nhiều người đã hy sinh anh dũng. Toàn huyện có 1.124 liệt sĩ ở cả 3 chiến trường trong nước và nước bạn Lào, Cam-pu-chia. Cụ Mai ở xóm Đình hợp tác xã Tân Hương có 3 con tòng quân đều là liệt sĩ.

Nhiều người lập thành tích vẻ vang như anh hùng Dương Quảng Châu ở hợp tác xã Thống Nhất (Thành Công), anh hùng Nguyễn Mai Tâm ở hợp tác xã Đông Cao. Nhiều người được công nhận dũng sĩ diệt Mỹ, chiến sĩ quyết thắng.

Thành tích tuyển quân của huyện rất đáng tự

hào. Nguyên nhân chủ yếu vì: huyện thực sự coi trọng thực hiện chính sách hậu phương quân đội của Đảng và Nhà nước, tổ chức phong trào đỡ đầu con liệt sĩ được nhiều người ủng hộ. Huyện ủy đã đề ra các biện pháp thiết thực giúp đỡ gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội ổn định đời sống. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ góp phần đặc lực trong nghĩa vụ tuyển quân.

Từ sau ngày 27 tháng 1 năm 1973, hòa bình được lập lại trên miền Bắc, miền Nam vẫn còn có chiến tranh, đất nước chưa được thống nhất. Cùng với nhân dân trong tỉnh, nhân dân các dân tộc Phổ Yên vừa ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, vừa tiếp tục chi viện sức người, sức của ra chiến trường. Trong 2 năm 1974, 1975 Huyện đã cung cấp 1.000 quân (bằng 25% tổng số quân trong 10 năm 1965 - 1974). Ngoài ra, huyện còn giúp đỡ các gia đình quân nhân thuộc trung đoàn 165 sư đoàn 312 khi đơn vị lên đường chiến đấu. Nhân dân ven quốc lộ 3 thường xuyên nấu nước uống, tặng quà cho các đơn vị quân chủ lực tập hành quân đường dài qua địa bàn huyện. Hầu hết các đợt xuất quân từ Phổ Yên lên đường chiến đấu, Huyện ủy đã đến tận nơi tặng quà, động viên. Huyện ủy nhiều lần thăm hỏi đơn vị quân chi viện Trung Quốc nhân ngày quốc khánh Trung Quốc 10-10, ngày thành lập Quân giải phóng

Trung Quốc (1-8) và ngày Tết Nguyên đán Việt Nam.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Huyện ủy đã vận động nhân dân trong huyện ủng hộ đồng bào 2 tỉnh Kon Tum - Khánh Hòa khôi phục sản xuất và đời sống bằng 53 con trâu cày (trong đó có 7 con bằng tiền). Trong lúc huyện gặp khó khăn về lương thực song nông dân trong huyện đã cho tỉnh vay 126 tấn thóc để giúp 2 tỉnh bạn.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Phổ Yên được Nhà nước tặng thưởng Huân chương quân công hạng hai. Cán bộ, Đảng viên, nhân dân được thưởng 791 Huân chương kháng chiến hạng nhất, 1.116 Huân chương kháng chiến hạng nhì, 1.997 Huân chương kháng chiến hạng ba và 1.034 Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng hai.

Chương III

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975 - 1985)

I. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN CẢ NƯỚC THỐNG NHẤT (1975 - 1978)

Với tinh thần yêu nước nồng nàn, đoàn kết và truyền thống kiên cường anh dũng chống xâm lược của toàn thể dân tộc, bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, quân và dân cả nước đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được thống nhất. Với khí thế tung bừng của chiến thắng vĩ đại, nhân dân cả nước phấn khởi bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã

hội ở miền Bắc, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Trong bối cảnh đó, tháng 8 - 1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã tiến hành Hội nghị lần thứ 24 (khóa III). Hội nghị đã ra nghị quyết: *"Về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"*. Sau khi điểm lại những thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Nam Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài hơn 20 năm, nhất là những thắng lợi trong giai đoạn cuối với đỉnh cao là thắng lợi xuân 1975, bối cảnh, xu thế dân tộc và thời đại, Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: *"Hoàn thành thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội"*.

Để lãnh đạo cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tháng 12 - 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tiến hành tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đã vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại hội nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc đưa cả nước

đi lên chủ nghĩa xã hội: "có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn độc lập tự do và ngày càng phát triển phồn vinh"¹.

Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế ở nước ta trong thời kỳ quá độ được Đại hội đề ra trên cơ sở kinh nghiệm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trong 21 năm (1954 - 1975), nhất là xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước và thế giới trong giai đoạn cách mạng mới. Đại hội nêu và phân tích 3 đặc điểm lớn, mà đặc điểm lớn nhất là "nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đặc điểm này quy định cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để, đồng thời cũng quy định tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp trong quá trình đó.

Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 41.

mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản là: xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới chung trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động. Nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc là đẩy mạnh cuộc vận động và tổ chức lại sản xuất và lao động của hợp tác xã, củng cố và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, ở miền núi là nông - lâm - công nghiệp; tổ chức lại sản xuất theo hướng đưa nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tiến hành phân vùng, quy hoạch và phát triển, tập trung đầu tư và phát động phong trào quần chúng để đẩy mạnh thủy lợi, đẩy mạnh sản xuất các loại phân bón ruộng, cải tạo đất và xây dựng hệ thống giống.v.v...

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và tích cực thực hiện những phương hướng nhiệm vụ được Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ II đề ra, từ ngày 30/10 đến 2/11/1977, Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 19 đã được tổ chức nhằm tổng kết hoạt động thực tiễn và đề ra những định hướng lớn trong việc xây

dựng quê hương. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình trong những năm qua và xác định những mặt mạnh, mặt yếu của địa phương, nắm vững nội dung kế hoạch 5 năm lần thứ 2 của tỉnh, Đại hội đề ra phương hướng chung là: "Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đưa từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp toàn diện, đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu ở ăn ở, học hành, đi lại của nhân dân. Đảm bảo hoàn hành nghĩa vụ đối với nhà nước, đảm bảo cung cấp rau cho khu công nghiệp và nhân dân ngày một tăng. Xây dựng cơ sở vật chất cho sản xuất nông nghiệp, tổ chức tốt nghề phụ trong nông nghiệp. Trên cơ sở đó sử dụng hết sức lao động ở địa phương, sản xuất ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, nhằm cải thiện từng bước đời sống của nhân dân kể cả vật chất và tinh thần"¹.

Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 19 còn đề ra nhiệm vụ:

- Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước: Đến năm

1. "Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Phổ Yên lần thứ 19".

1980 phải đạt 5800 tấn lương thực (3500 tấn thóc, 2300 tấn màu), 1000 tấn lợn hơi, 6 triệu quả trứng, 50 tấn đậu các loại, 5000 tấn rau, giá trị hàng xuất khẩu đạt 3.728 triệu đồng.

- Chăm lo đời sống nhân dân: Tổ chức cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho cán bộ công nhân viên chức theo chế độ; ở nông thôn sau khi hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, mức ăn đạt 23 kg lương thực người/tháng (18 kg thóc, 5 kg màu)¹.

- Nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp: Đẩy mạnh gieo trồng, diện tích gieo trồng cây lương thực phải được mở rộng, nhanh chóng hình thành vùng rau chuyên canh. Coi trọng trồng cây công nghiệp, dược liệu và cây xuất khẩu. Đẩy mạnh phong trào chăn nuôi, từng bước đưa chăn nuôi thành ngành chính. Coi trọng chăn nuôi cả hai khu vực tập thể và gia đình, đưa tất cả các HTX sau khi tổ chức lại sản xuất đều có chăn nuôi tập thể, chủ yếu là chăn nuôi lợn nái. Các HTX có đồng cỏ tổ chức chăn nuôi bò đàn, khuyến khích gia đình xã viên ở những nơi có đồng cỏ chăn nuôi trâu bò từ 1 - 5 con để bổ sung thêm sức kéo và phân bón. Đi đôi với chăn

1. "Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Phổ Yên lần thứ 19".

nuôi gia súc, phát triển mạnh phong trào nuôi cá, gia cầm. Tất cả các hồ ao đều được thả cá.

Để đảm bảo thực hiện mục tiêu đó, Đại hội đã đề ra các biện pháp cần tập trung thực hiện:

- Hoàn thành việc điều tra, phân vùng quy hoạch cho từng xã, thành lập xong quy hoạch tổng thể của huyện. Tổ chức khai hoang 300 ha để mở rộng diện tích, hoàn thành kênh mương Núi Cốc và phát động phong trào làm thuỷ lợi nhỏ. Từng bước cải tạo lại đồng ruộng và hoàn chỉnh thuỷ nông.

- Thường xuyên phát động phong trào làm phân bón, phát triển mạnh bèo dậu trên ruộng lúa xuân. Tất cả diện tích đều được cấy giống lúa mới. Xây dựng một HTX chuyên làm giống lúa (Vân Trai), hoàn thành đưa vào hoạt động trại giống Đắc Sơn, khoanh vùng nuôi lợn nái để tự túc lợn con. Dành từ 10 - 12% diện tích đất để sản xuất thức ăn cho lợn, phát huy hiệu lực của trạm thú y; xây dựng trạm dự tính, dự báo sâu bệnh.

- Tổ chức cung cấp đủ công cụ thường cho lao động, tiến lên có công cụ cải tiến, từng bước đưa cơ khí vào nông nghiệp trong các khâu làm đất, chế biến thức ăn gia súc, đập lúa, xay sát.

- Công tác chỉ đạo phải coi trọng sản xuất lương thực là vấn đề chiến lược, là bàn đạp để phát huy

các thế mạnh khác. Kiên quyết thu hồi ruộng đất bị lấn chiếm, quản lý lúa màu, cây công nghiệp, không được dùng những hình thức khác để phân tán ruộng đất của HTX.

- Tích cực quản lý và sử dụng tốt lao động. Giải quyết tốt vấn đề xã hội là yêu cầu cấp bách. Để thực hiện quản lý lao động xã hội phải tích cực sắp xếp lại các ngành nghề, trước hết là thị trấn Ba Hàng và các phố dọc quốc lộ 3. Kiên quyết buộc những người có sức lao động nhưng lười biếng, không chịu lao động, làm ăn phi pháp phải đi vào làm ăn sản xuất.

Đối với nông nghiệp, từng bước đi vào phân bố lại lao động các ngành nghề để từng bước chuyên môn hóa lao động và tăng năng suất lao động. Chính quyền các cấp phải là "trọng tài", việc chấp hành luật nghĩa vụ dân công và chế độ lao động. Cung cấp đầy đủ lao động theo kế hoạch của nhà nước. Chăm lo về sản xuất và đời sống cho các gia đình liệt sỹ, thương binh, những người tàn tật trong chiến tranh, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa và cán bộ nghỉ hưu. Sắp xếp công ăn việc làm cho thương bệnh binh, bộ đội chuyển ngành để từng bước khắc phục hậu quả sau chiến tranh.

Để chuẩn bị cho xây dựng kế hoạch lâu dài,

huyện đã khẩn trương điều tra cơ bản về mọi mặt, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cho từng HTX, quy hoạch tổng thể của huyện, quy hoạch đào tạo cán bộ để vừa bổ sung cho kế hoạch 5 năm, vừa phục vụ cho tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong các HTX và các cơ quan nhà nước. Đối với nông nghiệp, đến năm 1978 đã hợp nhất xong các HTX quy mô nhỏ thành quy mô HTX toàn xã. Hợp nhất đến đâu huyện đã tổ chức lại sản xuất đến đó, kiên quyết khắc phục những thiếu sót như triệt để thu hồi ruộng đất bị lấn chiếm dưới bất kỳ hình thức nào. Huyện cũng đã quy hoạch lại các làng xóm, khu dân cư cho phù hợp với tổ chức lại sản xuất. Đất giao cho xã viên sử dụng (bao gồm cả thổ cư và ruộng đất 5%) được thực hiện theo quy định của tỉnh, mỗi hộ không quá 700 m².

Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp của huyện được tiến hành đưa HTX lên bậc cao với việc mở rộng quy mô HTX ra toàn xã. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được đẩy mạnh theo quan điểm hoàn thiện mọi mặt với phương hướng đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn XHCN. Về mặt sở hữu, ruộng đất, ao hồ, trâu bò và các tư liệu sản xuất trong nông nghiệp được đưa vào sở hữu tập thể ở mức cao độ, đều thuộc sở hữu chung của HTX. Bộ máy quản lý, điều hành cao nhất trong HTX

gồm có Ban chủ nhiệm và các bộ phận kế hoạch, thống kê, kế toán. Giám sát hoạt động của bộ máy quản lý HTX có ban kiểm soát do đại hội xã viên bầu ra. Phương hướng sản xuất của HTX được xây dựng theo sự lãnh đạo thống nhất của cấp trên và phù hợp với phương hướng sản xuất của huyện. Các chỉ tiêu kế hoạch trong HTX được xây dựng đều phải được cấp trên xét duyệt và mang tính pháp lệnh. Cũng trong thời kỳ này, HTX đã thành lập các tổ đội chuyên và thực hiện phân công lao động theo hướng chuyên môn hóa. Phân phối trong HTX sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc quy định thống nhất của nhà nước, vừa thực hiện phân phối bằng hiện vật, vừa thực hiện phân phối bằng tiền trong đó phân phối hiện vật là chủ yếu, duy trì chính sách phân phối theo định suất.

Như vậy, cơ chế quản lý nông nghiệp trong thời kỳ này là biểu hiện đầy đủ nhất của cơ chế quan liêu bao cấp. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng trong hai năm 1978 - 1979 diện tích gieo cấy hàng năm tăng từ 8 - 10%, tỷ lệ giống lúa mới ngày càng được tăng lên, chăn nuôi được giữ vững: nếu như năm 1975 tổng số đàn gia súc (trâu, bò) của huyện là 11.560 con và đàn lợn là 21.166 con thì năm 1976 có các số liệu tương ứng là 11.331 và 22.732, năm

1977 là 11.414 và 21.003, năm 1978 là 11.826 và 23.607. Phong trào hợp tác hóa được ổn định và ngày càng được củng cố lại theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, thời kỳ 1975-1979, trong bối cảnh chung cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, việc phát triển nông nghiệp nông thôn ở Phổ Yên gặp không ít khó khăn, đặc biệt là trong điều hành quản lý và tìm ra bước đi thích hợp của mô hình hợp tác xã. Chính vì vậy, việc ổn định và phát triển nông nghiệp ở Phổ Yên thời kỳ này là một trong những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thành tích đạt được là chủ yếu, song còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng lao động, đất đai và những thuận lợi của huyện. Sản xuất và đời sống xã hội bên cạnh những bước thay đổi tiến bộ vẫn còn nhiều khó khăn trở ngại, năng suất và tổng sản lượng lương thực có xu hướng giảm. Thực tế đó yêu cầu đòi hỏi toàn Đảng bộ phải phân tích, chỉ rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan, phải có bước chuyển mới, nhanh chóng sửa chữa khuyết điểm, nhất là khuyết điểm trong công tác lãnh đạo quản lý, để lãnh đạo phong trào của huyện phát triển trong thời gian tới.

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI KẾT HỢP VỚI QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (1979 - 1980)

Năm 1979, mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh chi phối nhưng sản xuất nông nghiệp, sự nghiệp giáo dục và y tế của Phổ Yên vẫn phát triển.

Năm 1979, tổng diện tích gieo trồng của huyện là 13.732 ha (tăng 4,1%), trong đó diện tích trồng lúa là 9561,6 ha (tăng 2,2%), diện tích trồng rau đậu các loại là 1074 ha (tăng 17,1%), diện tích cây công nghiệp ngắn ngày là 568 ha (tăng 5,1%) so với năm 1978.

Về chăn nuôi: Ban Thường vụ Huyện uỷ đã có Nghị quyết số 05 và UBND huyện có thông báo số 186 đề ra chủ trương, biện pháp thực hiện chăn nuôi lợn, nhất là lợn con giống để cung cấp cho khu vực tập thể và xã viên. Năm 1979, tổng đàn trâu bò đạt 11.759 con, đàn lợn đạt 23.755 con. Một số HTX như Tân Hương, Tiên Phong, Trung Thành đã thành công trong việc đầu tư cho chăn nuôi làm đòn bẩy tạo đà cho kinh tế phát triển.

Huyện uỷ cũng đã chỉ đạo lập vành đai thực phẩm để cung cấp cho thị trấn Ba Hàng và các khu công nghiệp Gò Đầm, Bãi Bông.

Năm 1979, trong hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và tác động của chiến tranh, nhưng dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, sự nghiệp giáo dục Phổ Yên đã thu được những thành tựu đáng kể, tỷ lệ học sinh lên lớp như sau: cấp I đạt 95%, cấp II đạt 96,7%, cấp III đạt 95,8%; có 10 học sinh lớp 4 và lớp 7 tham dự kỳ thi học sinh giỏi của tỉnh và 5 học sinh được chọn đi thi 2 môn Văn, Toán toàn miền Bắc. Toàn huyện có 5 đơn vị được công nhận là tổ lao động XHCN, 5 trường được UBND tỉnh tặng Bằng khen, 5 trường được UBND huyện tặng giấy khen, 9 người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, 49 người đạt danh hiệu lao động tiên tiến, xây dựng được 30 phòng học cấp 4.

Công tác y tế và bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được các ngành, các cấp quan tâm về mọi mặt. Các cơ sở y tế, bệnh viện huyện và các trạm y tế được củng cố cả về tổ chức và cơ sở vật chất. Năm 1979, tổng số nhân viên y tế ở các trạm xá xã là 24 y sĩ, 36 y tá, 4 hộ sinh, 13 dược tá. Phòng y tế và bệnh viện huyện được bổ sung nhiều bác sĩ đa khoa và chuyên khoa, việc bố trí cán bộ đã có sự cải tiến nên công tác bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, cứu chữa các trường hợp chấn thương, hạn chế các trường hợp cấp cứu phải chuyển lên bệnh viện tuyến trên; mỗi năm bệnh viện đã khám và chữa bệnh cho hàng vạn người.

Phổ Yên là huyện cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, nối liền Thủ đô với các tỉnh phía Bắc. Do đó, phát triển kinh tế - văn hóa, củng cố và tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang có vai trò rất quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1979, đứng trước tình hình chung của cả nước, trong hoàn cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, Đảng bộ Phổ Yên đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện ra sức phấn đấu vươn lên, phát huy truyền thống và khắc phục khó khăn để hoàn thành những nhiệm vụ cấp bách trong tình hình mới. Nghị quyết Hội nghị Huyện uỷ họp ngày 26 tháng 10 năm 1979 đã chỉ rõ: "Tập trung sức phát triển lương thực, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu tại chỗ và phục vụ cho công nghiệp, cho lực lượng vũ trang; đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu". Đồng thời, Huyện uỷ cũng đã ra Nghị quyết về công tác quân sự địa phương trong 3 năm (1978 - 1980) là: "Phải kết hợp chặt chẽ việc xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng trên mọi mặt, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, củng cố và xây dựng các lực lượng dân quân du kích và dân quân tự vệ, thực hiện ở đâu có dân, có công nhân viên chức thì ở đó có quân".

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, công tác dân quân tự vệ đạt được nhiều kết quả tốt, hoạt động dân quân tự vệ đã được duy trì và đưa vào nề nếp. Số lượng dân quân tự vệ so với công nhân viên chức đạt 48%, đảng viên đạt 48,13%, đoàn viên đạt 61,24%, quân nhân phục viên chuyển ngành đạt 64,37%. Chương trình huấn luyện hàng năm được đảm bảo cả về nội dung và chất lượng.

Về tổ chức, đã phát triển dân quân tự vệ nữ từ 16 - 30 tuổi, nam từ 16 - 45 tuổi. Mỗi xã và cơ quan đều tổ chức ra nhiều đại đội ở đơn vị mình, trong đó có một đại đội cơ động, trong đại đội cơ động có sự tham gia của nữ dân quân tự vệ tuổi đời từ 17 - 25. Nam từ 17 - 35 tuổi tổ chức thành những đơn vị lớn hơn, thành tiểu đoàn, trung đoàn.

Về biên chế, Ban chỉ huy xã đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn có từ 4 đến 5 đồng chí, trong đó các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Chi uỷ là chính trị viên.

Về trang bị cho dân quân tự vệ, dù chưa đầy đủ nhưng lực lượng cơ động được trang bị 60 - 70 %, lực lượng tại chỗ 15 - 20 % vũ khí. Tình hình hoạt động và khả năng chiến đấu của các đơn vị dân quân tự vệ được củng cố, tăng cường, bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ huấn luyện, tuyển quân, tác chiến, xung kích, lao động sản xuất giỏi trên

đồng ruộng, nhà máy, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài khi có tình huống xảy ra.

Năm 1978, toàn huyện có số lượng 3569 cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng dân quân tự vệ¹.

Năm 1979, Phổ Yên đảm bảo vượt chỉ tiêu tuyển quân, đồng thời số lượng dân quân tự vệ có sự tăng nhanh về số lượng và chất lượng so với năm 1978.

Cụ thể:

- *Khối nông thôn:*

Dân quân: tăng từ 7078 người lên 8367 người².

Đảng viên: tăng từ 2382 người lên 2737 người.

Quân nhân phục viên: tăng từ 922 người lên 1294 người.

- *Khối tự vệ:*

Tổng số: từ 9242 người tăng lên 15037 người³.

Đảng viên: tăng từ 1826 người lên 2490 người.

Đoàn viên: tăng từ 5196 người lên 10.000 người.

Quân nhân phục viên: tăng từ 1857 người lên 2688 người.

Huyện đã mở nhiều lớp huấn luyện quân sự cho

1. Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1979 của Ban chỉ huy quân sự Phổ Yên.

2, 3. Tăng từ đầu năm đến cuối năm 1979.

cán bộ chiến sĩ. Đối với cán bộ, đảm bảo 100% theo như quy định. Huyện đã mở được 2 lớp từ 5 - 7 ngày cho 174 cán bộ đại đội, trung đội; đồng thời mở lớp tập huấn cho cán bộ xã được 70 đồng chí, ngoài ra còn cử cán bộ xuống xã tập huấn từ 1 - 2 ngày.

Trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chính phủ; sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ, sự quản lý của chính quyền cũng như các ngành, các cấp trong huyện; sự giúp đỡ của các xí nghiệp, trường học, bệnh viện, đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn, nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể của mình để khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh phong trào thi đua sôi nổi liên tục trên khắp mọi mặt trận sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững và ổn định đời sống của nhân dân.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất nhằm đáp ứng công tác hậu cần tại chỗ, Phổ Yên còn nhanh chóng xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ và UBND huyện, nhân dân Phổ Yên thực hiện phương châm vừa sản xuất vừa phục vụ chiến đấu. Các đơn vị dân quân tự vệ được thành lập có nhiệm vụ vừa sản xuất giỏi, vừa phải thường xuyên luyện tập để khi cần thiết có

thể phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình. Năm 1979 toàn huyện đã thành lập được 37 đại đội tự vệ và được huấn luyện bảo đảm chất lượng tốt.

Tháng 2 và 3 - 1979, Phổ Yên đã đưa nhiều đơn vị lên Cao Bằng xây dựng tuyến phòng thủ. Ngày 5 - 3 - 1979, tiểu đoàn dân quân tự vệ với 467 cán bộ chiến sĩ tập trung tại địa phương vừa làm kinh tế vừa sẵn sàng chiến đấu, xây dựng phòng tuyến, luyện tập quân sự và hướng dẫn nhân dân chuẩn bị mọi mặt để ứng phó khi chiến sự xảy ra.

Ngày 10 tháng 3 năm 1979, Phổ Yên thành lập 1 tiểu đoàn đi xây dựng phòng tuyến bổ sung cho mặt trận Cao Bằng. Tiểu đoàn này được biên chế thành 4 đại đội với quân số là 439 cán bộ chiến sĩ. Cũng đầu tháng 3 - 1979, Trường Đại học Mỏ địa chất đã tổ chức một trung đoàn, biên chế thành 2 tiểu đoàn, 8 đại đội đi xây dựng phòng tuyến tại đèo Gió (Cao Bằng). Theo sự chỉ đạo của tỉnh đội, huyện đội Phổ Yên đã giúp trường tổ chức trung đoàn tự vệ thứ 2 để sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại địa phương. Trung đoàn này có 3 tiểu đoàn gồm tiểu đoàn vận tải, chiến đấu, nuôi quân, quân số 2670 người với nhiệm vụ vừa huấn luyện quân sự, vừa xây dựng phòng tuyến quốc lộ 3 sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Do thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ các cấp về công tác phòng thủ địa phương, cùng với việc đưa lực lượng chiến đấu lên mặt trận, Phổ Yên đã làm tốt công tác xây dựng phòng tuyến bảo vệ tại địa phương và được đánh giá là 1 trong 3 huyện khá nhất tỉnh. Kết quả của đợt 1 (từ 23 - 3 đến 27 - 4 - 1979), chỉ trong vòng 15 ngày, toàn huyện đã đào đắp được 61 km chiến hào, 4315 hầm các loại, khối lượng đào đắp đạt 54.335 m³ với 65.314 ngày công, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu chiến đấu. Tiêu biểu là Trung đoàn tự vệ Công ty xây lắp cơ khí, Trường công nhân kỹ thuật Việt Đức, Trường Kinh tế I, Nhà máy phụ tùng ô tô số I... Tất cả các nhà máy, xí nghiệp, trường học trên địa bàn huyện được chia làm 4 cụm phòng thủ.

Các nhà máy, xí nghiệp, ngoài việc sản xuất các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân, còn sản xuất các mặt hàng phục vụ quốc phòng. Trường công nhân kỹ thuật Việt - Đức, Nhà máy phụ tùng ô tô số 1 đã sản xuất hàng vạn chông sắt để chuyển lên biên giới.

Về công tác hậu phương quân đội và phục vụ chiến đấu, toàn huyện đã phát động phong trào ủng hộ thương binh. Kết quả đợt 1 là: đã đóng góp 400 chõng tre, 62 kg gạo tẻ, 69,5 kg gạo nếp, 22,5

kg đường, 15 kg gà thịt, 21 hộp sữa cho bệnh viện 91. Các bệnh viện điện than, xây lắp, bệnh viện huyện đã cử các kíp mổ đến giúp viện 91 cứu chữa thương binh, nhận thương binh về bệnh viện mình cứu chữa. Tiêu biểu cho phong trào ủng hộ thương binh là các đơn vị: Nhà máy y cụ II đã ủng hộ số tiền 131.135 đồng cho bệnh viện 91; trường công nhân kỹ thuật Việt Đức có 400 cán bộ được kiểm tra máu để hiến máu cho thương binh bệnh viện 91; nông trường Bắc Sơn đã ủng hộ 400 đồng vào quỹ nuôi quân của huyện Phổ Yên.

Phổ Yên cũng đã huy động 76 tấn thóc, 8 tấn thịt trâu bò, 15 tấn lợn hơi, 400 kg gà thịt, 21.638 đồng và 1.647 mét phiếu vải lên giúp đỡ đồng bào biên giới.

Công tác tuyển quân được tiến hành liên tục với số lượng lớn. Năm 1979 quân thường trực lấy ở khối nông thôn 4 đợt, khối cơ quan 2 đợt với tổng số 1300 quân.

Có thể nói, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Phổ Yên còn thu được những thành tích to lớn trong công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Toàn huyện đã trở thành một pháo đài quân sự vững mạnh, xứng đáng với danh hiệu "cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội".

III. THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN SẢN PHẨM TRONG NÔNG NGHIỆP THEO CHỈ THỊ 100 CT - TW

Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 20 họp từ ngày 31 tháng 1 năm 1980 đến ngày 2 tháng 2 năm 1980 đã đề ra nhiệm vụ: "Trước hết là sản xuất tự túc được lương thực trên địa bàn huyện sau khi hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, bảo đảm hậu cần tại chỗ cho khu công nghiệp và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu"¹. Đại hội cũng đề ra mục tiêu cần đạt được của 2 năm 1980 - 1981:

- Xây dựng các cụm nghiên thức ăn tổng hợp cho gia súc, mỗi HTX cần phải có quy hoạch vùng sản xuất thức ăn cho gia súc trên đất 10 - 15%, chú ý ưu tiên cho đàn lợn tập thể.

- Tích cực cải tiến chế độ quản lý, phát huy tính dân chủ trong chăn nuôi, có chế độ định mức sản phẩm rõ ràng.

- Kiện toàn hệ thống thú y từ huyện đến cơ sở, bảo đảm cho đàn gia súc và gia cầm, khuyến khích chăn nuôi trâu bò ở khu vực gia đình xã viên (chủ yếu ở vùng III).

Tiếp đó, Đại hội còn đề cập đến vấn đề quản lý

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 20.

và sử dụng tư liệu sản xuất. "Chế độ công hữu" về mặt tư liệu sản xuất là tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, bởi vì nó vừa là mục tiêu vừa là động lực quan trọng để chúng ta tiến hành xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Trước hết, ruộng đất là tư liệu sản xuất chính trong nông nghiệp phải được tập thể quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng chính sách, nghiêm cấm và xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp sử dụng ruộng đất không đúng chính sách, không cho phép cấp nào có quyền phân tán ruộng đất... Cần nhanh chóng tiến hành công tác kiểm tra tư liệu sản xuất đối với từng HTX, phải có chế độ rõ ràng trong việc quản lý sử dụng sức kéo và các thiết bị khác phục vụ cho sản xuất và đời sống, nghiêm cấm và xử phạt đối với những trường hợp lạm sát sức kéo, gây thiệt hại cho HTX. Trên cơ sở ấy mà đẩy mạnh sản xuất, tăng tích lũy, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp".

Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch lâu dài, Đại hội đã chỉ rõ: phải khẩn trương tiến hành điều tra cơ bản một cách toàn diện, tiến hành quy hoạch tổng thể, phân vùng sản xuất; kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở và thông qua các hội nghị quần chúng; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Có như vậy mới bảo đảm cho kế hoạch có đầy đủ tính

khoa học, tính Đảng, tính quần chúng và tính pháp lệnh. Phải hoàn chỉnh các định mức ngay trong từng HTX, nhằm phục vụ cho kế hoạch sản xuất và phát triển kinh tế lâu dài.

Trong việc cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp từ huyện đến cơ sở, "trước hết phải nắm vững được cơ chế tổ chức là Đảng lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chịu trách nhiệm trước tập thể. Mỗi cấp, mỗi ngành phải xây dựng cho được kế hoạch công tác cụ thể và thời gian thực hiện, xóa bỏ lối chỉ đạo hành chính, giấy tờ nhiều, đi sâu vào điểm chỉ đạo... Trong nông nghiệp, công tác chỉ đạo cần tập trung vào các mũi nhọn: quản lý lao động, quản lý tư liệu sản xuất và sản xuất lương thực, thực phẩm, tham gia sản xuất hàng xuất khẩu theo kế hoạch, áp dụng chế độ 5 công khai trong HTX. Cần tổ chức tập trung các chiến dịch dứt điểm từng mũi nhọn như thủy lợi, phân bón, giao thông; đẩy mạnh việc kết hợp chặt chẽ và đồng bộ trong việc triển khai các mặt công tác, coi trọng phong trào thi đua lao động tập thể, chú ý khuyến khích cả lợi ích vật chất và tinh thần. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cơ sở, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, từng bước tăng cường cán bộ cho cơ sở".

Trong thời điểm mà việc quản lý sản xuất nông

nghiệp đã bộc lộ những thách thức to lớn đòi hỏi thay đổi mô hình quản lý, mở đường cho sản xuất phát triển thì ngày 22 - 10 - 1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã thông báo cho phép các địa phương khoán thử cây lúa. Ngày 13 - 1 - 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 CT - TW về "Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong HTX sản xuất nông nghiệp". Đây là một bước thay đổi hình thức khoán, từ khoán việc sang khoán, từ khoán theo tập thể sang khoán theo nhóm và người lao động mà thực chất là khoán theo hộ, chứ chưa phải là sự xuất hiện một mô hình mới về tổ chức và quản lý nông nghiệp. Tuy vậy, Chỉ thị 100 đã tạo điều kiện cho người nông dân bước đầu giành lại một phần quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp, gắn lao động của mình với kết quả cuối cùng, làm cho họ quan tâm hơn đến sản xuất. Ý nghĩa lớn nhất của việc thay đổi hình thức này là đã mở ra một giai đoạn mới của quá trình nhận thức và đổi mới về con đường phát triển của nông nghiệp ở nước ta, là mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu sang hạch toán tự chủ¹.

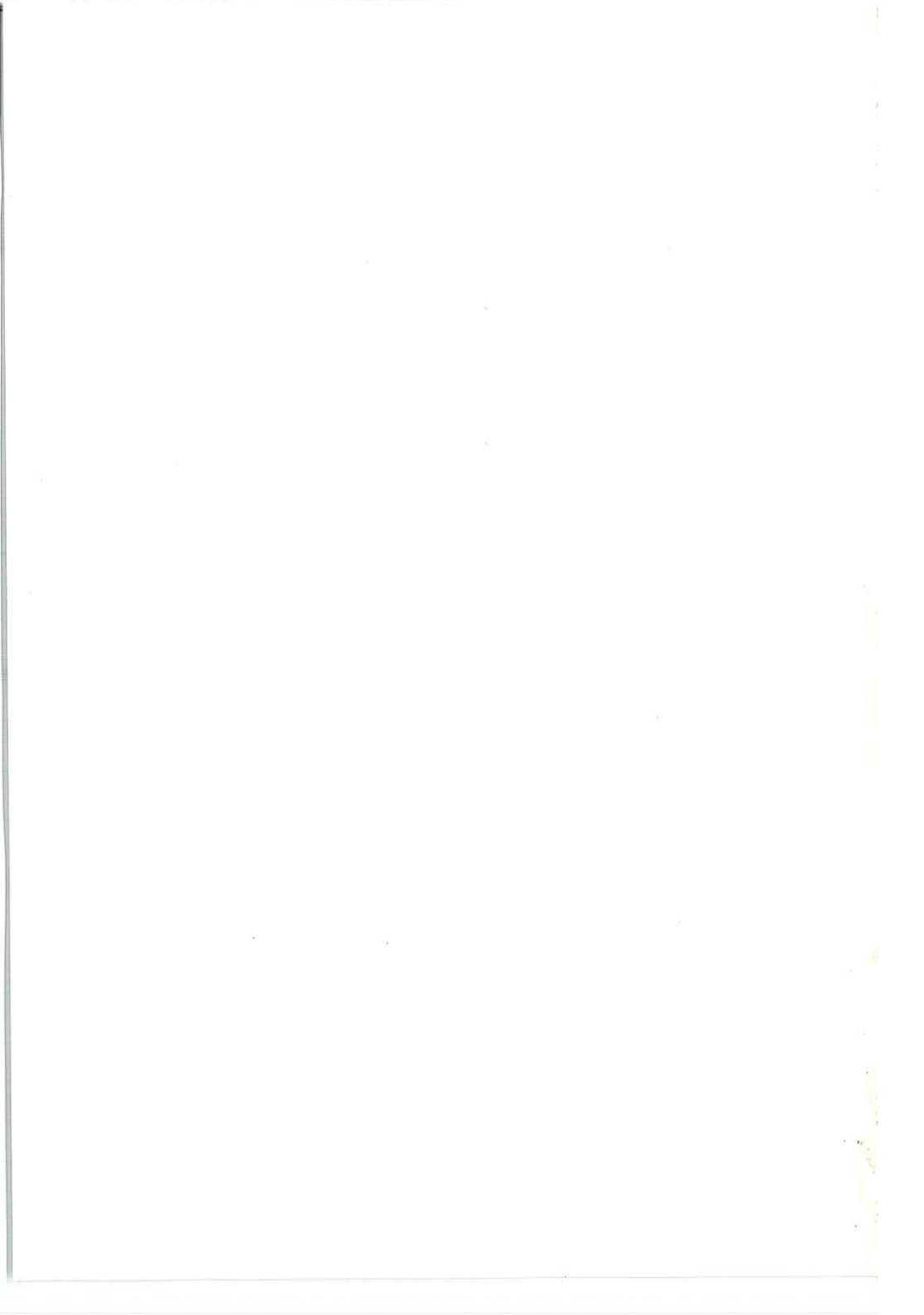
1. Viện Sử học: "Việt Nam 1975 - 1990, thành tựu và kinh nghiệm", Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 1991, tr.51.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Chỉ thị 100 CT - TW và các Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Phổ Yên đã chỉ đạo mở các đợt tập huấn cho cán bộ HTX và các đội sản xuất; đồng thời, cử cán bộ về các HTX chỉ đạo công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Quán triệt quan điểm không buông trôi lãnh đạo, ngăn chặn tình trạng khoán trắng, việc triển khai khoán sản phẩm nông nghiệp tại các HTX được Huyện uỷ chỉ đạo các phòng ban chức năng phối hợp với Đảng uỷ các xã cùng cán bộ các HTX nghiên cứu nắm vững nội dung Chỉ thị 100; chỉ đạo thực hiện một cách thận trọng, đồng thời thảo luận, bàn bạc dân chủ với xã viên.

Ruộng đất trong mỗi HTX được phân loại và định mức khoán hợp lý, căn cứ vào diện tích, độ phì và năng suất bình quân của từng loại ruộng; có ưu tiên đối với các gia đình thuộc diện chính sách. Xã viên trong HTX được đảm nhận 3 khâu của công việc sản xuất là: gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch; HTX và đội sản xuất đảm nhận 5 khâu là: làm đất, giống, phân bón, thuỷ nông và phòng trừ sâu bệnh. Sản phẩm thu hoạch trên ruộng nếu vượt định mức HTX giao thì người nhận khoán được hưởng số sản phẩm đó. Nếu sản phẩm thu hoạch trên ruộng thấp



Ban Thường vụ huyện ủy họp, quyết định xuất bản cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Phổ Yên thời kỳ 1954-2000*



hơn so với định mức HTX giao thì người nhận khoán vẫn phải nộp đủ số sản phẩm đã được giao cho HTX.

Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 21 họp từ 30 - 10 đến 1- 11 - 1982 đã khẳng định: "Cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, và những quy định quyền sản xuất kinh doanh trong các cơ sở sản xuất đã mở ra cho Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn và đã giành được nhiều thắng lợi trong sản xuất. Trên mặt trận kinh tế, tuy thời tiết mấy năm qua diễn biến phức tạp, cung ứng vật tư lại thấp so với những năm trước nhưng với tinh thần chủ động sáng tạo quyết thắng thiên tai; những chính sách của Trung ương và tỉnh đã được vận dụng tích cực trên địa bàn huyện, nên đã đưa nền kinh tế trong huyện đạt kết quả tốt"¹.

Về sản xuất nông nghiệp: để khắc phục những khó khăn trước mắt và tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển ổn định, được sự đầu tư và giúp đỡ của Trung ương và tỉnh Bắc Thái, Huyện uỷ Phổ Yên đã chỉ đạo xây dựng hệ thống kênh mương

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phổ Yên lần thứ 21.

Núi Cốc để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp; đồng thời, đã nhảy bèn trong triển khai khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động nên đã kích thích nông dân đẩy mạnh sản xuất, đưa nông nghiệp phát triển trên nhiều mặt. Do vậy, diện tích gieo trồng năm 1982 đạt 14.195,5 ha (tăng bình quân 8,2%), trong đó diện tích gieo trồng đỗ tương tăng cao. Tổng sản lượng lương thực năm 1981 đạt 18.685 tấn, năm 1982 đạt 20.326 tấn, trong đó màu quy thóc chiếm 25,6%. Phong trào chăn nuôi không ngừng phát triển, nếu so với năm 1979 thì năm 1981 đàn trâu của huyện tăng 10,2%, đàn lợn tăng 12,3%; đến ngày 1- 1 - 1982 tổng đàn trâu bò đạt 12.559 con (tăng 13%) và đàn lợn đạt 28.127 con (tăng 11%) so với năm 1981. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được giữ vững, cơ chế quản lý có nhiều tiến bộ. Phương thức khoán mới theo chỉ thị 100 CT - TW đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích và ưu điểm, trong sản xuất nông nghiệp còn bộc lộ một số tồn tại là: sản xuất nông - lâm nghiệp chưa chuyển biến mạnh, lâm nghiệp phát triển yếu, bảo vệ kém; sản xuất lương thực chưa đảm bảo vững chắc; chưa khai thác hết tiềm năng về lao động, đất đai ở địa phương; công tác quản lý trong các

HTX nông nghiệp còn bộ lộ những yếu kém như việc thực hiện khoán sản phẩm ở nhiều cơ sở không toàn diện, chưa đúng nguyên tắc, việc điều hành trong các khâu còn bị buông lỏng, nếu không được uốn nắn kịp thời sẽ dẫn đến suy yếu trong quan hệ sản xuất ở nông thôn.

Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 21 còn đề ra mục tiêu và nhiệm vụ của sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 1983 - 1985: "Trong nông nghiệp phải giữ vững quy mô hiện nay, trên cơ sở khắc phục những mặt yếu trong quản lý nhằm đưa sản xuất phát triển. Tạo điều kiện mở rộng đối với các HTX có quy mô còn nhỏ, đảm bảo ổn định đối với những HTX có khoảng 200 hộ và từ 150 đến 200 ha đất canh tác trở lên. Khai thác đến mức cao nhất tiềm năng đất đai và lao động vào phát triển sản xuất; phải mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với các loại cây trồng và gia súc; kiên quyết khắc phục những biểu hiện khoán trắng, khoán hời hợt không đảm bảo nguyên tắc và các khâu điều hành trong HTX hiện nay. Trước mắt, ngay trong vụ Đông - Xuân này các HTX phải đưa ngay diện tích trồng màu, cây công nghiệp và cây thực phẩm vào diện tích khoán trong HTX. Mặt khác, phải thực hiện đúng chế độ quản lý đảm bảo 5 công khai, phân phối hài hòa 3 lợi ích, xử phạt

nghiêm minh các hiện tượng lấn chiếm ruộng đất, cấp đất canh tác bờ bãi, xâm phạm tài sản tập thể... nhằm củng cố các HTX".

Ngày 12-7-1984, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) đã ra Nghị quyết lần thứ 6 về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác quản lý kinh tế. Ngày 10 tháng 9 năm 1984, Ban Chấp hành Huyện uỷ Phổ Yên ra Nghị quyết 07: Chương trình hành động của Ban Chấp hành Huyện uỷ về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khóa V).

Nghị quyết 07 của Ban Chấp hành Huyện uỷ đã đánh giá tình hình quản lý kinh tế của huyện trong những năm qua trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã bước đầu phát huy được tiềm năng lao động và đất đai, làm cho sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, bước đầu đã khắc phục được tình trạng sút kém của những năm 1979 - 1980. Năm 1983, mặc dù trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhưng sản lượng lương thực toàn huyện vẫn tăng 11,7% so với năm 1980.

Công tác kế hoạch hóa bước đầu được đổi mới,

từng bước gắn kế hoạch hóa với hạch toán kinh doanh; đồng thời mở rộng liên kết kinh tế, khai thác khả năng áp dụng chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều và các chính sách đòn bẩy kinh tế, các pháp lệnh của Nhà nước vào việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước. Tuy nhiên, kế hoạch chưa làm tốt vai trò trung tâm của hệ thống quản lý, chưa phát huy được tính năng động sáng tạo của các ngành và cơ sở, hạch toán kinh tế ở cả hai khu vực kinh tế quốc doanh (do cấp huyện quản lý) và kinh tế tập thể còn mang nặng tính chất hình thức dẫn đến một số đơn vị làm ăn thua lỗ. Bộ máy quản lý nặng nề, quan liêu và kém hiệu lực, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn không được phân định rõ ràng. Một số phòng ban chưa làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền, còn mang nặng tính chất hành chính đơn thuần.

Những khuyết điểm trên đây là biểu hiện của tệ quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ trong công tác quản lý kinh tế, và cũng là biểu hiện của tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức kỷ luật. Vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu của Đảng có những nơi, những lúc bị xem nhẹ. Những khuyết điểm và tồn tại trong công tác quản lý kinh tế đã gây tác hại không nhỏ và đã hạn chế việc phát huy

những tiềm năng hiện thực của địa phương trong việc phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

Nghị quyết 07 cũng đã nêu lên chương trình hành động của Đảng bộ về công tác quản lý kinh tế với các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Cải tiến cơ chế quản lý kinh tế: Trong thời gian tới phải tập trung sức mạnh và sự thống nhất của toàn Đảng bộ, của các cấp, các ngành làm tốt nhiệm vụ sắp xếp lại tổ chức sản xuất. Trong năm 1984 và quý I năm 1985 phải tiến hành rà soát, quy hoạch, phân bố lại lực lượng sản xuất trên địa bàn huyện và quy định rõ chức năng quản lý hành chính, kinh tế và các công ty chuyên doanh của huyện.

- Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, phải xác định rõ những danh mục cây trồng chủ yếu là cây lương thực, các loại cây công nghiệp ngắn ngày và xuất khẩu. Xác định rõ vùng lúa cao sản, các vùng cây con tập trung, nhất là cây công nghiệp và cây xuất khẩu để đầu tư và phát triển sản xuất. Từng bước kiện toàn về mặt tổ chức, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao trình độ quản lý và hạch toán kinh doanh của các công ty được tỉnh phân cấp. Thực hiện phân công, phân cấp, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và trách nhiệm của các phòng ban tham mưu và của các đơn vị kinh tế do huyện quản lý để giúp UBND huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ này.

- Cải tiến cơ chế quản lý các đơn vị, cơ sở sản xuất và kinh doanh. Đối với HTX nông nghiệp, Nhà nước thông qua hệ thống chính sách làm đòn bẩy kinh tế, cung ứng vật tư kỹ thuật, hợp đồng kinh tế... để chỉ đạo các HTX xây dựng kế hoạch.

- Tiếp tục hoàn thiện chế độ khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 CT - TW của Ban Bí thư, quản lý tốt tư liệu sản xuất và tổ chức tốt việc cung ứng vật tư để giúp HTX điều hành khoán. Trên cơ sở xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật phù hợp cho từng vùng, từng cơ sở sản xuất để tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với một số cây trồng và vật nuôi chính ở địa phương. Đồng thời, các HTX phải tiến hành định mức giao đất, giao rừng khoán sản phẩm cho xã viên phát triển sản xuất, nhằm tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống.

- HTX phải thực hiện mọi chế độ ăn chia theo nguyên tắc phân phối theo lao động, xóa bỏ các HTX hình thức, chống khoán trắng. Kiên quyết thực hiện điều 25 của Pháp lệnh thuế nông nghiệp,

áp dụng biện pháp hành chính kinh tế trong thu hồi sản phẩm khoán, quản lý đất đai và các tư liệu sản xuất khác.

- Phòng nông nghiệp, Ban kế hoạch quy hoạch, Hội nông dân tập thể phải phối hợp và rà soát lại công tác khoán sản phẩm và củng cố quan hệ sản xuất, đào tạo cán bộ quản lý cho các HTX. Tiến hành xây dựng các HTX điển hình về quản lý kinh tế và phát triển sản xuất để rút kinh nghiệm phổ biến ra diện rộng.

Để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 6 (khóa V) và chương trình hành động của Ban Chấp hành Huyện uỷ, ngày 30-9-1984 UBND huyện Phổ Yên đã ra Quy định 590 về những vấn đề cụ thể trong công tác cải tiến quản lý kinh tế trên địa bàn huyện. Quy định đã nêu cụ thể: tiến hành sửa khoán sản phẩm trong nông nghiệp, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong các HTX.

Nhằm uốn nắn những sai lệch trong việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, từng bước thực hiện đúng tinh thần của Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong các HTX sản xuất nông nghiệp, ngay từ quý IV năm 1984, phòng

nông nghiệp và các ngành liên quan phải phối hợp chặt chẽ với UBND các xã chỉ đạo các HTX làm tốt một số nhiệm vụ chính sau đây:

- Tiến hành đo đạc lại đất đai, xác định lại sản lượng giao khoán cho tất cả các HTX. Sản lượng giao khoán được xác định lại phải dựa trên cơ sở diện tích được đo đạc và phù hợp với điều kiện canh tác hiện tại của từng thửa ruộng.

- Phát động quần chúng nhân dân phát hiện danh sách những người còn nợ quá hạn của Nhà nước, những người chiếm dụng tư liệu sản xuất và tái sản xuất của HTX, thông qua ý kiến tập thể của đại hội xã viên mà quyết định xử lý đồng thời bằng 3 biện pháp: giáo dục, hành chính, kinh tế để thu hồi sản phẩm, đất đai và các tài sản khác cho HTX và Nhà nước.

- Mọi trường hợp sử dụng đất có sản lượng để làm nhà, đào ao... đều phải thông qua ý kiến của quần chúng để quyết định biện pháp thu hồi lại cho HTX.

- Việc trả công cho cán bộ bao gồm từ đội trưởng đến cán bộ chủ chốt của xã phải căn cứ vào quy mô, điều kiện sản xuất và giá trị thu nhập của từng HTX mà quy định cho phù hợp, nhưng không

vượt quá mức bình quân cao nhất cho 1 lao động trong HTX và được Đại hội HTX biểu quyết thông qua.

- Tất cả các HTX trong huyện đều thực hiện chế độ kế toán thống kê và làm đầy đủ thuế, nghĩa vụ theo pháp luật của Nhà nước; đồng thời, phải chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính, ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực tài chính tiền tệ.

- Phòng nông nghiệp, Ban kế hoạch quy hoạch hướng dẫn các HTX xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với từng vùng, từng thửa ruộng để tiến hành khoán 5 cây và 2 con ngay trong vụ đông xuân 1984 - 1985.

- Quan hệ kinh tế giữa HTX và Nhà nước, HTX và người sản xuất phải được thực hiện bằng các hợp đồng kinh tế kể cả các khâu dịch vụ, bảo hiểm cây trồng, vật nuôi.v.v...

Thực hiện Chỉ thị 100, cùng với việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết của Ban Chấp hành Huyện uỷ, Phổ Yên đã đạt được những thành tựu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp: diện tích gieo trồng tăng từ 14.631 ha (năm 1983) lên 14.644 ha (năm 1985). Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1985 đạt 21.591 tấn (bằng 81,6% mục tiêu Đại hội lần thứ

21 và tăng 17,6% so với năm 1983) và là năm có tổng sản lượng lương thực cao nhất từ trước đến thời điểm đó. Tốc độ tăng tổng sản lượng lương thực bình quân (1981 - 1985) là 7%.

Ngoài cây lúa, Phổ Yên còn tăng cường trồng các loại cây khác: cây lạc đã trở thành cây trồng tạo ra nông sản hàng hóa xuất khẩu của huyện và năm 1985 đã xuất khẩu hơn 677 tấn lạc vỏ để nhập phân bón, thuốc trừ sâu, các hàng hóa thiết yếu khác phục vụ cho sản xuất và đời sống. Diện tích trồng đỗ năm 1985 đạt 746 ha, hàng năm cung cấp gần 100 tấn đỗ hàng hóa; trồng chè đạt 213 ha, hàng năm cung cấp trên 50 tấn chè búp khô.

Chăn nuôi không ngừng phát triển: năm 1985 tổng đàn trâu có 12.752 con (bằng 79,7% mục tiêu Đại hội 21 và tăng 1,8% so với năm 1983); đàn lợn có 30.321 con (bằng 93,8 % mục tiêu Đại hội 21). Tốc độ phát triển chăn nuôi bình quân (1983 - 1985) tăng 7,9%.

Nhìn một cách khái quát sản xuất nông nghiệp trong nhiệm kỳ 21 của Đảng bộ, nông nghiệp Phổ Yên có sự phát triển tương đối toàn diện hơn các năm trước. Kết quả năm sau cao hơn năm trước, đời sống nhân dân đã từng bước được cải thiện, nghĩa vụ nông sản hàng hóa giao nộp cho Nhà nước hành năm đều hoàn thành vượt mức.

Từ khi thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển. Năm 1985 tuy diện tích tăng 0,1% nhưng năng suất tăng 16,3 %, tổng sản lượng tăng 17,3% so với năm 1983; huy động lương thực đối với nhà nước tăng 10%, huy động thực phẩm tăng 34% so với năm 1983. Huyện chỉ đạo xã Trung Thành xây dựng mô hình HTX theo quy mô mới: nông - công - thương - tín để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

Tuy nhiên, tốc độ tăng lương thực còn thấp, bình quân lương thực trên đầu người hàng năm đạt 206 kg (mức tối thiểu cần có là 300 kg). Nguyên nhân chủ yếu là do năng suất lúa còn thấp (năm 1985, năng suất lúa chiêm mới đạt 20,53 tạ/ha, năng suất lúa mùa 17,17 tạ/ha).

Phong trào HTX nông nghiệp nhìn chung được ổn định nhưng chưa vững chắc về chất lượng. Toàn huyện có 72 HTX nông nghiệp với 13.722 hộ (chiếm 96,4% tổng số hộ). Qua phân loại năm 1985, số HTX khá chiếm 26,5%, HTX trung bình chiếm 54,2%, HTX yếu chiếm 19,3%.

Nhờ thực hiện chính sách khoán mới, đời sống nhân dân các dân tộc từng bước được cải thiện và ổn định. Kinh tế hộ gia đình phát triển đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đó là nguồn quan trọng

cung cấp nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội, nâng cao đời sống người lao động.

Tuy nhiên, những năm đầu của thập kỷ 80, sự nghiệp văn hóa - xã hội ở Phổ Yên đã có nhiều tiến bộ, giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động; công tác kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả bước đầu. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo huy động nguồn vốn, vật tư của nhiều ngành, nhiều cấp. Ngoài việc xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, huyện đã triển khai xây dựng và phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh xá.

Các hoạt động lưu thông phân phối, trao đổi hàng hóa được mở rộng. Bước đầu trên địa bàn huyện đã có hàng hóa xuất khẩu.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và xây dựng quê hương trong tình hình mới, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được Huyện ủy đặc biệt quan tâm. Dưới ánh sáng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, công tác xây dựng Đảng, đảm bảo sự đoàn kết trong Đảng đã được đẩy mạnh. Hàng năm Huyện ủy đã tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng.

Hệ thống chính quyền từ huyện đến xã đã có

những chuyển biến về quản lý hành chính, quản lý kinh tế. Các đoàn thể quần chúng được củng cố thông qua các phong trào thi đua yêu nước như phong trào "3 xung kích làm chủ tập thể" của đoàn thanh niên; phong trào "Kiện tướng lao động giỏi" của phụ nữ; phong trào "đền ơn đáp nghĩa"

Tuy nhiên, qua 5 năm thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, bên cạnh những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, trong chỉ đạo và thực hiện cũng không ít hạn chế như Đại hội Đảng bộ huyện ủy lần thứ 22 đã chỉ ra.

Có thể thấy, những thành tựu về kinh tế - xã hội ở Phổ Yên giai đoạn này là rất to lớn, nhưng chưa thực sự vững chắc và toàn diện. Trong điều kiện đó đòi hỏi phải có những quyết sách mới, một tầm nhìn mới để đưa Phổ Yên vượt qua những khó khăn thử thách tiến lên giành những thành tựu mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Những thành tựu và hạn chế qua hơn 10 năm xây dựng (1975-1985) đã để lại những kinh nghiệm quý giá để Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên vững bước vào thời kỳ thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng, nhằm tạo nên những chuyển biến căn bản trên vùng đất lịch sử này.

Chương IV

PHỔ YÊN TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

I. THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng ta đã trải qua nhiều thập kỷ vừa làm, vừa tìm tòi, nhờ đó ngày càng hiểu rõ hơn, đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình vừa làm, vừa tìm tòi đó, thời kỳ 1975 - 1985 với những kinh nghiệm thành công cũng như sai lầm khuyết điểm là thời kỳ có ý nghĩa quan trọng. Trong thời kỳ này, mặc dù Đảng ta đã có những cố gắng trong việc cải cách, đổi mới và điều chỉnh một số chủ trương chính sách, song những điều chỉnh đó đạt hiệu quả thấp. Những sai lầm trong chủ trương và chỉ đạo chiến lược cũng như những sai lầm trong tổng kết điều chỉnh giá đã gây thêm những khó khăn trong đời sống kinh tế- xã hội ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986)

của Đảng đã mở ra một bước ngoặt lịch sử trên tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn Đảng, toàn dân ta. Với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật", Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đánh giá đúng mức những thành tựu quan trọng đã đạt được, đồng thời chỉ ra những thiếu sót trong việc hoạch định chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ bệnh chủ quan, duy ý chí, không tôn trọng quy luật khách quan. Đại hội đã định ra đường lối đổi mới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội nhằm đưa đất nước ta thoát khỏi tình trạng trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Thực hiện kế hoạch chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong quý III năm 1986, Huyện ủy Phổ Yên đã chỉ đạo tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp từ cơ sở để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Việc thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc nhằm phát huy dân chủ, đóng góp ý kiến với Đại hội Đảng, đồng thời quán triệt tư tưởng đổi mới, những nhiệm vụ do Đại hội Đảng đề ra, trên cơ sở đó xác định kế hoạch, nhiệm vụ của địa phương.

Đại hội Đảng bộ lần thứ 22 huyện Phổ Yên được tiến hành (năm 1986), đã phân tích đánh giá tình

hình kinh tế - xã hội của địa phương. Đại hội đã đánh giá đúng mức những kết quả đã đạt được từ đại hội 21 đến nay, quán triệt tư tưởng đổi mới của Đảng, phân tích sâu sắc những thiếu sót, tồn tại, chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến sức mạnh của phong trào địa phương, đáng chú ý là tư tưởng bảo thủ, trì trệ, năng lực và trình độ quản lý, đặc biệt là quản lý kinh tế chưa vươn kịp yêu cầu nhiệm vụ; một số cán bộ còn vi phạm về phẩm chất, thoái hóa về chính trị, tư tưởng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng nhân dân. Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng bộ huyện đã xác định phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới là: phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1986 - 1990; nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là ra sức xây dựng Đảng bộ có sự đổi mới về nhận thức tư tưởng, về suy nghĩ cách làm ăn, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đổi mới công tác tổ chức cán bộ và phong cách làm việc. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của Nhà nước, khai thác mọi tiềm năng lao động đất đai, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh phát triển sản xuất toàn diện,

củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Thực hiện nghị quyết Đảng bộ lần thứ 22, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, phấn đấu thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế lớn mà đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Trên mặt trận nông nghiệp, với tinh thần đổi mới tư duy kinh tế, toàn huyện đã quyết tâm thực hiện kế hoạch khai thác đánh thức tiềm năng, đẩy mạnh và đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là khâu cải tạo giống theo hướng liên kết sản xuất, phát động quần chúng tập trung làm thủy lợi để đảm bảo chủ động tưới tiêu cho đồng ruộng.

Để tiếp tục đưa sản xuất nông nghiệp phát triển lên một bước mới, Huyện ủy đã tiến hành họp tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện Chỉ thị 100 CT-TW của Ban Bí thư Trung ương. Trong đó khẳng định, dưới ánh sáng của Chỉ thị 100 CT-TW, công cuộc đổi mới trên quê hương Phổ Yên đã tạo ra được những đột phá trong một số khâu thúc đẩy sản xuất phát triển, đã bước đầu phát huy được quyền làm chủ của mọi xã viên trong sản xuất và

khởi dậy được tính cần cù của người nông dân, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp huyện phát triển, tạo đà tăng trưởng cho những năm tiếp theo. Nhưng trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 CT-TW, Phổ Yên mới chỉ tạo ra được một số khâu đột phá trong sản xuất, còn các khâu khác của cơ chế chưa được đổi mới, chưa tạo ra được một cơ chế quản lý mới, cơ chế quan liêu bao cấp vẫn còn nặng nề. Do đó, chỉ được một thời gian, Chỉ thị 100 CT-TW đã không còn phát huy được tác dụng. Trước thực tế đó, Huyện ủy đã họp và chỉ rõ, cần quán triệt và chấn chỉnh lại việc chấp hành Chỉ thị 100 CT-TW, chống buông trôi, khoán trắng cho người lao động. Trước mắt cần giải quyết bằng được khâu giống, thủy nông, làm đất, cung ứng vật tư thông qua các đội để chủ động điều hành các khâu, đồng thời chấn chỉnh lại công tác quản lý tài sản, tài chính, công tác phân phối để từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, đảm bảo hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất cho phù hợp với lực lượng sản xuất.

Những năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990, trong bối cảnh chung của tình hình đất nước, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đã gặp không ít khó khăn về kinh tế - xã hội. Việc cung ứng vật tư, nguyên liệu, hàng hóa thấp so với yêu cầu; giá cả

thường xuyên biến động và tăng vọt; thời tiết xấu và có những diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới năng suất, sản lượng cây trồng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhất là trong thời kỳ giáp hạt; lương thực mất cân đối chưa có biện pháp giải quyết; đời sống cán bộ công nhân viên chức và những người hưởng lương cũng gặp rất nhiều khó khăn; tiêu cực xã hội có chiều hướng ngày càng gia tăng,...

Ngày 5-4-1988 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 10/NQ-TW "Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" nhằm khắc phục những trì trệ diễn ra trong nông nghiệp, đưa nông nghiệp giành những thắng lợi cao hơn nữa. Như vậy, có thể nói đây là Nghị quyết mở đường cho sự phát triển nông thôn - nông nghiệp theo cơ chế khoán mới. Theo đó người sản xuất được hưởng trung bình khoảng từ 35 - 40% sản lượng khoán, bộ máy quản lý được tinh giản, hạn chế nhiều tiêu cực do cơ chế cũ tạo ra. Nghị quyết 10/NQ-TW của Bộ Chính trị là sự phát triển cụ thể tiếp nối những nội dung đường lối đổi mới của đại hội Đảng lần thứ VI vào lĩnh vực nông nghiệp. Đường lối đổi mới trong quản lý kinh tế nông nghiệp của Đảng là hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan, hợp lòng dân và đáp

ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp.

Sau khi Nghị quyết 10/NQ-TW của Bộ Chính trị ra đời, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo các hợp tác xã phổ biến và quán triệt nội dung cần đổi mới, thông báo cho xã viên biết quyết định của Đảng, Nhà nước về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài để có thời gian đầu tư thâm canh, đẩy mạnh sản xuất. Các hợp tác xã cần động viên khuyến khích các hộ xã viên mua sắm tư liệu sản xuất để phát triển kinh tế gia đình, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Đồng thời Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện cũng đã hướng dẫn các hợp tác xã chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa...

Trên cơ sở Nghị quyết 10, các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Tỉnh ủy, Đại hội Đảng bộ Phổ Yên lần thứ 23 (20/4/1989) đã đề ra các chủ trương biện pháp phát triển kinh tế - xã hội thể hiện tinh thần đổi mới, mạnh dạn tìm tòi sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế địa phương, giải quyết những vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa có tính định hướng lâu dài. Đại hội đã xác định phương hướng cơ bản là: tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng nhằm xây dựng Phổ Yên thành huyện có cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp theo 3 chương trình kinh tế lớn là lương

thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, trong đó coi lương thực là khâu quyết định; phấn đấu cao nhất để giải quyết việc làm cho người lao động; làm chuyển biến một bước tình hình kinh tế - xã hội, tiến tới ổn định và dần dần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng, làm tốt công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Từ cuối năm 1988, đầu năm 1989 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phổ Yên đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh ủy, triển khai đồng loạt công tác khoán. Sau một năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết, trong đó khẳng định huyện đã tổ chức tốt công tác thực hiện Nghị quyết khoán sản phẩm theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, thực tế 100% hợp tác xã nông nghiệp ở Phổ Yên đã triển khai thực hiện cơ chế khoán mới, giải phóng năng lực sản xuất của người lao động, thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp cho thấy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy là hết sức to lớn và cho cả những năm tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế trong

quản lý nông nghiệp, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo thực hiện củng cố quan hệ sản xuất, điều chỉnh quy mô một số hợp tác xã cho phù hợp với sản xuất; tiến hành rà soát lại diện tích và phân hạng đất đai, trên cơ sở đó bố trí lại sản xuất và bố trí lại lao động, đưa một số lao động giỏi ngành nghề sang sản xuất lâm nghiệp và thủ công nghiệp, điều chỉnh năng suất khoán, xây dựng đơn giá khoán,... Kết quả là ở nhiều nơi hợp tác xã đã tổ chức tốt lao động dịch vụ như giống, bảo vệ thực vật, thủy nông và bảo vệ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,.. đồng thời sử dụng tốt tài sản cố định, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã. Biên chế bộ máy từ hợp tác xã xuống đến các đội sản xuất được kiện toàn theo hướng tinh giản (khoảng 40-50%).

Quán triệt tư tưởng "Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị để tạo ra bước chuyển biến quan trọng trong sản xuất nông nghiệp", huyện cũng đã chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện và phát huy hiệu quả của các công trình tưới tiêu, đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình còn dở như đập Bến Đông (Phước Thuận), đập Gành Chè (Bình Sơn), xây dựng trạm bơm tưới vùng Cao Vương (Tiên Phong); tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật cho nông nghiệp, gắn

trách nhiệm của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp với cơ sở hợp tác xã; tập trung các điều kiện vật chất, kỹ thuật dịch vụ để dự trữ phân bón, thuốc trừ sâu; bố trí lại cơ cấu cây trồng hợp lý, kết hợp với cuộc cách mạng về giống lúa, mầu; quy hoạch lại khu dân cư nhằm làm tốt công tác quản lý đất đai...

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 23, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đã tạo ra được những chuyển biến bước đầu trên các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng.

Trên mặt trận nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân huyện Phổ Yên đã có nhiều nỗ lực để thực hiện 3 chương trình kinh tế. Về chương trình lương thực thực phẩm, huyện đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật (với tổng số vốn là 1,2 tỷ đồng, tăng gấp 8 lần so với nhiệm kỳ trước), tập trung vào các công trình thủy lợi trong điểm như đập Ghềnh Chè, đập Bến Đông, các hồ chứa nước, các trạm bơm tiêu úng,... nhờ đó diện tích tưới tiêu của Phổ Yên tăng 1025 ha (chủ yếu ở các xã vùng 3), tiêu úng được 900 ha cho các xã vùng 1 và 2. Để phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện, xóa bỏ thể độc canh cây lúa, huyện đã chủ trương đẩy mạnh thâm

canh tăng năng suất cây trồng bằng việc tăng lên 3 vụ sản xuất chính trong một năm. Do đó, tổng diện tích gieo trồng tăng 4,5%, trong đó nhóm cây lương thực tăng 3,2%, cây thực phẩm tăng 0,6%. Tổng sản lượng lương thực đạt 91,1% so với mục tiêu đề ra.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Đảng bộ Phổ Yên trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nên tổng giá trị thu nhập quốc dân tăng, đời sống của nhân dân cơ bản được ổn định. Cùng với việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế trong quản lý nông nghiệp, Huyện ủy Phổ Yên đã tích cực chỉ đạo thực hiện củng cố quan hệ sản xuất, điều chỉnh một số quy mô hợp tác xã cho phù hợp. Nhờ đó, phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp ở Phổ Yên đi vào ổn định, khai thác được tiềm năng lao động và hiệu quả sử dụng đất cao, các diện tích ao hồ, đầm bãi, đất trống đồi trọc đều đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả, không để tình trạng đất bị hoang hóa.

Về chăn nuôi, hình thức chủ yếu là phát triển trong các hộ gia đình xã viên, sản lượng đàn trâu bò tăng khoảng 9,3%, bình quân mỗi hộ có 1 con trâu bò để cày kéo; đàn lợn tăng 14,6% (trong năm

1989-1990), sản lượng thịt hàng năm đạt từ 2000 đến 2200 tấn, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực phẩm trên thị trường.

Về lâm nghiệp, đã đẩy nhanh được tiến độ trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc. Trong 2 năm 1989-1990, toàn huyện đã trồng được 1523 ha rừng, tăng 20,3 lần so với nhiệm kỳ trước (trong đó có 1135 ha được trồng theo chương trình PAM).

Song song với sản xuất nông nghiệp là mũi nhọn hàng đầu trong cơ cấu kinh tế, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương cũng được giữ vững và ổn định, bước đầu có sự chuyển đổi theo cơ cấu mới. Từ cuối năm 1989 trở đi, về cơ bản các xí nghiệp quốc doanh đã xóa bỏ được tình trạng bao cấp vốn, nợ ngân hàng giảm, vốn tự có tăng lên, doanh số bán ra của các xí nghiệp địa phương đạt 5.420 triệu đồng. Các xí nghiệp trung ương đã thực hiện chế độ hạch toán phân xưởng và các bộ phận, tạo thêm nguồn vật tư và thị trường tiêu thụ. Do ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên đến cuối năm 1990 sản xuất đã đi vào ổn định, mức lương bình quân của nhiều xí nghiệp đạt từ 80 - 100 nghìn đồng/người/tháng. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, các thành phần kinh tế tư nhân và hộ gia đình khá phát triển, đặc biệt là các ngành nghề sản xuất cát sỏi, gạch ngói, đồ mộc dân dụng, sửa

chứa lấp ráp;.. Những thành phần kinh tế này đã góp phần làm gia tăng giá trị sản lượng thủ công nghiệp của địa phương.

Cùng với các chương trình đẩy mạnh phát triển kinh tế theo cơ cấu nông - lâm - công nghiệp, chương trình điện - đường - trường - trạm trên địa bàn huyện Phổ Yên cũng được triển khai rộng và có hiệu quả; đã huy động được mọi nguồn vốn từ Trung ương, tỉnh, các cơ quan đóng trên địa bàn, nguồn vốn đóng góp trong nhân dân. Vì vậy, trong 2 năm (1989-1990) tổng số vốn đầu tư tăng gấp 3 lần so với nhiệm kỳ trước. Nhờ biết huy động nhiều nguồn vốn để đầu tư vào các công trình trọng tâm và làm dứt điểm, nên đã sớm đưa vào sử dụng được nhiều công trình phục vụ sản xuất. Ngoài việc huy động các vốn phục vụ sản xuất, huyện cũng đã huy động được các nguồn vốn để tu sửa và làm mới các công trình phúc lợi công cộng, giáo dục, y tế, điện thắp sáng phục vụ nhân dân làm cho bộ mặt xã hội ở nông thôn có nhiều đổi thay.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có những chuyển biến tích cực. Ngành giáo dục đã thường xuyên duy trì được số học sinh lên lớp và củng cố được cơ sở vật chất cho dạy và học; đã thực hiện được chủ trương giáo dục xóa mù và phổ cập hết cấp 1 theo chuẩn quốc gia. Ngoài chế độ chính sách chung của

Nhà nước, huyện đã có chính sách riêng để khuyến khích, động viên giáo viên trong điều kiện đời sống gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là có chế độ đãi ngộ riêng đối với những giáo viên đi dạy ở miền núi; ở tất cả các xã, do được tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, giáo viên ngành giáo dục đã duy trì được số học sinh lên lớp, đã hoàn thành công tác xóa mù chữ và phổ cập tiểu học theo chuẩn quốc gia.

Hệ thống y tế cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực về cơ sở vật chất, về thuốc men và khám chữa bệnh. Số người khám và chữa bệnh ở các trạm y tế xã đã tăng lên. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai rộng rãi, việc tiêm chủng được thực hiện thường xuyên; chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai sâu rộng, do vậy trong các năm 1989-1990 tỷ lệ sinh giảm từ 2,5% xuống còn 2%.

Có thể nói, cơ chế chính sách mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội trên quê hương Phổ Yên có sự chuyển biến hết sức to lớn, vì vậy đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện cơ bản được cải thiện và từng bước được nâng cao, bộ mặt xã hội ở nông thôn thực sự đã có nhiều tiến bộ.

Quán triệt chủ trương của Đảng về công tác quốc

phòng toàn dân, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo toàn dân thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, theo phương châm kết hợp quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng huyện ngày càng vững mạnh.

Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, các nhiệm kỳ qua Đảng bộ đã thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục, rèn luyện tư tưởng cho đội ngũ đảng viên. Kết quả là chất lượng đội ngũ đảng viên ngày càng được nâng lên, phần lớn đảng viên gương mẫu và giữ được phẩm chất, uy tín trước quần chúng. Về tổ chức cơ sở, Đảng bộ đã kịp thời củng cố kiện toàn những cơ sở Đảng yếu kém, bổ sung những đồng chí có đủ năng lực, phẩm chất chính trị vào cấp ủy Đảng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Qua hai năm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng (1989-1990), nhìn chung các tổ chức cơ sở Đảng đã phát huy được vai trò, vị trí lãnh đạo ở cơ sở. Kết quả phân loại 43 cơ sở cho thấy có tới 18 cơ sở đạt vững mạnh trong sạch, 20 cơ sở khá, chỉ có 5 cơ sở thuộc diện yếu kém. Công tác kiểm tra Đảng nhiệm kỳ qua cũng đã có nhiều cố gắng, kiểm tra được 7.315 lượt đảng viên chấp hành điều lệ, xử lý 75 đảng viên vi phạm kỷ luật

Đảng, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại của đảng viên,... nhờ đó, đã góp phần củng cố và làm trong sạch đội ngũ đảng viên.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ" hoạt động có hiệu quả hơn. Bộ máy quản lý Nhà nước từ năm 1989 trở đi đã được kiện toàn, thống nhất theo Luật Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân đã được đổi mới về nội dung và hình thức hoạt động nên bước đầu đã phát huy được hiệu quả trong các kỳ họp, trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện. Ủy ban nhân dân các cấp cũng đã có nhiều cải tiến trong lề lối làm việc, quản lý và điều hành; trong từng thời kỳ đã tập trung chỉ đạo công việc có trọng tâm, trọng điểm nên đã phát huy được trí tuệ tập thể và cá nhân phụ trách, tạo chuyển biến tốt trên nhiều lĩnh vực.

Trên cơ sở các nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhiều phong trào quần chúng nhân dân mang nội dung kinh tế, văn hóa, xã hội thực sự trở thành phong trào cách mạng rộng lớn như: Hội phụ lão có phong trào "Quỹ thọ", Hội phụ nữ có phong trào "Mẹ đảm con ngoan", "Phụ nữ giúp nhau làm

kinh tế gia đình", "Nông dân giúp nhau làm kinh tế",...

Có thể nói, những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phổ Yên đã đạt được trong thời gian qua là nhờ có sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền cấp trên và sự chủ động tích cực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, nét nổi bật là sự đoàn kết nhất trí cao từ Thường vụ, Ban chấp hành đến các đảng viên trong Đảng bộ, đã kịp thời ra các nghị quyết, chủ trương sát với thực tế để thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Những thắng lợi quan trọng ban đầu trong thời kỳ đầu thực hiện công cuộc đổi mới đã thực sự để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên tiến lên giành những thắng lợi cao hơn trong giai đoạn tiếp theo. Đó là:

- Công tác lãnh đạo phải toàn diện, sát thực, kịp thời, thường xuyên.

- Phải biết chủ động, sáng tạo vận dụng những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tế của địa phương, khắc phục tư tưởng chủ quan dập khuôn máy móc.

- Giữ vững kỷ cương kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Kết hợp việc chỉnh đốn Đảng với việc xây dựng đội ngũ cán bộ đúng người đúng việc, coi trọng

năng lực và phẩm chất để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết đại hội lần thứ VII của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, Đại hội lần thứ 24 của Đảng bộ huyện Phổ Yên (11-1991) đã tập trung đánh giá những thắng lợi đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, nhìn lại những mặt còn yếu kém, thiếu sót, và rút ra những bài học kinh nghiệm, Đại hội còn tập trung thảo luận, phân tích về định hướng phát triển kinh tế, quản lý kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, xây dựng Đảng,... Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới (1991 - 1995) là ổn định và phát triển các mặt kinh tế - xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; giữ vững và ổn định tình hình chính trị; thực hiện việc chỉnh đốn Đảng với việc nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Mục tiêu cụ thể là:

- Ổn định phát triển sản xuất, tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phấn đấu đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc đến năm 1995 đạt 34.000 tấn, tăng bình quân hàng năm là 3%; tiếp tục giữ vững và phát triển đàn gia súc hiện có, đến



Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong (Phổ Yên)



năm 1995 đưa đàn trâu bò lên 18.000 con tăng 1,5% so với năm 1990, đàn lợn tăng 2%, sản lượng thịt tăng 26.000 tấn tăng bình quân năm là 3%.

- Cơ cấu vùng kinh tế, trong 5 năm tới (1991-1995) phấn đấu đưa Phổ Yên trở thành huyện có cơ cấu kinh tế hàng hóa Nông - Lâm - Công nghiệp chế biến và dịch vụ, đến năm 1995, cố gắng đưa tổng thu nhập kinh tế quốc dân bình quân đầu người trong năm đạt khoảng từ 1.000.000 đến 1.200.000 đồng.

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại lao động ở các đơn vị kinh tế quốc doanh, không ngừng đổi mới công tác quản lý kinh doanh, nâng cao hiệu quả và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, củng cố kinh tế tập thể, phát huy tiềm năng kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình.

- Hướng sản xuất thủ công nghiệp địa phương vào những thị trường và trung tâm bán buôn, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Phấn đấu đưa tổng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương bình quân mỗi năm là 4%.

- Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất, gia công chế biến các sản phẩm xuất khẩu, chú ý khai thác thị trường trong và ngoài nước đảm bảo việc thu mua các mặt

hàng nông - lâm sản cho nông dân, phấn đấu đến năm 1995 đưa giá trị xuất khẩu bình quân đầu người đạt 10 đô la.

- Về xây dựng cơ bản, mục tiêu trong 5 năm tới cố gắng đưa đường điện về đến các xã, thị trấn đạt 80% và 50% số hộ có điện dùng; tiếp tục hoàn thiện, quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng một số vùng trọng điểm thành những trung tâm dịch vụ chế biến nông - lâm sản; đầu tư xây dựng các cơ sở phúc lợi công cộng như trạm y tế xã, trường học, hệ thống đường giao thông nông thôn, đường liên xã, liên thôn,

- Tạo sự chuyển biến về văn hóa - xã hội trên cơ sở sản xuất phát triển, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, giảm xuống mức thấp nhất số hộ nghèo, cải thiện các điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phấn đấu đến năm 1995 giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 2%. Tiếp tục chương trình phổ cập giáo dục cấp I và xóa mù chữ cho nhân dân trong toàn huyện; xây dựng nếp sống văn hóa mới, phát huy dân chủ trong xây dựng nền văn hóa mới và nếp sống văn minh, gia đình hạnh phúc,...

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động

của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Ngay sau Đại hội Đảng bộ lần thứ 24, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên tiếp tục triển khai sâu rộng việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tiến lên một bước. Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện ủy với chức năng chỉ đạo các phong trào cách mạng địa phương đã tập trung trí tuệ, vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn địa phương thông qua các Nghị quyết, các chương trình hành động cụ thể như: Nghị quyết 03 về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, Nghị quyết 05 về phát triển giao thông nông thôn, Nghị quyết về tăng cường chỉ đạo thu ngân sách, các chương trình kế hoạch hành động thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên về xóa đói giảm nghèo, về công tác thanh niên, giáo dục, y tế,...

Qua hơn 2 năm (1991 - 1993) triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 24 và các Nghị quyết chuyên đề, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện đã không ngừng phấn đấu, tranh thủ cơ hội và thuận lợi, khắc phục những khó khăn,

từng bước đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn, tập trung khai thác mọi tiềm năng sẵn có để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Kết quả nổi bật là sản xuất lương thực đã đạt được mức cao nhất từ trước đến nay. Nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất lúa bình quân đạt sản lượng tương đối cao, năm 1993 đạt 29,62 tạ/ha, cá biệt có nơi đạt 40 - 50 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực tính đến năm 1993 là 32.910 tấn, đạt 96,8% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ 24 đề ra. Kết quả đó đã góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nông thôn, đẩy lùi được tình trạng thiếu lương thực vốn kéo dài trong suốt nhiều năm qua.

Cùng với sự đi lên của sản xuất lương thực, các loại cây công nghiệp, rau màu cũng được phát triển khá đa dạng, nhiều vùng đã từng bước chuyển sang hướng trồng những cây có giá trị kinh tế cao và từng bước thích ứng với cơ chế thị trường. Đặc biệt các cấp, các ngành đã chủ động bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý bằng việc đưa vụ đông xuân lên thành vụ sản xuất chính, những vùng không chủ động được nước tưới tiêu đã từng bước chuyển hướng sang trồng loại cây khác bảo đảm giá trị và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm phát triển tốt,

các loại hình chăn nuôi phát triển đa dạng, sản lượng lợn hơi xuất chuồng hàng năm đạt 2.200 tấn, đàn trâu bò tăng 21% so với mục tiêu đặt ra.

Thực hiện Nghị quyết 06 của Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Huyện ủy về đổi mới cơ chế trong quản lý nông nghiệp, huyện đã kiện toàn và điều chỉnh quy mô một số hợp tác xã. Tính đến cuối năm 1992, toàn huyện có 91 hợp tác xã, đã kiện toàn tổ chức mới được 52 hợp tác xã, 23 hợp tác xã bảo lưu nhiệm kỳ, 16 hợp tác xã chưa được kiện toàn. Số lượng cán bộ trong Ban quản lý phổ biến từ 1 đến 3 người, có phân công kiêm nhiệm kế toán hoặc thủ kho, thủ quỹ; 50% số hợp tác xã mới được kiện toàn đã tích cực hoạt động điều hành quản lý và điều chỉnh đất đai, giao ổn định cho người nông dân theo đúng tinh thần Nghị quyết 03. Sau 2 năm triển khai, đến năm 1993 đã có hơn 90% hộ nông dân được giao đất lâu dài, ổn định tạo nguồn động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo nhân dân. Có thể nói, đây là chủ trương hết sức đúng, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, do vậy đã tạo ra được những điều kiện cần thiết cho sản xuất phát triển, khơi dậy được tinh thần tự chủ của hộ nông dân tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển, nhiều

điển hình về kinh tế đồi rừng, mô hình VAC xuất hiện.

Các doanh nghiệp nhà nước nhanh chóng ổn định được tổ chức, bước đầu đã tự chủ được vốn, vật tư, lao động. Nhiều đơn vị như nhà máy cơ khí Phổ Yên, lâm trường Phúc Tân, trại ngựa Bá Vân,.. đã sắp xếp lại được số lao động dôi dư trở lại làm việc. Mức lưu chuyển hàng hóa bình quân mỗi năm đạt trên 7 tỷ đồng. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh ở các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Nhiều mặt hàng truyền thống đã đổi mới được quy mô sản xuất, mức thu nhập của những hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp bình quân cao hơn từ 2 - 3 lần so với các hộ sản xuất nông nghiệp. Giá trị tổng sản lượng bình quân 3 năm của tiểu thủ công nghiệp đạt 1.423 triệu đồng.

Xây dựng cơ bản được chú trọng, tổng số vốn đầu tư trong 3 năm là 13,5 tỷ đồng (bình quân mỗi năm trên 4 tỷ đồng), trong đó ngân sách địa phương hàng năm chiếm từ 20 - 25%. Tính đến năm 1993, huyện đã đầu tư 17 hạng mục công trình thủy lợi, 3 đường điện cao thế, 11 trạm hạ thế, 80% số xã thị trấn có điện về trung tâm, 50% hộ có điện phục vụ sản xuất, hoàn thành mục tiêu Đại hội đặt ra.

Sau những năm thực hiện công cuộc đổi mới,

thương mại dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh, các hoạt động kinh doanh đến năm 1993 đều tăng gấp hai, ba lần so với năm 1991. Công tác tài chính tiền tệ bước đầu lập lại được trật tự, gây được lòng tin trong xã hội và nhân dân. Vì vậy, kết quả thu tăng bình quân 15% năm, riêng năm 1993 thu tăng 1,4 lần so với năm 1991, bảo đảm cho các nhu cầu chi tiêu.

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã tập trung đẩy mạnh cuộc vận động xóa đói giảm nghèo, quan tâm chăm sóc tới các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Kết quả là đã đẩy lùi được nạn thiếu đói trong các kỳ giáp hạt, đưa các hộ trung bình và khá lên trên 80%, giảm được các hộ nghèo xuống dưới 20%, nhờ vậy đã cải thiện được một bước quan trọng trong đời sống nhân dân. Có thể nói, chủ trương xóa đói giảm nghèo của Đảng bộ huyện đã đi vào thực tế và trở thành mục tiêu quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

Công tác giáo dục đào tạo có những tiến bộ vượt bậc đã hoàn thành chương trình phổ cập cấp I và xóa mù theo tiêu chuẩn quốc gia. Số học sinh đến lớp ngày một tăng. Hệ thống trường chuyên, lớp chọn được mở rộng hơn trước. Cơ sở cho dạy và học

được củng cố và ngày càng hoàn thiện. Các trường chuyên nghiệp đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, do vậy kết quả là học sinh ra trường đều có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu và hiệu quả công tác.

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm cả về việc củng cố cơ sở vật chất và cả về chuyên môn. Vì vậy, chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân tăng gấp 2 lần so với chỉ tiêu, 3 năm liền hoàn thành các chương trình y tế quốc gia, tốc độ phát triển dân số năm 1993 giảm xuống còn 2,15% (năm 1991 là 2,3%).

Các hoạt động văn hóa thông tin đã bám sát nhiệm vụ chính trị để tuyên truyền đường lối chính sách và các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước. Bước đầu đã đưa công tác quản lý trên các lĩnh vực văn hóa phẩm, lối sống, nếp sống, các hủ tục lạc hậu đạt kết quả.

Phong trào an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội luôn được duy trì với quy mô và hình thức phù hợp, là huyện 3 năm liền hoàn thành kế hoạch động viên thanh niên tham gia nhập ngũ, giữ vững được an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, xử lý nghiêm các vụ vi phạm pháp luật.

Trong hơn 2 năm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3, Đảng bộ Phổ Yên đã tập trung lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chăm lo công tác tuyên truyền giáo dục; tổ chức quán triệt các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5 và hướng dẫn cho các Đảng bộ, Chi bộ xây dựng chương trình hành động tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ; tăng cường nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý kinh tế - xã hội trong cơ chế thị trường cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, coi đây là công tác quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ. Thông qua chỉ đạo thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ Phổ Yên đã trở thành đảng bộ mạnh về chất lượng. Qua kết quả phân loại đảng viên cho thấy, số đảng viên đạt tiêu chuẩn loại 1 chiếm 59,63%, loại 2 chiếm 35,04%, loại 3 chiếm 4,15%, loại 4 chiếm 0,89%; năm 1993 số tổ chức cơ sở Đảng yếu kém chỉ còn 6%, diện vững mạnh đạt 50%, công tác phát triển Đảng trong hơn 2 năm đã kết nạp được 82 đảng viên mới.

Để tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện giữa nhiệm kỳ, các Đảng bộ, chi bộ cơ sở đã tiến hành Đại hội Đảng nhiệm kỳ cấp cơ sở, qua đó kiện toàn, đổi mới một bước cấp ủy Đảng bộ cơ sở theo quy hoạch, trẻ hóa đội ngũ cán bộ có năng lực nhằm

đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đồng thời tiếp tục thực hiện kế hoạch đổi mới chính đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3.

Trong không khí phấn khởi, trước những kết quả đáng khích lệ đã đạt được trên nhiều mặt của hơn 2 năm qua, để tiếp tục đưa công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tiến lên một bước mới, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tiến hành Đại hội đại biểu giữa nhiệm kỳ (28/3/1994). Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm công tác hoạt động qua hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 24, và khẳng định: *"Trong nửa nhiệm kỳ qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã phấn đấu thực hiện một bước rất quan trọng các nhiệm vụ chính trị của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 24. Góp phần củng cố lòng tin của đông đảo đảng viên và quần chúng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, tạo đà cho chúng ta phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh tế xã hội của Đại hội. Tuy vậy, khó khăn lớn nhất đối với Đảng bộ là sự phát triển không đều giữa các vùng kinh tế và các tầng lớp dân cư, công tác chính đốn và đổi mới Đảng chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của cơ chế quản lý mới"*.

Từ những kết quả đạt được, những điểm còn hạn chế và những nguyên nhân của những tồn tại, Đại

hội đã tổng kết và rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo là:

- Biết vận dụng linh hoạt các quan điểm đổi mới của Đảng sát đúng, kịp thời vào thực tiễn cụ thể của địa phương là động lực chủ yếu đưa đến thành công.

- Lãnh đạo, chỉ đạo phải đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động. Luôn nêu cao tinh thần nhất trí trong nội bộ Đảng đến quần chúng nhân dân, sự đoàn kết nhất trí thể hiện tập trung cao ở việc ra Nghị quyết và vận động nhân dân tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, quan tâm đến việc củng cố tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền đoàn thể làm cho các tổ chức này đáp ứng nhanh với yêu cầu nhiệm vụ.

- Phát huy trí tuệ, tiềm năng sẵn có của các thành phần kinh tế, khơi dậy truyền thống tự lực tự cường cần cù lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân lao động. Luôn lấy lợi ích của nhân dân để làm mục tiêu phấn đấu của Đảng.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong nửa đầu nhiệm kỳ qua, nhằm đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên quê hương Phổ Yên, đồng thời để thực hiện thắng lợi vượt mức

các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 24 đề ra, những năm cuối của nhiệm kỳ (1991 - 1995) Đại hội đã thảo luận sôi nổi và thống nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu như sau:

- Tăng trưởng kinh tế trên địa bàn 10 - 12% năm.
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1994 là 34.000 tấn; năm 1995 là 35.000 tấn trở lên.
- Tổng diện tích chè tăng lên 1.100 ha.
- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ 20 - 25%.
- Ngân sách thu tăng 5 - 10% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ sinh mỗi năm giảm 0,07%

Đồng thời Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ và một số giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển nông nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Bước đi của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm trước mắt là *"Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn, thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường ngày càng thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển"*.

Quán triệt các Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và

nhân dân các dân tộc Phổ Yên trong những năm 1994 - 1995 là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế vùng, tăng cường cơ sở vật chất hạ tầng, tập trung vào giao thông và xây dựng cơ bản, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Thành công của Đại hội đại biểu giữa nhiệm kỳ đã tạo ra được không khí phấn khởi, sâu rộng trong toàn Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên, góp phần củng cố niềm tin để nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, đến năm 1995 sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Phổ Yên đã có những chuyển biến rất to lớn và căn bản. Cơ cấu kinh tế được xác định từ Đại hội lần thứ 24 đã trở thành hiện thực sinh động, tốc độ tăng trưởng khá, nhiều chỉ tiêu đề ra đã thực hiện được và vượt kế hoạch; sản xuất đã có bước phát triển từ nền sản xuất tự cấp, tự túc đang chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, hội nhập với thị trường trong vùng, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện, nhất là về nhu cầu lương thực, thực phẩm, các hàng hóa dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Có thể nói, Đảng bộ và đồng bào các

dân tộc Phổ Yên đã từng bước khắc phục được những khó khăn trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

Trên mặt trận nông - lâm nghiệp, sản xuất phát triển ngày càng đa dạng, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi không ngừng được đổi mới và tiến bộ, năng suất sản lượng tăng nhanh. Nổi bật nhất là trên lĩnh vực sản xuất lương thực, toàn huyện đạt bình quân 31.000 tấn mỗi năm, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 12,7%. (tổng sản lượng lương thực năm 1994 đạt 35.137 tấn tăng 6,7% so với năm 1993, năm 1995 tăng 7,3% và bằng 103,3% kế hoạch). Đây là một kết quả rất đáng tự hào, bởi trong 5 năm của 2 nhiệm kỳ trước, bình quân mỗi năm toàn huyện chỉ sản xuất được 25 ngàn tấn lương thực, tốc độ tăng bình quân đạt chưa đầy 2% mỗi năm.

Thực hiện Nghị quyết 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VII, Đảng bộ Phổ Yên đã sớm triển khai chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phá thế độc canh cây lúa, thực hiện chủ trương tăng nhanh tỷ trọng sản xuất rau màu, cây công nghiệp, chăn nuôi và đẩy mạnh tổ chức khai thác thế mạnh

kinh tế đồi rừng. Kết quả là trong những năm này các loại rau màu, cây công nghiệp phát triển khá đa dạng, cơ cấu cây trồng chuyển dịch đúng hướng. Trong chăn nuôi, cơ cấu và chất lượng đàn gia súc, gia cầm tiếp tục có những bước tiến bộ mới, đàn gia súc gia cầm tăng bình quân mỗi năm từ 5 - 8%, tổng số đàn trâu tăng 2,9%, đàn bò tăng 4,2%, đàn lợn tăng 3,6%,...

Trước năm 1990, toàn huyện có 4.500 ha đất trống đồi núi trọc, sau 5 năm thực hiện dự án PAM, 2 năm thực hiện dự án 327 đã trồng mới được 3.500 ha rừng, đến năm 1995 toàn huyện đã có trên 1.000 ha chè, tăng 2,4 lần so với năm 1991. Về cây ăn quả quy mô tuy còn hạn chế, nhưng mô hình phát triển tổng hợp như vườn ao chuồng, mô hình kinh tế nông lâm kết hợp đã và đang mở ra hướng làm giàu ngày càng vững chắc, phong trào cải tạo vườn tạp trồng cây ăn quả, cây đặc sản cũng từng bước được mở rộng, công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên môi trường không ngừng được chăm lo phát triển.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại du lịch dần đi vào ổn định và tiếp tục có bước phát triển, vượt qua được những khó khăn của thời kỳ đầu chuyển sang cơ chế mới, thích ứng dần với cơ chế thị trường. Giá

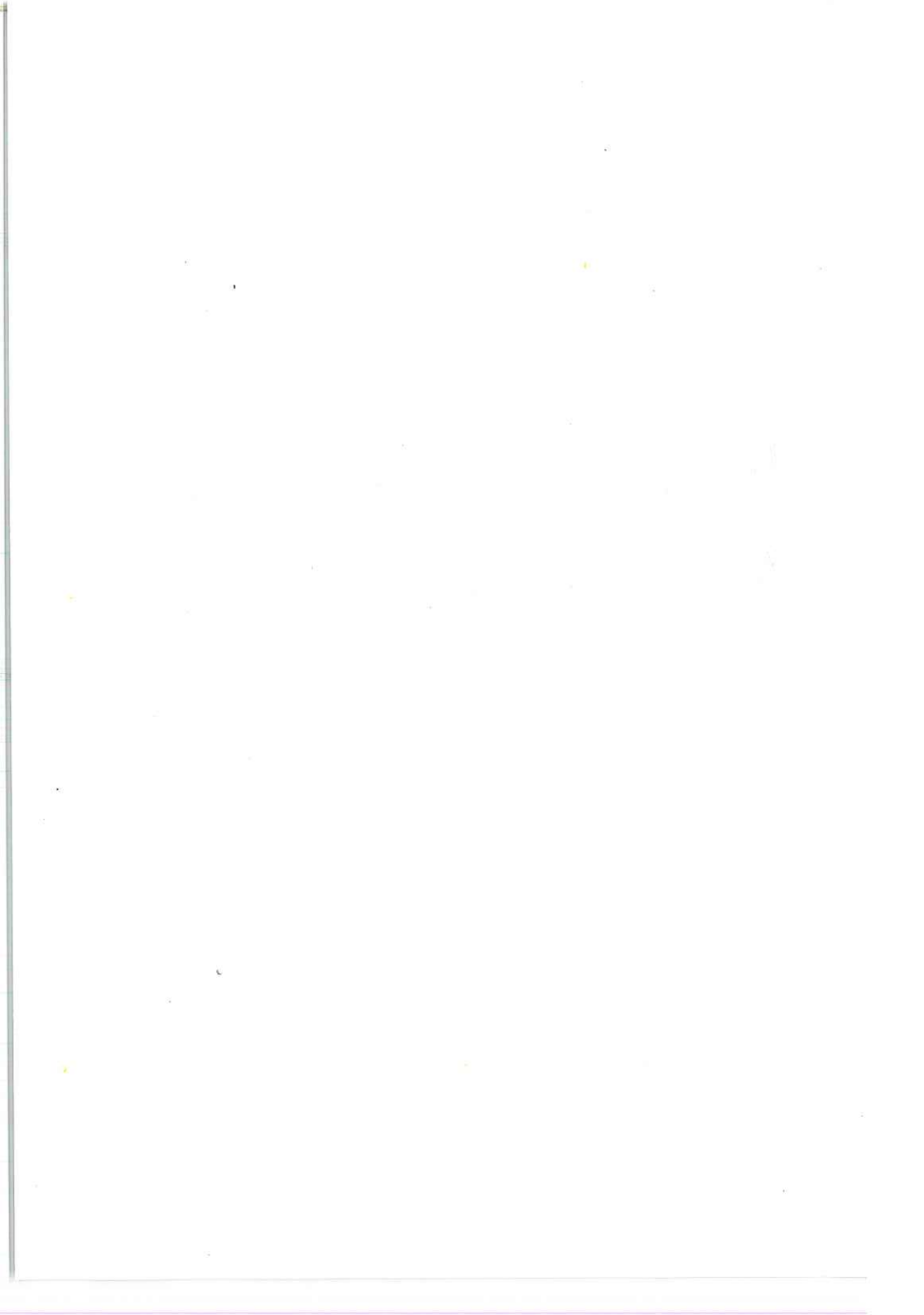
trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp địa phương năm 1994 tăng 20,7% so với năm 1993, năm 1995 đạt 116% kế hoạch; mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng khoảng 24%; một số ngành nghề truyền thống phát triển tương đối nhanh như chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác cát sỏi... Tính đến năm 1995, tổng giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp tăng 1,8 lần so với năm 1991, mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ tăng 2 lần, số hộ đăng ký kinh doanh công thương nghiệp tăng bình quân mỗi năm trên 20%, quy mô sản xuất kinh doanh công thương nghiệp phát triển khá mạnh ở các trung tâm, các thị trấn, thị tứ góp phần tăng nhanh đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và kết cấu hạ tầng đã tranh thủ được các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, các thành phần xã hội và huy động mọi nguồn vốn trong nhân dân để tập trung xây dựng và cải tạo một số công trình về giao thông, thủy lợi, trạm xá, trường học,... Nổi bật là đã thực hiện đầu tư 14 tỷ đồng để phát triển thủy lợi, xây dựng 8 công trình và hạng mục công trình chủ yếu góp phần tăng thêm 20% năng lực tưới tiêu, đáp ứng yêu cầu ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống của nhân dân.

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục có những phát triển



Cầu Đầm tạo điều kiện thuận lợi về giao thông, phát triển kinh tế - xã hội vùng phía tây của huyện Phổ Yên



mới. Các mô hình giáo dục, đào tạo đã và đang được mở ra nhằm đáp ứng một phần nào đó nhiệm vụ, yêu cầu về đổi mới và phát triển. Bình quân mỗi năm, huyện đã huy động trên 1 tỷ đồng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa trường, lớp học và mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học. Từ năm 1991 đến nay Phổ Yên liên tục là huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đánh giá những thành tích đã đạt được trong 5 năm 1991 - 1995, Đại hội ngành giáo dục đã khẳng định: giáo dục huyện nhà đã góp phần tạo bước chuyển biến cả về nhận thức và trách nhiệm trong các cấp, các ngành, của toàn Đảng toàn dân chăm lo đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới.

Lĩnh vực văn hóa, y tế, tiếp tục được đẩy mạnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 của Đảng. Mạng lưới y tế từ cơ sở đến huyện từng bước được kiện toàn và phát triển. Có thể nói, những năm qua Đảng bộ đã luôn quan tâm đến phát triển y tế, tập trung triển khai nhiều chương trình hành động về chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Do đó, trung tâm y tế huyện không ngừng được củng cố cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ chuyên môn, 5 năm liền Phổ Yên luôn hoàn thành

toàn diện các chương trình y tế quốc gia, hạn chế và đi đến xóa bỏ một số loại bệnh dịch. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình ngày càng tiến bộ, sau 5 năm đã giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,3% năm 1991 xuống 2% vào năm 1995, bình quân mỗi năm giảm 0,06% đạt 90% mục tiêu đại hội 24 đề ra. Công tác văn hóa thông tin đã tập trung đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền đưa thông tin xuống cơ sở, củng cố và chấn chỉnh được một bước công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa; đẩy mạnh được các phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, đi đôi với bài trừ các tập tục lạc hậu. Có thể nói, nhờ được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền phong trào văn hóa văn nghệ và thể thao luôn được quan tâm, do vậy hoạt động có chất lượng góp phần vào việc hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện đề ra.

Công tác quốc phòng có nhiều tiến bộ, 5 năm liền Phổ Yên luôn hoàn thành các chỉ tiêu động viên tuyển quân. Công tác huấn luyện, tuyển quân, đặc biệt là công tác diễn tập phòng thủ, phòng chống gây rối bạo loạn được tổ chức thực hiện tốt đã góp phần giữ gìn bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Để góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, Ban Chấp hành Huyện uỷ đã ra Nghị quyết chuyên đề về chống tệ nạn xã hội đồng thời với

việc thi hành nghiêm chỉnh Nghị định 36 và Chỉ thị 37 của Chính phủ.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được đổi mới và đã chú trọng lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức và công tác kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3. Về công tác tư tưởng đã tập trung giải quyết nhiệm vụ tuyên truyền về kết quả và nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội đại biểu giữa nhiệm kỳ, và đại hội cơ sở Đảng, tổ chức quán triệt học tập trong toàn bộ Đảng bộ Nghị quyết Trung ương 7 về phát triển công nghiệp công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Những kết quả đó đã góp phần nâng cao được nhận thức cho cán bộ, đảng viên, củng cố khối đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân. Nhân dân vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới đất nước. Công tác tổ chức xây dựng Đảng đã tập trung kiện toàn được bộ máy hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng. Nổi bật là năm 1995, cùng với việc thực hiện Chỉ thị 51 của Trung ương về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, 57 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện đã tiến hành Đại hội thành công và đã kiện toàn được cấp ủy. Qua Đại hội chất lượng cấp ủy của các Chi, Đảng bộ được nâng lên; số lượng cấp ủy tăng lên

46 đồng chí, số tham gia cấp ủy trực tiếp sản xuất tăng hơn khóa trước 71 đồng chí, tuổi đời bình quân của cấp ủy cơ sở giảm 1 tuổi, trình độ khoa học kỹ thuật và chuyên môn tăng lên 2,5%... Công tác phát triển đảng viên mới cũng được chú trọng, nhiều cơ sở làm tốt công tác phát triển Đảng như Đảng bộ xã Đông Cao, Hồng Tiến, Chi bộ Công an huyện... Năm 1995 toàn huyện kết nạp được 98 đảng viên mới, tăng 1,63 lần so với năm 1994.

Công tác chính quyền đã tập trung điều chỉnh, sắp xếp và kiện toàn bộ máy các phòng ban, cơ quan chuyên môn, bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ có trình độ và năng lực chuyên môn. Công tác củng cố chính quyền cơ sở cũng được tập trung xây dựng và kiện toàn. Đội ngũ trưởng thôn, trưởng bản được bố trí lồng ghép giữa các chức danh nhằm bảo đảm phát huy tốt hiệu quả hoạt động.

Cùng với việc củng cố, nâng cao vai trò và hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, Đảng bộ cũng đã kịp thời đổi mới và tăng cường công tác quần chúng, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể trong việc quán triệt và thực hiện các Nghị quyết của cấp trên. Do vậy, công tác đoàn thể trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến trên các mặt

củng cố tổ chức, kiện toàn bộ máy và đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Bên cạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục quần chúng dưới nhiều hình thức như các hội thi, hội diễn, nhất là trong các dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn như kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2, 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và các ngày truyền thống... Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có nhiều hình thức tổ chức vận động quần chúng tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền...

Có thể khẳng định, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Phổ Yên đã giành được nhiều kết quả ở tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội. Có được kết quả đó là do có sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo chặt chẽ của chính quyền địa phương, sự phối hợp của mặt trận và các đoàn thể xã hội, sự cố gắng nỗ lực của nhân dân. Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đạt được những năm qua đã góp phần vào thành tựu chung có ý nghĩa hàng đầu của đất nước là đã khắc phục một bước tình trạng khủng hoảng

kinh tế - xã hội kéo dài suốt nhiều năm, tạo ra được những tiền đề vững chắc cùng cả nước bước sang một thời kỳ cách mạng mới - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. XÂY DỰNG PHỔ YÊN TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Với những thành tựu đã đạt được trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội bước sang thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối đổi mới của Đảng, từ cuối năm 1995, toàn Đảng bộ đã tổ chức học tập một cách nghiêm túc, sâu rộng các chuyên đề về quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng nhằm chuẩn bị về nhận thức và tư tưởng tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Với tinh thần đó, đầu năm 1996 các Đảng bộ cơ sở đã sôi nổi tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và các văn kiện của Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng bộ huyện.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương

và Tỉnh ủy, Đại hội lần thứ 25 của Đảng bộ Phổ Yên được tiến hành (1-1996). Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 24, Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ đã khẳng định: "Dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Phổ Yên đã không ngừng phấn đấu, khắc phục khó khăn, nỗ lực vươn lên hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra, đẩy nhanh tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, tạo thế ổn định và đi lên ngày càng vững chắc". Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thắng lợi là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhất là các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã cụ thể hóa và phát triển đường lối đổi mới trên nhiều lĩnh vực; nhờ có được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của các cấp, các ngành trong tỉnh; và nhờ sự nỗ lực cố gắng trong việc quán triệt và vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là việc ra được các nghị quyết chuyên đề, các chương trình hành động cụ thể, sát hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Đại hội cũng đã tổng kết và đúc rút ra một số

bài học kinh nghiệm là, phải quán triệt và vận dụng sáng tạo các chủ trương nghị quyết của Trung ương, của tỉnh để đề ra các nghị quyết chuyên đề, các chương trình hành động cụ thể, sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương nhằm khai thác được mọi tiềm năng, nhất là tiềm năng kinh tế; mỗi cấp ủy Đảng và từng cán bộ chủ chốt các cấp phải nêu cao vai trò chủ động sáng tạo, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại và thói quen bao cấp; chăm lo công tác xây dựng Đảng, làm tốt công tác cán bộ, bố trí và phân công đúng người, đúng việc; cấp ủy không ngừng đổi mới và tăng cường công tác quần chúng, mở rộng và phát huy quyền dân chủ, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng phát triển.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, từ những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm được rút ra, Đại hội lần thứ 25 của Đảng bộ Phổ Yên đã xác định mục tiêu tổng quát trong những năm tới là: "Phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách để tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế xã hội, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, gắn tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân".

Để thực hiện mục tiêu tổng quát trên, Đại hội đã đề ra một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 9%, trong đó nông lâm nghiệp tăng 5%, công nghiệp - xây dựng tăng 15%, thương mại - dịch vụ tăng 16%.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 45 ngàn tấn.

- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương tăng 3 lần so với năm 1995.

- Phấn đấu vượt chỉ tiêu ngân sách trên giao 10% năm.

- Ổn định tốc độ phát triển dân số 1,8% năm và không còn người sinh con thứ 3.

Trước mắt, Đại hội đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế như: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển đa dạng sản xuất nông - lâm nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng sản xuất hàng hóa; phát huy mọi nguồn lực tập trung thúc đẩy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương; phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ, đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất và đời sống; tập trung giải quyết tốt các nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đại hội cũng đã chủ trương, trong những năm

đổi mới căn quán triệt quan điểm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phấn đấu thực hiện toàn bộ các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, phát huy bồi dưỡng nguồn lực trong chiến lược phát triển con người; phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục; đẩy mạnh cuộc vận động xóa đói giảm nghèo và chăm sóc giúp đỡ những đối tượng chính sách, thực hiện thường xuyên việc đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, phát huy tinh thần tương thân tương ái trong truyền thống dân tộc.

Để đảm bảo thắng lợi các phong trào cách mạng, Đại hội chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được coi là yêu cầu then chốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Có thể nói, việc đề ra những định hướng to lớn trên đây trong điều kiện nền kinh tế sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, các cơ sở công nghệ còn lạc hậu, lực lượng sản xuất nhỏ bé, quan hệ sản xuất chưa được củng cố vững chắc, việc phát triển sản xuất hàng hóa lớn chưa có điều kiện bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên phải có một niềm tin sâu sắc về chặng đường đã qua và nhận thức rõ những thời cơ cũng

như thách thức mới đầy gian lao thử thách trong sự vận động đi lên của đất nước, của thời đại.

Dưới ánh sáng các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, ngay sau Đại hội lần thứ 25, Ban Chấp hành Huyện ủy đã tập trung xây dựng và đề ra các nghị quyết chuyên đề trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng để lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị. Đặc biệt là Ban Chấp hành Đảng bộ đã biết tập trung lựa chọn những vấn đề bức xúc của địa phương để xây dựng các Nghị quyết chuyên đề và các chương trình hành động như: Nghị quyết 05 về giao thông nông thôn, Nghị quyết 02 về xây dựng làng bản văn hóa, Nghị quyết về cứng hóa kênh mương, Nghị quyết 38 về phòng chống tệ nạn xã hội, Nghị quyết 175 về chuyển đổi thành lập hợp tác xã theo luật,.. Do có những chủ trương, nghị quyết đúng đắn, được nhân dân đồng tình ủng hộ nên việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đã mang lại hiệu quả cao và giành được những thành tựu khá quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, năm sau cao hơn năm trước, luôn vượt kế hoạch được giao.

Nổi bật nhất là trong sản xuất nông, lâm nghiệp. Với quan niệm kinh tế nông nghiệp phải là gốc để ổn định, Ban Chấp hành Đảng bộ nhiều lần đã

nhấn mạnh sự cần thiết phải có những biện pháp tích cực nhằm phát triển nông nghiệp. Để làm được điều đó, Đảng bộ chủ trương tập trung sự lãnh đạo vào nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, mà mục tiêu mũi nhọn là chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao giá trị trên một diện tích canh tác theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Bên cạnh việc tích cực chỉ đạo khai thác quỹ đất, bố trí lại cơ cấu mùa vụ, mở rộng diện tích lúa mùa, mở rộng diện tích cây trồng lương thực ngoài lúa, phát triển các vùng chuyên canh rau, khôi phục vùng dâu tằm, đầu tư khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sắp xếp lại bộ máy khuyến nông, xây dựng tập đoàn giống cây mới, các giống lúa mới cho năng suất cao, phân bón, quy trình gieo cấy,... nhờ đó sản lượng lương thực và cây trồng đã có những chuyển biến tích cực góp phần làm tăng sản lượng lương thực. Có thể nói, sản lượng lương thực quy thóc hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đến năm 1999 đã đạt được 47.369 tấn, tăng 11.369 tấn so với năm đầu nhiệm kỳ, bình quân mỗi năm tăng 2 ngàn tấn, vượt 4% so với mục tiêu Đại hội đề ra.

Phổ Yên là huyện có nhiều xã miền núi, đất nhiều, biết phát huy thì đây là thế mạnh để sinh

lợi. Trên cơ sở nhận thức ấy, cùng với sản xuất lương thực, huyện Đảng bộ đã quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế đồi rừng, giao đất, giao rừng cho nhân dân, thực hiện các chương trình dự án 660, 773, 120, 327... Năm 1999 Phổ Yên đã trồng mới được 566 ha, đưa tỷ lệ che phủ của thảm thực vật từ 23% (năm 1995) lên 26%. Diện tích trồng cây ăn quả các loại đã lên tới 1.150 ha, tăng gấp 4 lần so với đầu nhiệm kỳ. Chè là cây công nghiệp mũi nhọn luôn được huyện đầu tư để phát triển, do vậy diện tích đã tăng lên 975 ha, tăng 12,5% so với năm 1996. Có thể nói, kinh tế đồi rừng, cây công nghiệp và cây ăn quả đã và đang được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Một số xã như Phúc Tân, Phúc Thuận đã và đang hình thành vùng cây ăn quả tập trung với những giống cây phù hợp có giá trị kinh tế cao. Như vậy lĩnh vực trồng trọt đã và đang tạo ra bước đi mới khẳng định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện là hoàn toàn đúng, phù hợp với thực tiễn và đem lại hiệu quả ngày càng cao.

Trong chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm tiếp tục có bước phát triển mạnh, tổng đàn trâu, bò và đàn lợn hàng năm bình quân tăng từ 2 - 6%. Đáng chú ý là ngày nay người dân đã từ bỏ cách chăn nuôi theo tập quán cũ, áp dụng các tiến bộ khoa kỹ

thuật về giống, thức ăn, tiêm phòng dịch... để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng quy mô ngày càng lớn và phương pháp nuôi công nghiệp, đưa tổng giá trị ngành chăn nuôi bằng 51% giá trị ngành trồng trọt, đáp ứng được các nhu cầu thực phẩm cho thị trường trong huyện và cung cấp một phần cho thị trường góp phần nâng cao thu nhập cho đời sống của người lao động.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển ngày càng tăng. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm từ 15 đến 18%. Một số ngành có thế mạnh như sản xuất gạch ngói, khai thác cát sỏi và đan lát thủ công vẫn giữ được nhịp độ phát triển và giá trị sản lượng năm sau đều cao hơn năm trước. Tình hình sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tuy còn gặp một số khó khăn nhưng đã nhiều cố gắng và đã duy trì được sản xuất, giải quyết được một phần lao động, đời sống của công nhân.

Những năm qua, song song với việc phát triển kinh tế thì lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng cũng đã có những bước phát triển mạnh. Đặc biệt là đầu tư vào xây dựng các công trình điện, đường, trường, trạm mà nguồn vốn đóng góp

chủ yếu là của Nhà nước và một phần của nhân dân. Các cơ quan công sở từ huyện đến các xã, thị trấn cũng được quan tâm xây dựng mới khang trang hơn, làm cho bộ mặt từ huyện đến cơ sở có nhiều thay đổi.

Hoạt động tài chính - thương mại dịch vụ có những chuyển biến tích cực: thu ngân sách hàng năm luôn vượt từ 20 - 32%. Hoạt động tiền tệ, tín dụng có nhiều cố gắng phục vụ tốt cho sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện tốt chủ trương xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất từng bước nâng cao thu nhập của nhân dân.

Về văn hóa xã hội đã có những bước chuyển biến đáng ghi nhận. Cụ thể, sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị Quyết Trung ương 2, khóa VIII về giáo dục đào tạo, bằng sự nỗ lực phấn đấu của các ngành các cấp từ huyện đến cơ sở sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Tỷ lệ trẻ đến tuổi đi học được vào trường đạt 96% trở lên. Các mô hình giáo dục mới đã được mở ra theo hướng đa dạng hóa các loại trường lớp. Tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp hàng năm đạt 95%. Huyện Phổ Yên giữ vững được danh hiệu đơn vị đạt tiêu chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, đang từng bước thực hiện phổ cập trung học cơ sở.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

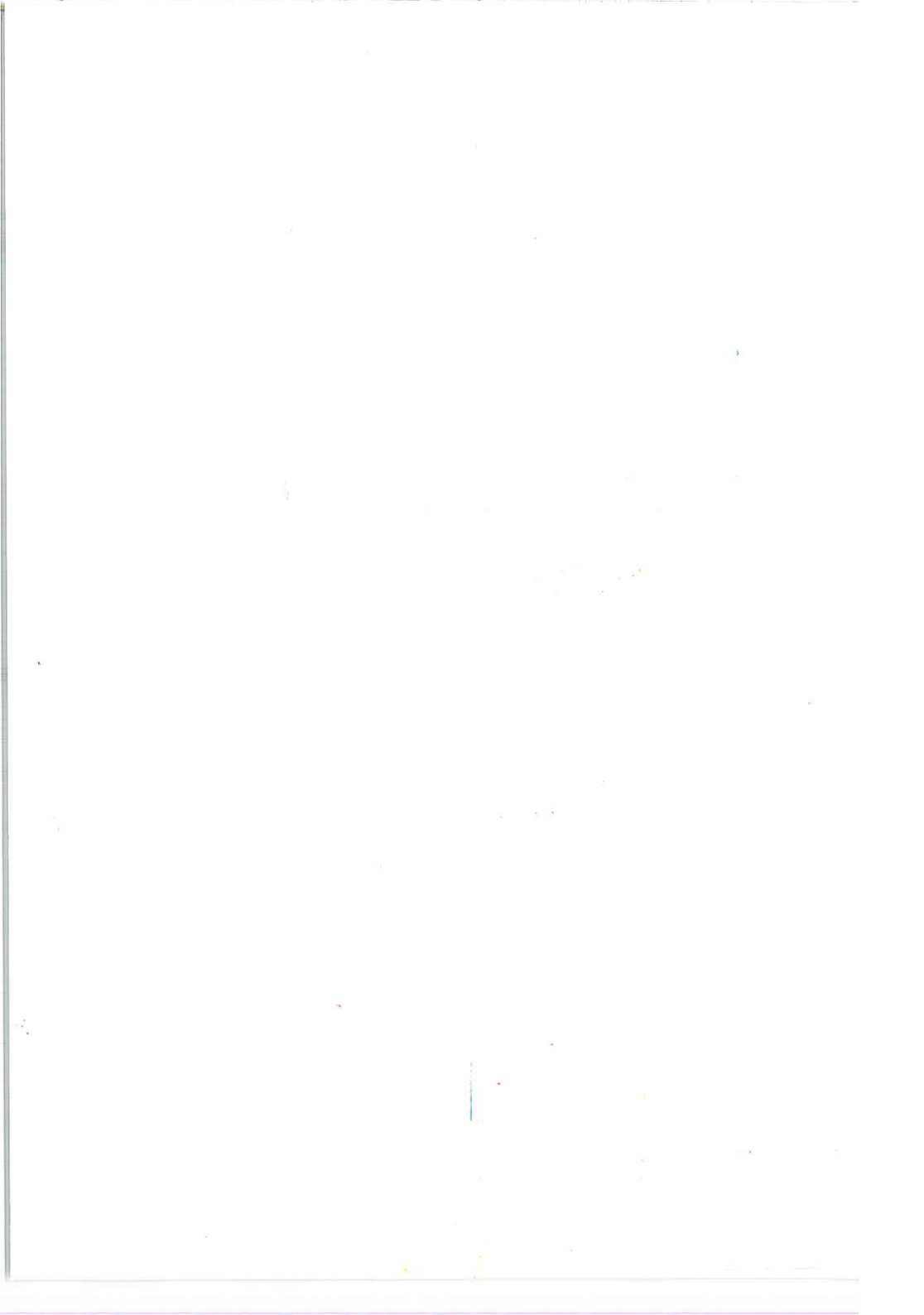
có nhiều tiến bộ. Các chương trình y tế quốc gia đã được triển khai và thực hiện tốt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm giảm từ 3 - 5%. Công tác kế hoạch hóa gia đình có những tiến bộ đáng ghi nhận, đã giảm được mức tăng dân số tự nhiên từ 1,31% năm 1996 xuống còn 1,04% năm 1999.

Hàng năm việc thực hiện các chính sách xã hội như tặng sổ tiết kiệm, nhà tình nghĩa, cứu trợ nhân đạo,.. đạt nhiều kết quả có ý nghĩa thiết thực góp phần động viên sâu rộng trong toàn huyện. Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo, huyện đã chỉ đạo cho những xã nghèo nhất như Thuận Thành, Minh Đức, Vạn Phái, Đắc Sơn vay vốn dự án phát triển sản xuất nhằm góp phần giải quyết thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Từ những chính sách trên, tỷ lệ đói nghèo của huyện đã giảm từ 22,5% năm 1995 xuống còn 8,22% năm 1999.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá VIII của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và hưởng ứng chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 02 của Ban Chấp hành Đảng bộ về vận động



Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến thực phẩm đồ
uống Vĩnh Phúc là một trong những loại hình công
nghiệp nhỏ và vừa được xây dựng ở Phổ Yên



xây dựng nếp sống văn hóa, phong trào xây dựng nếp sống văn hóa của nhân dân trong toàn huyện đã và đang phát triển mạnh cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Đến năm 1999, toàn huyện đã có 75% số làng, bản đăng ký xây dựng làng bản văn hóa và 85% số hộ gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hóa. Qua kiểm tra bình xét hàng năm cho thấy, nếp văn hóa mới đang từng bước được hình thành, các nhân tố mới tiến bộ đang được khẳng định và phát huy góp phần hạn chế và đẩy lùi những hủ tục, tập quán lạc hậu. Các hoạt động văn hóa thông tin tuyên truyền, phát thanh, văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ chính trị và cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân. Trong những năm qua, cùng với việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương về các vấn đề văn hóa, thông tin thể thao Phổ Yên là huyện có nhiều thành tích trong công tác đưa thông tin tuyên truyền về cơ sở. Toàn huyện có trên 10 cụm loa truyền thanh công cộng lớn và nhỏ ở các thôn xóm. Do đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao luôn được mọi người quan tâm, và thực sự trở thành phong trào quần chúng sâu rộng.

Hàng năm Đảng bộ huyện Phổ Yên luôn là đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh,

trận tự an toàn xã hội. Công tác xét xử, thi hành án, công tác thanh tra và việc phổ biến pháp luật cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu thực hiện tốt trên một số lĩnh vực, đã khơi dậy và phát huy được sức mạnh của toàn dân tham gia vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng những năm qua đã quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng lấy mục tiêu phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ qua tiếp tục được đổi mới trên các mặt công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức và công tác kiểm tra. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng Đảng bộ luôn quan tâm đến việc nâng cao nhận thức, rèn luyện lập trường cho cán bộ đảng viên. Mọi Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và của tỉnh đề ra đều được tổ chức quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc. Đồng thời với việc quán triệt nghị quyết, Đảng bộ đã xây dựng các chương trình kế hoạch hành động cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cho sát thực phù hợp với đặc điểm ở từng cơ sở, nhằm đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống. Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo tốt hoạt động thông tin tuyên truyền

nhất là vào dịp phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc, tổ chức học tập nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VIII, đặc biệt là công tác tuyên truyền cho các hoạt động nhân dịp ngày lễ đón nhận Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của huyện và chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp từ huyện đến cơ sở, mở nhiều cuộc thi tìm hiểu lịch sử Đảng bộ đạt kết quả tốt, tạo được niềm tin cho nhân dân trong toàn huyện. Huyện Đảng bộ đã thành lập một mạng lưới báo cáo viên trực thuộc Đảng bộ để truyền đạt Nghị quyết cũng như các chủ trương mới của Đảng, Nhà nước một cách kịp thời. Thực hiện quyết định 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) cấp ủy đã cho tái lập Trung tâm chính trị huyện và qua 5 năm hoạt động đã mở được 70 lớp bồi dưỡng cho 5.357 lượt cán bộ từ cấp huyện đến cơ sở, phối hợp với Trường Đảng tỉnh mở được 1 lớp trung cấp chính trị cho 70 cán bộ chủ chốt cấp xã và thị trấn, góp phần nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ địa phương.

Trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện ủy rất quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ cán bộ từ huyện đến các Chi, Đảng bộ và chính quyền xã, thị trấn. Thông qua những kỳ đại hội Đảng bộ các cấp

(huyện, xã, chi bộ) Huyện ủy đã bố trí đội ngũ cán bộ chủ chốt theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 về công tác cán bộ. Hàng năm có đánh giá, phân loại cán bộ, trên cơ sở đó kịp thời thay thế những cán bộ không đủ năng lực, yếu sức khỏe về nghỉ chế độ. Công tác Đảng viên cũng đã tập trung vào việc thực hiện tốt các quy định về quản lý đảng viên, chất lượng đảng viên. Qua phân loại đánh giá hàng năm có 79% cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Đặc biệt là trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng các cấp ủy Đảng đã nghiêm túc triển khai theo đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy nên đã thu được những kết quả bước đầu.

Công tác kiểm tra được tăng cường hơn trước. Ngoài vai trò kiểm tra của các cấp ủy Đảng, hoạt động kiểm tra của Ủy ban kiểm tra các cấp cũng có nhiều cố gắng, bám sát các nhiệm vụ chính trị và các chủ trương chính sách, Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy để tăng cường quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở. Kết quả là trong 5 năm đã có 690 lượt đảng viên và 42 tổ chức cơ sở Đảng được kiểm tra. Thông qua kiểm tra đã kịp thời xử lý kỷ luật 2 Ban thường vụ Đảng ủy và 72 đảng viên có vi phạm khuyết điểm.

Công tác xây dựng củng cố chính quyền đã tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1999, qua đó kiện toàn lại đội ngũ cán bộ của các cơ quan trong bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở; thực hiện cải cách một bước các thủ tục hành chính theo Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 (khoá VIII); từng bước đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, xây dựng quy chế làm việc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm thể hiện được tính dân chủ đồng thời đảm bảo đúng pháp luật.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã tích cực đổi mới về nội dung và phương pháp để tăng cường công tác vận động quần chúng nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo... góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà đại hội đã đề ra.

Thực hiện kế hoạch chỉ đạo của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, vào những tháng cuối năm 2000, Huyện ủy Phổ Yên đã chỉ đạo tiến hành đại hội Đảng bộ các cấp từ huyện đến cơ sở để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Có thể nói, công tác chỉ đạo Đại hội đã đảm bảo được các yêu cầu và những nội dung theo Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị, không khí

dân chủ trong đại hội đã thực sự được phát huy, việc tham gia thảo luận văn kiện các cấp được nhiều Đảng bộ làm tốt. Công tác nhân sự bầu cấp ủy được chỉ đạo chặt chẽ đảm bảo đúng quy trình.

Từ những thành tựu đã đạt được sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, để tiếp tục đưa công cuộc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 26 được tiến hành (11-2000). Sau khi thảo luận, thống nhất ý kiến đóng góp vào Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Đại hội đã thảo luận, thông qua các báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 25 (1996 - 2000).

Đại hội nhất trí cao trong 5 năm qua tình hình địa phương mặc dù còn khó khăn về nhiều mặt, nhưng được Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ VIII soi sáng, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phổ Yên đã nỗ lực khắc phục khó khăn, chuyển hướng hoạt động theo tinh thần đổi mới, phát huy mọi tiềm năng thế mạnh, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi, từng bước ổn định tình hình và đã giành được những thành tựu quan trọng. Từ những thành tựu đạt được, Đại hội đã rút ra 3 bài học kinh nghiệm sau:

1. Phải phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện tuyệt đối của Đảng và cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất cao trong nội bộ mà trước hết là Ban Chấp hành và Ban Thường vụ.

2. Trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu đề ra phải biết lựa chọn các vấn đề bức xúc, các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ để có các Nghị quyết chuyên đề tập trung chỉ đạo, biết dựa vào dân và phát huy được sức mạnh của nhân dân, động viên được mọi tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng, có như vậy mới mang lại hiệu quả cao.

3. Đi đôi với việc tích cực huy động các nguồn lực của địa phương và đóng góp của nhân dân thì cần phải tập trung tranh thủ tối đa mọi sự giúp đỡ của các cấp, các ngành từ tỉnh đến Trung ương để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

Trên cơ sở của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI, Đại hội lần thứ 26 của Đảng bộ Phổ Yên đã xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: "Phát huy cao độ những thành tựu kinh tế xã hội đã đạt được, huy động tối đa các nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa tạo chuyển biến mạnh mẽ và vững chắc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn, chăm lo sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố an ninh quốc phòng. Tăng cường đoàn kết giữ vững kỷ cương, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh".

Đại hội cũng khẳng định, tiếp tục xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, đồng thời tạo mọi điều kiện để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2005 có cơ cấu kinh tế: nông lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Những chỉ tiêu phát triển chủ yếu đề ra là:

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 350 USD vào năm 2005.

- Tổng sản lượng lương thực đến năm 2005 đạt 46.000 tấn.

- Diện tích chè đến năm 2005 đạt 1.300 ha, cây ăn quả đạt 1.700 ha.

- Thu ngân sách hàng năm tăng khoảng 10% so với kế hoạch của tỉnh giao.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm từ 10 - 15%.

- Giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,5 phần nghìn, cơ bản không còn người sinh con thứ ba.

- Phấn đấu xóa hết hộ đói, giảm 5% hộ nghèo vào năm 2005.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở để đến năm 2005 tất cả các xã, thị trấn đều có điện lưới quốc gia, trong đó có 95% số hộ được dùng điện; 50% đường giao thông nông thôn được cấp phối hóa và bê tông hóa; phấn đấu đến năm 2005 cơ bản kiên cố hóa được kênh mương, tăng hóa từ 25 - 30% số phòng học.

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội.

- Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng 10%; cơ cấu kinh tế đến năm 2005: nông - lâm nghiệp là 53%, công nghiệp và xây dựng là 25%, dịch vụ là 22%.

- Phấn đấu đạt 80% cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, mỗi năm kết nạp được thêm 200 đảng viên mới, phấn đấu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Để thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội, Huyện ủy đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế bao gồm: Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

phù hợp với tiềm năng thế mạnh của địa phương. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tập trung chủ yếu vào hướng chính là tăng năng suất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Giải pháp quan trọng hàng đầu là tập trung khoanh vùng sản xuất nhằm phát huy cao nhất lợi thế của từng vùng cụ thể; quy hoạch và phát triển vùng cây chè, cây ăn quả nhằm khai thác thế mạnh về kinh tế đồi rừng; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, trên cơ sở giữ vững ổn định đàn trâu, tăng nhanh đàn bò và đàn lợn, đặc biệt là phát triển chăn nuôi gia cầm, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư mở rộng chăn nuôi theo mô hình trang trại, phấn đấu đưa giá trị của ngành chăn nuôi bằng 70% ngành trồng trọt. Phát triển mạnh mẽ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ theo hướng đẩy mạnh các hoạt động liên doanh liên kết tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh kể cả các doanh nghiệp đầu tư của nước ngoài vào địa phương nhằm phát triển sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm, khôi phục một số ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh việc quy hoạch xây dựng và phát triển các thị trấn, thị tứ thành các trung tâm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ.

Đại hội cũng chỉ rõ, muốn đẩy nhanh phát triển kinh tế thì cơ sở hạ tầng phải đi trước một bước. Từ những thế mạnh cũng như tiềm năng sẵn có của địa phương, trong những năm tới toàn Đảng bộ cần phát huy tối đa mọi nguồn lực, huy động vốn đóng góp của nhân dân cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làm nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hướng ưu tiên đầu tư chủ yếu là làm đường giao thông, cứng hóa kênh mương, phát triển mạng lưới điện, xây dựng trường học,.. Tập trung khai thác các nguồn lực từ đất đai, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn thu chưa huy động đúng mức vào ngân sách Nhà nước; chú trọng bồi dưỡng nguồn thu, quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, không để thất thu, thực hiện tốt các chính sách tiền tệ, tín dụng của Nhà nước để nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư thúc đẩy sản xuất phát triển.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội chỉ rõ cần phải tập trung phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ vì đây là một trong những nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển; đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hóa, y tế, chăm sóc sức khỏe cho

nhân dân, làm tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và các chính sách xã hội.

Một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng là công tác xây dựng Đảng, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa then chốt quyết định đến việc hoàn thành các mục tiêu Đại hội đề ra. Do đó, Đại hội chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng theo các nội dung đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Trong những năm tới toàn Đảng bộ cần phải tiếp tục tập trung vào thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo các nội dung mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã xác định, trong đó tập trung làm chuyển biến rõ nét trên một số mặt như: công tác chính trị tư tưởng phải thường xuyên quán triệt được đầy đủ các đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, Đảng viên và nhân dân, tạo ra sự chuyển biến cả về tư tưởng nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Tập trung củng cố Đảng về tổ chức, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, kết hợp nâng cao chất lượng đảng viên, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt để thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Tập

trung chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ mới, đặc biệt là phải chú trọng đến việc quy hoạch đào tạo nguồn cán bộ cho các xã, thị trấn, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VIII), thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ đảm bảo sự đồng bộ và kế thừa liên tục trong đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 26, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng kế hoạch hành động với các nhiệm vụ trọng tâm cho những năm 2001 - 2005 như sau:

- Tổ chức phổ biến quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội các cấp từ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên lần thứ 26.

- Tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội đảng bộ huyện lần thứ 26 đề ra.

Việc đề ra những định hướng to lớn trên đây

trong điều kiện thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phổ Yên phải có một sự cố gắng nỗ lực đổi mới đây gian lao thử thách. Phổ Yên là vùng đất giàu tiềm năng về đất đai, tài nguyên, sức lao động, vị trí địa lý,.. nhưng cũng không ít thách thức quyết liệt của thiên nhiên. Việc khai thác thế mạnh của một huyện trung du miền núi, nằm ở cửa ngõ từ Hà Nội đi các tỉnh phía Bắc đang là một yêu cầu to lớn trước những đòi hỏi và vận hội mới. Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đã và đang đánh thức tiềm năng với "thiên thời", "địa lợi", "nhân hòa" trong nỗ lực thực hiện những giải pháp lớn về kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, dù cho công cuộc chinh phục thiên nhiên, khai thác tiềm năng trong những năm qua đã có những thành tựu nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của vùng đất này. Mặc dù vậy, những thành quả và kinh nghiệm trong quá trình thực hiện đã đặt cơ sở cho Đảng bộ tiếp tục đầu tư trí tuệ nhằm khai thác với quy mô lớn hơn, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới hơn 15

năm qua cũng chính là quá trình Đảng bộ Phổ Yên tìm tòi, sáng tạo, tìm hướng đi cho gần 13 vạn dân, thực hiện từng bước chuyển dịch kinh tế, chuyển dịch nếp nghĩ, cách làm ăn trên tầm cao của tư duy mới.

Những đổi thay hơn 15 năm qua trên đất Phổ Yên là những thay đổi toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần đã từng bước cải thiện đời sống nhân dân về ăn mặc, đi lại, học tập, chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa. Nhiều cơ sở kinh tế thủ công nghiệp đã và đang hình thành; nhiều công trình xây dựng phục vụ sản xuất và dân sinh được đưa vào sử dụng, đánh dấu sự chuyển động kỳ diệu trên vùng đất này.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của địa phương, các chủ trương của Ban Chấp hành và Thường vụ Huyện ủy đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Những thành tựu to lớn đã đạt được từ sau những năm đổi mới là sự hội nhập hài hòa giữa ý Đảng, lòng dân.

Định hướng mục tiêu tới năm 2005 với nền kinh tế cân đối, toàn diện là hướng đi đúng đắn và phù hợp với thực tiễn địa phương, thể hiện quyết tâm

lớn của Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên trong những năm tới, phản ánh nguyện vọng tha thiết của nhân dân các dân tộc trên vùng đất giàu truyền thống lịch sử và đấu tranh cách mạng.

Hướng đi đã mở, con đường đi lên còn nhiều gian lao thử thách, những thế hệ con cháu trên đất Phổ Yên tiếp nối khí phách của cha ông, phát huy truyền thống quật cường của quê hương bước vào thế kỷ 21 với một niềm tin sắt đá, quyết tâm biến miền quê trung du miền núi thành trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội văn minh và hiện đại.

KẾT LUẬN

Trải qua gần nửa thế kỷ đấu tranh và xây dựng, với những chặng đường lịch sử vinh quang và oanh liệt nhưng không ít gian lao và thử thách, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và quê hương.

Trong chặng đường gần nửa thế kỷ qua, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Phổ Yên giành được những thành tựu rất tự hào. Phát huy truyền thống hào hùng qua các thời kỳ cách mạng, tinh thần quật khởi trong cách mạng mùa Thu và trong 9 năm chống Pháp, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên vững tin bước vào thời kỳ mới.

Hoà bình lập lại, cùng với nhân dân ta trên miền Bắc, nhân dân Phổ Yên nhanh chóng bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng cơ sở vật chất đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Trong khi miền Bắc đang ra sức thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm

lần thứ nhất thì đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại, nhân dân Phổ Yên cùng với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, chắc tay cày, vững tay súng, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, cùng cả nước chống Mỹ, đóng góp sức người, sức của cho miền Nam ruột thịt, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đó là những năm tháng hào hùng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên mãi mãi ghi lòng tạc dạ sự hy sinh to lớn của biết bao đồng bào đồng chí dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sau năm 1975, cả nước thống nhất, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên đã lập nên những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng quê hương. Xuất phát từ vị trí địa lý thuận lợi, là cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, là cầu nối giữa vùng đồng bằng sông Hồng với vùng Việt Bắc; tiếp bước truyền thống của các thế hệ cha ông, các thế hệ người Phổ Yên hôm nay đã và đang lao động, sáng tạo vì sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Nền kinh tế nông nghiệp độc canh với lối làm ăn manh mún đã dần được thay thế bằng nền kinh tế đa canh, thâm canh, phát triển toàn diện. Từ nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp đã phát triển thành nền kinh tế đa

ngành, đa nghề, với cơ cấu công - nông lâm nghiệp - dịch vụ. Đó là sự thay đổi rất to lớn và căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Có thể thấy trong gần nửa thế kỷ qua, làng xóm và đồng ruộng Phổ Yên đã từng bước được cải tạo với tầm nhìn và tư duy mới. Hàng loạt công trình văn hóa - xã hội được xây dựng trong nhịp độ phát triển của nông thôn mới. Đời sống nhân dân lao động được từng bước nâng cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ. Đó là sự thay đổi mang tính cách mạng mà Đảng bộ và nhân dân Phổ Yên hoàn toàn có thể tự hào.

Sự phát triển và những thay đổi quan trọng ở Phổ Yên mấy chục năm qua gắn liền với sự trưởng thành của tổ chức Đảng địa phương. Từ một Đảng bộ, năm 1954 với khoảng 400 đảng viên, đã tăng lên 5.000 đảng viên năm 2000. Trong quá trình lãnh đạo, tổ chức các phong trào cách mạng, Đảng bộ Phổ Yên dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, của khu uỷ Việt Bắc trước đây, của Tỉnh uỷ Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) đã phát huy đúng chức năng tổ chức, lãnh đạo, đã đưa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống. Sức mạnh của tổ chức Đảng trước hết là việc xây dựng Đảng gắn liền với

mở rộng dân chủ, nêu cao tự phê bình và phê bình, làm trong sạch nội bộ Đảng từ Huyện đến cơ sở, là sự gắn bó giữa Đảng và dân, là sự phát huy đồng bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sự vận động đi lên trong quá trình đổi mới ở Phổ Yên cũng như các địa phương khác ở Thái Nguyên và trong cả nước không giản đơn, thuận chiều. Di sản làng xã, nông thôn, nông nghiệp với đầy đủ những yếu tố tích cực và tiêu cực là tồn tại tất yếu khách quan. Trong truyền thống cũ có không ít mặt bảo thủ, trì trệ cần loại bỏ trong sự nghiệp cách mạng ở nông thôn. Tư tưởng dân chủ xóm làng, tâm lý của người tiểu nông không dễ dàng chuyển sang nền dân chủ mới và thích ứng trong chuyển đổi kinh tế thị trường, trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Phổ Yên đã phát huy được những di sản có giá trị và ý nghĩa to lớn. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là tinh thần ngoan cường bất khuất trong đấu tranh cách mạng; là lòng dân kiên trung với cách mạng, tuyệt đối trung thành vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; đó là sự năng

động trong làm ăn, lao động sáng tạo hướng vào cuộc sống giàu mạnh, ấm no, hạnh phúc.

Có thể thấy qua thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Phổ Yên, những bài học thực tiễn vô giá không chỉ trong quá khứ mà còn có giá trị và ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp đổi mới hiện nay:

- Để tạo nên sức mạnh trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng quê hương, điều có ý nghĩa then chốt chính là việc xây dựng và xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện đầy đủ vai trò lãnh đạo và là hạt nhân của hệ thống chính trị, việc xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ mới, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức Đảng là khâu then chốt đối với toàn bộ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Để đáp ứng yêu cầu đó, vấn đề có ý nghĩa tiên quyết là xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất chính trị, năng lực hoạt động và uy tín để đảm đương vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hệ thống chính trị.

- Thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc ở Phổ Yên cho thấy vai trò to lớn và sức mạnh phi thường của quần chúng nhân dân. Các chủ trương, chính sách của Đảng chỉ thực sự trở thành sức mạnh vật chất và trở thành hiện thực

sinh động nếu phù hợp với lòng dân; thông qua đó, tổ chức Đảng tổng kết, nắm bắt những sáng tạo của nhân dân, xây dựng thành những quyết sách lớn là yêu cầu quan trọng đối với Đảng bộ Phố Yên. Tư tưởng "lấy dân làm gốc" chính là động lực trong các phong trào cách mạng, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Bài học kinh nghiệm về vận động quần chúng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cần phải được áp dụng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

- Để xây dựng phong trào cách mạng của quần chúng, kinh nghiệm lịch sử cho thấy ngoài việc nắm vững đường lối chung, Đảng bộ và chính quyền địa phương, các cơ sở Đảng phải căn cứ từ những điều kiện cụ thể về địa lý, lịch sử - văn hóa, cư dân để tìm ra các biện pháp và bước đi thích hợp qua từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử. Không thể chỉ tự hào với tiềm năng mà phải khai thác, đánh thức tiềm năng trên cơ sở những luận cứ cách mạng và khoa học, kết hợp với xu hướng phát triển của vùng Việt Bắc và cả nước, gắn liền với sự hội nhập quốc tế, trong chiến lược phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

*

* *

Gần nửa thế kỷ qua, một chặng đường cách mạng

đầy gian khổ hy sinh, nhưng vô cùng vẻ vang, Đảng bộ và lớp lớp các thế hệ con người Phổ Yên đã hun đúc nên bao truyền thống cách mạng hào hùng trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng quê hương.

Với những thành tựu đã đạt được trong gần nửa thế kỷ qua, Đảng bộ Phổ Yên đã khẳng định vai trò lãnh đạo của mình và đã để lại một di sản tinh thần vô giá. Bên cạnh đó, những tồn tại, thiếu sót cũng là một bài học để khắc phục cho chặng đường tiếp nối. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Phổ Yên là lịch sử quá trình vận động quần chúng đi theo Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên. Đó là lịch sử vinh quang và oanh liệt nhưng cũng không ít khó khăn gian khổ.

Tự hào về những trang sử vàng vẻ vang của lịch sử Đảng bộ Phổ Yên, từ những thắng lợi bước đầu của sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nhân dân các dân tộc Phổ Yên càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, vững bước tiến vào thế kỷ XXI, viết tiếp những trang sử kỳ diệu nhất trên quê hương mình.

PHỤ LỤC

**DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
QUA CÁC NĂM VÀ KỲ ĐẠI HỘI**
*(Từ 1960 - 1978 danh sách các đồng chí Thường
vụ dựa vào các Quyết định công nhận của Tỉnh
ủy Thái Nguyên- Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy
Thái Nguyên)*

Năm 1960

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Lưu Kim Kính - Phó Bí thư.
3. Nguyễn Thế Hào - Ủy viên.
4. Nguyễn Quang Tương - Ủy viên.
5. Vũ Quang Bấy - Ủy viên.

Năm 1962

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Nguyễn Thế Hào - Phó Bí thư.

3. Nguyễn Quang Tường - Ủy viên.
4. Hoàng Văn Súc - Ủy viên.
5. Phạm Văn Phiếm - Ủy viên.

Năm 1963

1. Nguyễn Thị Phong - Bí thư.
2. Nguyễn Văn Mục - Phó Bí thư.
3. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
4. Nguyễn Quang Tường - Ủy viên.
5. Đồng Văn Môn - Ủy viên.

Năm 1965

1. Nguyễn Đình Chất - Bí thư.
2. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
3. Nguyễn Văn Mục - Phó Bí thư.
4. Dương Văn Tuân - Ủy viên.
5. Dương Thái Ninh - Ủy viên.
6. Ngô Đại - Ủy viên.
7. Trần Mạnh Hải - Ủy viên.

Năm 1967

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.

3. Trần Mạnh Hải - Phó Bí thư.
4. Ngô Đại - Ủy viên.
5. Dương Văn Tuân - Ủy viên.
6. Dương Văn Ninh - Ủy viên.
7. Trần Thị Chiến - Ủy viên.

Năm 1969

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
3. Trần Quốc Thu - Phó Bí thư.
4. Trần Mạnh Hải - Ủy viên.
5. Ngô Đại - Ủy viên.
6. Trần Thị Chiến - Ủy viên.
7. Dương Văn Tuân - Ủy viên.

Năm 1971

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
3. Trần Quốc Thu - Phó Bí thư.
4. Dương Văn Tuân - Ủy viên.
5. Ngô Đại - Ủy viên.
6. Trần Mạnh Hải - Ủy viên.
7. Dương Xuân Trọng - Ủy viên.

Năm 1974

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
3. Hà Đình Thông - Ủy viên.
4. Trần Phùng - Ủy viên.
5. Dương Xuân Trọng - Ủy viên.
6. Vũ Đình Bách - Ủy viên.
7. Ngô Xuân Đài - Ủy viên.
8. Ngô Đại - Ủy viên.
9. Nguyễn Văn Kỹ - Ủy viên.

Năm 1978

1. Nguyễn Văn Mục - Bí thư.
2. Dương Văn Sào - Phó Bí thư Thường trực.
3. Hoàng Văn Súc - Phó Bí thư.
4. Ngô Xuân Đài - Ủy viên.
5. Nguyễn Văn Thống - Ủy viên.
6. Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên.
7. Trần Phùng - Ủy viên.
8. Lưu Tuấn Nhã - Ủy viên.
9. Phan Kim Hùng - Ủy viên.

Từ 1980-2000 danh sách các đồng chí Thường vụ được Ban Tổ chức Huyện uỷ cung cấp

Khoá 20 (Đại hội tháng 2-1980)

1. Nguyễn Ngô Hai - Bí thư
2. Dương Văn Sào - Phó Bí thư Thường trực
3. Ngô Thế Xuân - Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân
4. Ngô Xuân Đài - Trưởng ban kiểm tra
5. Nguyễn Văn Thanh - Bí thư Đảng uỷ xã Vạn Phái
6. Nguyễn Văn Thống - Trưởng ban Tuyên Giáo
7. Lưu Tuấn Nhã - Uỷ viên
8. Lê Xuân Hùng - Phó Chủ tịch Uỷ ban, Chủ nhiệm Uỷ ban nông nghiệp
9. Trần Phùng - Huyện đội trưởng
10. Vũ Xuân Tứ - Trưởng công an huyện
11. Hà Văn Chấn - Thư ký công đoàn

Khoá 21 (Đại hội tháng 11-1982)

1. Dương Văn Sào - Bí thư
2. Nguyễn Văn Thanh - Phó Bí thư Thường trực, kiêm Trưởng Ban tổ chức

3. Lê Xuân Hùng - Phó Bí thư, phụ trách kinh tế
4. Ngô Thế Xuân - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
5. Lưu Tuấn Nhã - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban nông nghiệp
6. Nguyễn Văn Sứ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phụ trách tiểu thủ công nghiệp
7. Nguyễn Văn Thống - Trưởng ban Tuyên giáo
8. Ngô Xuân Đài - Trưởng ban Kiểm tra
9. Nguyễn Văn Tập - Chỉ huy trưởng Huyện đội

Khoá 22 (Đại hội tháng 10-1986)

1. Nguyễn Văn Sứ - Bí thư
2. Lê Xuân Hùng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Nguyễn Văn Thanh - Phó Bí thư Thường trực
4. Lưu Tuấn Nhã - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân
5. Nguyễn Quang Huy - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6. Ngô Xuân Đài - Trưởng ban Tổ chức
7. Nguyễn Văn Thống - Trưởng ban Tuyên giáo
8. Nguyễn Văn Ước - Trưởng ban Kiểm tra
9. Vũ Xuân Tứ - Trưởng công an huyện

10. Nguyễn Văn Hoàn - Huyện đội trưởng
11. Đào Duy Chiến - Thư ký công đoàn huyện

Khoá 23 (Đại hội tháng 4-1989)

1. Nguyễn Văn Sứ - Bí thư
2. Lê Xuân Hùng - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Nguyễn Văn Thanh - Phó Bí thư Thường trực
4. Đào Duy Chiến - Trưởng ban Tuyên giáo
5. Nguyễn Văn Ước - Trưởng ban Kiểm tra
6. Nguyễn Quang Huy - Giám đốc Công ty Ngoại thương
7. Lê Đạm - Trưởng công an huyện
8. Ngô Xuân Triệu - Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân
9. Hoàng Quốc Bình - Bí thư Đảng uỷ thị trấn Ba Hàng

Khoá 24 (Đại hội tháng 11-1991)

1. Nguyễn Văn Thanh - Bí thư
2. Nguyễn Quang Huy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Ngô Xuân Triệu - Phó Bí thư Thường trực
4. Hà Thế Mận - Trưởng ban Tuyên giáo

5. Tạ Văn Út - Trưởng ban Tổ chức
6. Nguyễn Văn Ước - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra
7. Lê Đạm - Trưởng công an huyện
8. Nguyễn Văn Thiệp - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Khoá 25 (Đại hội tháng 1-1996)

1. Nguyễn Quang Huy - Bí thư
2. Ngô Xuân Triệu - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Tạ Văn Út - Phó Bí thư Thường trực
4. Hà Thế Mận - Trưởng ban Tuyên giáo
5. Nguyễn Văn Ước - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra
6. Nguyễn Quang Nguyên - Trưởng ban tổ chức
7. Lê Đạm - Trưởng công an huyện
8. Nguyễn Văn Thiệp - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
9. Nguyễn Văn Thiết - Huyện đội trưởng

Khoá 26 (Đại hội tháng 11-2000)

1. Ngô Xuân Triệu - Bí thư

2. Tạ Văn Út - Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân
3. Nguyễn Công Hoàn - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
4. Nguyễn Quang Nguyên - Trưởng ban Tổ chức
5. Nguyễn Văn Ước - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
6. Hà Thế Mận - Trưởng ban Tuyên giáo
7. Nguyễn Văn Khoa - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
8. Nguyễn Văn Thiết - Huyện đội trưởng
9. Nguyễn Văn Thực - Trưởng công an huyện

**DANH SÁCH TẬP THỂ ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG
ĐƠN VỊ "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN" THỜI KỲ CHỐNG PHÁP**

1. Nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phổ Yên.
2. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CHIẾN SĨ LỰC LƯỢNG
VŨ TRANG (sinh quán, trú quán ở Phổ Yên)
ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU: "ANH
HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN"
VÀ "ANH HÙNG LAO ĐỘNG"**

1. **Dương Quảng Châu:** sinh tháng 10-1927.
Quê quán: Hoàng Hanh, Phù Tiên, Hưng Yên.
Trú quán: Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên.
Được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang
ngày 7-5-1956.

2. **Triệu Văn Báo:** sinh năm 1932.
Quê quán: Chí Viễn, Trùng Khánh, Cao Bằng.
Trú quán: Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
Được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang
ngày 7-5-1956.

3. **Nguyễn Mai Tâm:** sinh năm 1933.
Quê quán: Đông Cao, Phổ Yên, Thái Nguyên.
Trú quán: Đông Cao, Phổ Yên, Thái Nguyên.
Được tuyên dương Anh hùng lao động ngày
4-5-1962.

DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1. Mẹ Nguyễn Thị Dân có 3 con là liệt sĩ ở xã Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên.
2. Mẹ Nguyễn Thị Lý có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên.
3. Mẹ Nguyễn Thị Chúc có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên.
4. Mẹ Nguyễn Thị Sảo có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên.
5. Mẹ Nguyễn Thị Tân có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
6. Mẹ Vũ Thị Đào có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên.
7. Mẹ Lê Thị Liên có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
8. Mẹ Trần Thị Hựu có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
9. Mẹ Lê Thị Thái có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên.

10. Mẹ Trương Thị Hạ có hai con là liệt sĩ ở xã Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
11. Mẹ Lê Thị Cửu có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
12. Mẹ Vũ Thị Sách có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên.
13. Mẹ Nguyễn Thị Võ (tức Yến) có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
14. Mẹ Nguyễn Thị Bưởi có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.
15. Mẹ Dương Thị Nhị có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên.
16. Mẹ Nguyễn Thị Tý có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên.
17. Mẹ Hoàng Thị Hân có con độc nhất là liệt sĩ ở xã Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời giới thiệu	7

Chương I

THỰC HIỆN KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)

I. Cuộc phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất	9
II. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế	20
1. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp huyện	20
2. Xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I	26
3. Xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể	75

Chương II

VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

I. Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời chiến	79
	291

1. Phát triển kinh tế xây dựng hậu phương	79
2. Phát triển văn hóa giáo dục	113
II. Xây dựng củng cố tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể trong tình hình mới	116
III. Góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, chi viện cho tiền tuyến lớn anh hùng	143
1. Giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương	143
2. Chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trên địa bàn huyện	146

Chương III

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975-1985)

I. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện cả nước thống nhất (1975-1978)	166
II. Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội kết hợp với quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang (1979-1980)	177
III. Thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị 100 CT - TW	186

Chương IV

PHỔ YÊN TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1986-2000)

I. Thực hiện công cuộc đổi mới	205
II. Xây dựng Phổ Yên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	244
<i>Kết luận</i>	271
<i>Phụ lục</i>	278

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỖNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập kỹ thuật, vẽ bìa: PHÙNG MINH TRANG

Sửa bài: PHƯƠNG LINH

HOA THẢO

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp in Lao động - xã hội. Giấy phép xuất bản số 35-104/CXB-QLXB cấp ngày 23-1-2003.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2004.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
TRƯỜNG THỰC HÀNH

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THỰC HÀNH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN AN
CHỨC VỤ: GIÁO VIÊN
QUÂN QUẢN: NGUYỄN VĂN AN
QUÂN QUẢN: NGUYỄN VĂN AN

Đã học và nghiên cứu xong chương trình
đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
và được cấp bằng tốt nghiệp năm 2001
Số bằng: 201-1-2001
Đã công bố kết quả học tập và rèn luyện
theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
năm 2001